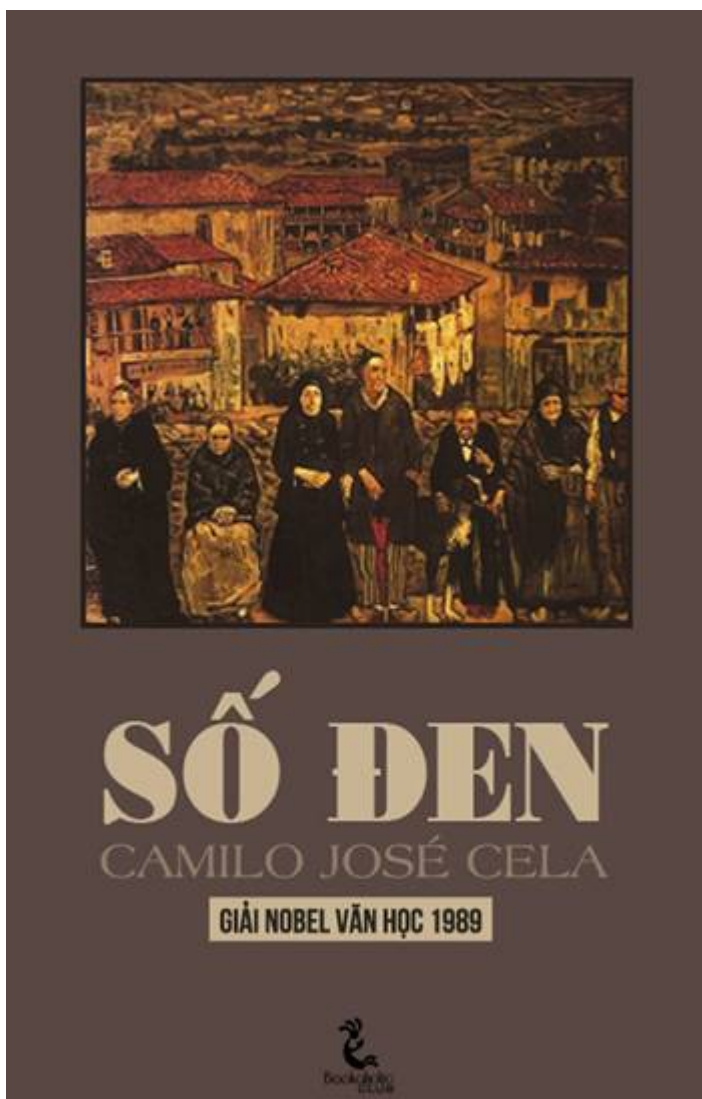




SỐ ĐEN

CAMILO JOSÉ CELA

GIẢI NOBEL VĂN HỌC 1989



SỐ ĐEN

Camilo José Cela

Making Ebook Project
BOOKAHOLIC CLUB





Tên sách: **SỐ ĐEN**

Tác giả: **Camilo José Cela**

Nguyên tác: *La familia de Pascual Duarte*

Dịch giả: Trương Võ Anh Giang

Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn

Năm xuất bản: 1991

Số trang: 250

Khổ sách: 13 x 19 cm

Ảnh bìa: Hồng Đức

Đánh máy: Phương Nhi, Thu Hoài, Duyên, Bảo Trân, Hải Anh

Soát lỗi: Vân Thu

Chế bản ebook: Hồng Sơn

Ngày thực hiện: 21/10/2012

Making Ebook Project #282 - www.BookaholicClub.com

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

TRÍCH LỜI BẠT

TRÍCH “LỜI TỰA”

CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI GHI LẠI

BỨC THƯ CỦA DUARTE GỎI NGƯỜI ĐÀU TIÊN NHẬN BẢN
THẢO CỦA HẮN

TRÍCH DI CHÚC DO DON JOAQUIN ĐỀ LẠI

SỐ ĐEN

I

II

III

IV

V

VI

VII

VIII

IX

X

XI

XII

XIII

XIV

XV

XVI

XVII

XVIII

XIX

CHÚ THÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI GHI LẠI

BỨC THƯ THỨ NHẤT

BỨC THƯ THỨ HAI

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Nhà văn Tây Ban Nha **Camilo José Cela** sinh trong một gia đình thượng lưu bản xứ, học ngành y nhưng thường xuyên nghe các bài giảng văn tại khoa Triết Đại học Madrid. Những năm 30, **Camilo José Cela** tham gia nội chiến Tây Ban Nha nhưng bị lao phổi nặng. Khỏi bệnh ông chuyển sang học Luật ở Madrid, và bắt đầu viết văn. Năm 1934, ông viết bài thơ đầu tiên *Đám tang tôi* và từ đó cái chết là đề tài ám ảnh trong các tác phẩm của ông; Năm 1942, ông xuất bản cuốn tiểu thuyết *Gia đình Pascual Duarte* và nhanh chóng trở lên nổi tiếng; được đánh giá là cuốn tiểu thuyết hay nhất Tây Ban Nha kể từ thời *Don Kihote*. **Camilo José Cela** sáng tác rất nhiều thể loại: Tiểu thuyết, truyện dài, truyện ngắn, kí, kịch, thơ, truyện dịch, Ông còn soạn *Từ điển bí mật*, 11 tập, gồm những từ vựng kiêng hủ, bị cấm đoán, tiếng lóng đường phố..., và *Bách khoa tình dục*, song tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là tiểu thuyết *Tổ ong* kể về cuộc sống của dân chúng ở thủ đô Madrid sau khi kết thúc nội chiến. Năm 1983 ông cho ra đời tiểu thuyết được coi là “Trào phúng đen” – *Bản Mazurca cho hai người chết*. Năm 1989, **Camilo José Cela** là nhà văn đầu tiên của Tây Ban Nha được tặng giải Nobel văn học cho những tác phẩm được viết theo lối văn súc tích, cô đọng thể hiện lòng trắc ẩn vô hạn đối với những phận người cay đắng và hoang mang trong cuộc chiến phi lí. Ông được coi là nhà văn nổi bật nhất của Tây Ban Nha sau chiến tranh.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Số đen là câu chuyện về cuộc đời của anh nông dân người Tây Ban Nha là Pascual Duarte sinh ra trong một thế giới khắc nghiệt đầy truy lạc, thù hận và đói nghèo. Câu chuyện được Pascual kể lại từ trong nhà tù nơi anh bị giam giữ chờ ngày hành quyết vì những tội giết người mà anh đã thực hiện trong suốt cuộc đời mình. Mặc dù đã có những động lực độc ác và dã man, Pascual vẫn giữ lại được cái nhìn đầy thơ trẻ về thế giới và niềm khao khát cháy bỏng để hiểu được số phận nào đã đưa anh vào con đường đầy máu.

TRÍCH LỜI BẠT

Bản dịch tiếng Anh cuốn “Số Đen”

Một trong những nhà văn tài ba nhất của thế giới đứng về phía những người bị đày xuống địa ngục trong những năm đảo lộn dưới chế độ bọn Trục là Camilo José Cela ở Tây Ban Nha...

Cela là một gương mặt nổi bật, ghi chép về cuộc đời của những người dân quê ngu dốt của Castille và những kẻ giết người của Extremadura.

Cuốn *Số đen*, lấy chủ đề quanh việc giết người một cách không có ý nghĩa. Như một tiếng chuông gọi hồn thật to, cuốn sách vang lên với âm thanh của một khoảng không về tinh thần. Hối chuông báo tử xuyên qua một thảo nguyên trống rỗng của tâm hồn... Phía sau và phía dưới tác phẩm là vực thẳm của một cuộc chiến tranh vừa bước vào cao điểm, sự tiêu điều lan rộng của một hậu quả đã thấy trước, sự thiếu đức tin vào bất cứ những gì không có trước mắt, cái huyền thoại được làm sang tỏ, cái phi lý của vận may...

... Một nhà thơ nổi tiếng trong nước đã đặt Cela vào hàng ngũ những nhà văn lớn ở Tây Ban Nha có nhiều tài năng trong “nghệ thuật gây dựng cái đẹp từ “con số không” và từ những cái khiếm khuyết”. Đó là một truyền thống của bốn trăm năm văn học sử mà bắt đầu là tiểu-thuyết-lấy-kẻ-bất-lương-làm-nhân-vật-chính...

... Camilo José Cela đã tạo ra một thế giới mà nghị lực con người không còn nữa, những nghị lực phải cúi đầu trước sự hư không hầu như huyền bí của con tim chính mình. Những nhân vật của ông không bao giờ đi ngang qua mặc cảm xã hội để đến số phận, xuyên qua những con đường mòn của xã hội, nói gì đến Hình hài của Chúa Ki-tô hay Nhà chung. Họ có thể vật vã đấu tranh, nhưng luôn luôn họ đầu hàng chính họ vào lúc cuối cùng. Pascual Duarte đã hành động như thế bên ngoài pháp luật. Hấn hời

lòng chấp nhận tầm cỡ đầy đủ của chính hắn... Ở Cela, khuynh hướng đó là một niềm tin hầu như huyền bí vào sự đúng đắn của điều không lường trước được.

Trong khai từ một quyển sách nghiên cứu về “hệ thống thẩm mỹ” trong tác phẩm ông của một nhà khảo cứu, ông viết:

“Nhà văn chúng ta sống một ít như con ốc, thỉnh thoảng vươn cổ ra để chỉ rụt vào hầu như liền lúc ấy... Nhà văn chúng ta chỉ cần năm sáu ý tưởng rõ rệt... để giữ chúng ta bên lề của các thể chế, tất cả các thể chế đó đều không tốt, không có ngoại lệ, tất cả các thể chế đó đều thói rữa và cũ rích”.

Số đen là một tác phẩm nghiên cứu về tâm lý của cái sợ, về sự hung hăng của cái sợ. Một cách đầy đủ hơn: sự hung hăng của sự sợ hãi lẫn rụt rè, và cái tội ác về cả hai điều này.

Tất cả điều này là trần trụi, vì không có tính người, như hòn đá, khi nó không trình diễn cái nghèo. Sức mạnh của tác phẩm là hành động của một ý chí bị tiêu diệt, hay một ý-muốn-dẫn-đến-sự-tiêu-diệt. Thật hết sự kinh tởm chuyện người mẹ cắn sứt đầu vú đàn ông không còn tác dụng nữa của con trai, người con trai cứ tin rằng người mẹ là để cho sự giết chóc. Thật quái dị khi ta thấy một con chó sẵn bị giết vì theo chủ trong lúc hắn nổi cơn bốc đồng; thật hung bạo khi hắn giết một người đàn ông để trả thù vì tình yêu của hắn đối với vợ hắn. Tóm lại, có đủ để biến *Số đen* thành một tiểu thuyết cao cấp của truyền thống “biểu hiện” (nói theo hội họa).

Để riêng mọi sự phân biệt về cái thể giới hiện hữu và nơi cư trú, Cela chắc chắn là nhà văn kỳ cựu nhất của Tây Ban Nha hôm nay: kỳ cựu về âm thanh, về ngôn từ Tây Ban Nha.

Ngôn ngữ của ông là ngôn ngữ của Đôn Kihôtê lẫn Sancho Pancha...

Thế giới của ông mong manh như không khí ở Avila. Nó cũng đầy đất như ở Andalusia...

Trung tâm của ông là Madrid. Ông bị đẩy tới đó bởi một lực hướng tâm đặc biệt của Tây Ban Nha.

Và ông đã đứng ngay trung tâm của truyền thống văn chương đó.

Anthony KERRIGAN

TRÍCH “LỜI TỰA”

(Bản dịch tiếng Pháp)

Thỉnh thoảng, không đều đặn và như thể bất ngờ, đã xuất hiện những cuốn tiểu thuyết mà tầm quan trọng không chỉ ở phẩm chất văn chương của tác phẩm, nhưng còn do tính độc đáo của đề tài và tính mới mẻ trong hình thức những tác phẩm đó. Như vậy, những tác phẩm này đã tạo một ảnh hưởng đáng kể đến một số đông các nhà văn, sau đó ảnh hưởng đến thị hiếu của quần chúng, và về lâu về dài cuối cùng tác phẩm đã có tác động làm thay đổi đường hướng của những trào lưu văn chương của cả một thời kỳ. Sẽ có những độc giả sành sỏi cho rằng nói như vậy, tôi muốn ám chỉ tới những tác phẩm rất khác biệt nhau về kỹ thuật cấu thành tác phẩm, về quan niệm cũng như về số độc giả đặc trưng của những tác phẩm đó vào thời điểm chúng xuất hiện...

Tuy nhiên, đôi khi vì những tình huống lịch sử, chính trị hoặc kinh tế, một số xứ sở tạm thời buộc phải đứng bên lề dòng tiến hóa không thể cưỡng lại được của toàn nhân loại. Bấy giờ, đời sống văn hóa của những xứ sở ấy phải cam chịu một thứ thoái hóa làm tê liệt trong một mức độ nào đó những biểu hiện tinh thần của đời sống văn hóa của nhân loại. Nhưng dầu vậy, cuộc sống vẫn tiếp diễn, và một người quan sát chuyên chú và kiên trì sẽ chẳng hề chậm trễ để nhận ra những trở trở dù yếu ớt, những vận động đầu tiên nhằm báo hiệu sự phục hưng của một nền văn hóa, một nền nghệ thuật và một nền văn học mà tiến trình đã bị ngăn chặn trong một thời gian bởi những tình huống bên ngoài...

Trong lĩnh vực tinh thần, những chấn động của cuộc nội chiến đã để lại những hậu quả bị đát, không thể cứu vãn được. Khi cuộc nội chiến kết thúc, một số khuôn mặt đáng kể nhất của nền văn hóa Tây Ban Nha biến mất..., hầu như trong toàn đất nước Tây Ban Nha không còn lấy một nhà trí thức có tầm cỡ. Đa số những nhà trí thức đã chọn lựa cuộc sống lưu vong, và thế hệ những nhà văn mới ở Tây Ban Nha - những người lẽ ra là bậc thầy của

họ hoặc đã chết hoặc vắng mặt - bị bỏ mặc cho số phận... - Cela là một khuôn mặt lớn đầu tiên nổi lên sau cuộc nội chiến, và trong không khí nghèo nàn của văn học Tây Ban Nha, những tác phẩm của ông đã gây được tiếng vang lớn, không chỉ vì ông làm chủ được ngôn ngữ - điều này được chứng tỏ qua các tác phẩm đó - mà còn vì những tác phẩm của Cela đã thể hiện qua nội dung cũng như hình thức một nét độc đáo tương đối, nét độc đáo làm kinh ngạc đa số độc giả của ông, bởi họ tuyệt đối không biết những đổi mới trong nền tiểu thuyết thế giới, điều này tự nhiên thôi, vì sự cô lập của Tây Ban Nha đối với cộng đồng quốc tế trong hơn mười năm sau cuộc nội chiến, và còn vì những khó khăn mà thể chế chính trị ở Tây Ban Nha đã gây ra cho sự phát triển tinh thần ở đất nước này - một cơ chế chính trị mang màu sắc văn hóa khá đặc biệt và thù địch với sự tiến bộ, đã hoành hành bên trong xứ sở Tây Ban Nha.

- Thực vậy, với *Số đen*, công lao của Cela là gấp đôi: trước hết vì ý muốn lồng những tác phẩm của ông vào bối cảnh của tinh thần Âu châu mà không khước từ bất kỳ một nét đặc trưng nào của Tây Ban Nha... Qua nhân vật Pascual Duarte, Cela trình bày một quan điểm duy sinh hầu như thuần túy sinh học, nối kết hơn nữa với cái “hành xử” Tây Ban Nha nguyên sơ nhất. Trong mọi trường hợp, trong toàn cảnh văn hóa - và cả chính trị - của Tây Ban Nha, tác phẩm *Số đen* đã giữ vai trò của sự truyền máu, đã vạch một con đường cho những kinh nghiệm của tương lai...

J.M. CASTELLET

Đối với tội lỗi của hắn, người ta nguyên rủa. Người ta cho hắn là ghê tởm, là mất tính người. Có ai tìm hiểu được nguyên ủy? Án tử hình là phát xét của “Công lý” đối với hắn. Nhưng đối với linh mục khám tử hình, hắn chỉ là một con cừu ngoan.

Cái trớ trêu của cuộc đời của hắn phải chăng cũng là của những kẻ bất hạnh khác? Và phải chăng đó cũng là điều cho người đọc suy gẫm trong cuộc sống quay cuồng phức tạp của thế giới, cuộc sống xu bồ xu bộn đầy tội ác ngày nay?

T.V.A.G.

CHÚ THÍCH CỦA NGƯỜI GHI LẠI

Tôi nghĩ rằng đã đến lúc tôi phải cho in hồi ký của Pascual Duarte. Nếu làm sớm hơn, thì việc chuẩn bị của tôi sẽ cầu thả. Gấp gáp để làm gì? Cần phải có thời gian cho mọi việc, thậm chí để chữa chính tả của một bản thảo, và như người ta nói hễ giục tốc thì bất đạt. Và giờ đây cũng không có lý lẽ để bào chữa nếu chờ đợi thêm: một khi đã bắt đầu thì công việc phải kết thúc và kết quả phải được công bố.

Tôi đã tìm thấy những trang mà tôi chép lại ở sau, vào khoảng giữa năm 1939, trong một hiệu thuốc ở Almendralejo (chỉ có Chua mới biết những bàn tay xa lạ nào lúc đầu đã đặt chúng tại đó) và từ thời gian ấy, tôi đã sắp xếp cho có thứ tự, ghi lại cho có ý nghĩa, vì những trang đó viết rất tháu, không đánh số và lộn xộn, không thể đọc được.

Trước tiên, muốn nói rõ ràng công lao của tôi chỉ là chép lại câu chuyện mà hôm nay tôi trình cho độc giả tò mò; tôi không thêm không bớt một dấu phẩy, vì muốn tôn trọng cách kể chuyện của Duarte trong từng chi tiết, cả ở văn phong của hắn. Đối với một số đoạn quá sống sượng của tác phẩm, tôi đã chọn cách cắt hẳn không thương tiếc chứ không viết lại; do đó, tất nhiên, độc giả sẽ bị mất một số chi tiết nhỏ - mà có mất cũng không hại gì - bù lại độc giả sẽ tránh được những tâm tình đôi khi ghê tởm mà, tôi xin nhắc lại, xóa bỏ thì tốt hơn là thay đổi.

Tác giả những trang này theo ý nghĩ của tôi và có lẽ đó là lý do duy nhất tôi trình diện hắn, là một người mẫu, không phải người mẫu để bắt chước mà để lánh xa; một người mẫu ta không có gì nghi ngại, một người ta buộc phải nói:

- Bạn thấy những gì hắn làm chứ? Ấy chính hắn nên làm trái lại.

Nhưng chúng ta hãy nhường lời cho Pascual Duarte, vì chỉ hắn mới có những điều thú vị kể cho ta.

BỨC THƯ CỦA DUARTE GỬI NGƯỜI ĐẦU TIÊN NHẬN BẢN THẢO CỦA HẮN

Don Joaquin Barrera Lopez,

Mérida, tỉnh Badajoz,

Extremadura.

Thưa ngài,

Xin được phép gửi đến ngài một câu chuyện rất dài tôi kèm theo thư này, bức thư cũng dài. Trong số những người bạn của Don Jésus Gonzalez de la Riva (hắn Chúa đã tha thứ cho ngài ta cũng như ngài ta đã tha thứ tôi), ngài là người mà tôi còn nhớ địa chỉ, và vì ý do đó nên tôi gửi cho ngài bản thảo của tôi. Xin ngài hãy nhận bản thảo này để tôi khỏi phải giữ, vì lúc nào cũng cảm thấy ngột ngạt khi tôi nghĩ rằng tôi có thể viết được nó. Và việc tôi gửi nó đi cũng tránh cho tôi khỏi hủy hoại nó trong một cơn buồn chán (những thời gian này, Chúa lại thường khiến tôi hay buồn chán), điều tránh cho một số người biết những gì mà tôi biết rất muộn.

Tôi xin giải thích một chút. Tôi biết khá rõ rằng hồi ký của tôi, than ôi! không có gì xây dựng, và vì tôi muốn trút bỏ gánh nặng đè trĩu lương tâm mình bởi sự thù tội công cộng này, nếu có thể, vì đây không phải là một sự sám hối nhỏ nhoi, tôi quyết định kể lại phần nào những gì tôi nhớ được về đời tôi. Hồi ức không bao giờ là ưu điểm của tôi và có lẽ tôi đã quên cả một số chuyện rất thú vị; dù sao, tôi muốn nói những gì đã khắc ghi trong tâm trí tôi và những gì bàn tay tôi có thể ghi dễ dàng trên giấy, vì, đối với những thứ còn lại tôi cảm thấy tởm lợm nên tôi chọn cách im lặng và cố quên đi. Ngay khi bắt đầu ghi lại những hồi ức này, tôi biết rằng có một chuyện tôi không đề cập: cái chết của tôi..., mà tôi cầu xin Chúa hãy rút ngắn! Chi tiết

này khiến tôi suy gẫm rất nhiều và, với cuộc sống ít ỏi còn lại, của mình hiện nay, tôi đã có thể thề với ngài rằng hơn một lần tôi suýt bỏ ngang không ghi nữa, vì không thấy rõ mình sẽ kết thúc ở đâu. Sau cùng tôi nghĩ rằng tốt nhất là cứ bắt đầu, còn kết thúc thì tùy ở lúc Chúa không cho bàn tay tôi viết nữa, và đó là điều tôi đã làm. Hôm nay, chán ngấy vì đã viết lung tung đầy bao nhiêu tờ giấy, tôi xin kết thúc hẳn câu chuyện của tôi, để ngài tự do tưởng tượng đoạn đời còn lại của tôi; chuyện này dễ thôi vì giữa bốn bức tường này chắc chắn sẽ không có gì to lớn có thể xảy ra thêm với tôi.

Lúc bắt đầu viết chuyện này, tôi rất bối rối nghĩ rằng có ai đó biết trước là tôi sẽ kết thúc được câu chuyện và biết trước chỗ tôi phải cắt câu chuyện, nếu tôi thiếu thời gian; tin chắc rằng tất cả những hành động của tôi cần phải theo những con đường đã chọn sẵn cho mình, tôi đâm ra nổi khùng. Hôm nay, tôi gần với cuộc sống bên kia thế giới, tôi cam chịu hơn. Tôi tin rằng Chúa đã đoái hoài mà tha thứ cho tôi.

Tôi cảm thấy được khuấy khỏa phần nào sau khi đã kể lại tất cả những gì tôi đã sống, và có những lúc mà chính lương tâm tôi ít ray rứt tôi.

Tôi tin rằng ngài sẽ hiểu những gì tôi không thể diễn đạt hay hơn, bởi tôi không biết cách. Giờ đây tôi rất ân hận vì đã lầm đường lạc lối, nhưng không xin được tha thứ nữa trong cõi đời này. Có ích lợi gì chứ? Có lẽ sẽ tốt hơn nếu người ta đối xử với tôi đúng theo yêu cầu của luật pháp, vì nếu họ không làm thế thì rất có thể tôi sẽ trở lại những lầm lỗi trước kia. Tôi không muốn xin được ân xá, vì cuộc đời đã dạy cho tôi quá nhiều điều xấu xa và tôi quá đuối không chống lại được bản năng mình. Cứ để sự phán xét đã được ghi trong Sổ Thiên đình được thực hiện.

Thưa Don Joaquin, xin ngài nhận cùng với những trang bản thảo này những lời xin lỗi của tôi vì tôi đã viết cho ngài, và xin ngài hãy ban cho tôi sự tha thứ như tôi đã cầu xin, cũng như tôi đã cầu xin với Don Jésus, cho người đầy tớ hèn mọn của ngài.

Pascual Duarte

Nhà lao Badajoz,

TRÍCH DI CHÚC DO DON JOAQUIN ĐỂ LẠI

DI CHÚC NÀY DO NGÀI TỰ TAY VIẾT; LÚC QUA ĐỜI KHÔNG NGƯỜI NÓI DỐI, NGÀI ĐÃ ĐỂ LẠI CHO CÁC BÀ XƠ.

Điều bốn:

Tôi ra lệnh rằng cái gói giấy tìm thấy trong ngăn kéo bàn viết của tôi, có cột chỉ và ghi bằng bút chì đỏ “Pascual Duarte”, phải bị ném ngay vào lửa, không được đọc, vì không lành mạnh và trái với thuần phong mỹ tục. Tuy nhiên, nếu do ý định của Thượng đế, không người nào cố tình lờ đi mà trong mười tám tháng cái gói nói trên thoát khỏi hình phạt tôi dành cho nó, thì tôi ra lệnh cho kẻ nào vớ được nó phải cứu nó thoát khỏi sự hủy hoại, nhận nó làm tài sản riêng của mình và tùy nghi sử dụng nó theo ý mình, miễn là ý này không mâu thuẫn với ý của tôi.

Làm tại Mérida, tỉnh Badajoz,

trong đêm trước cái chết

SỐ ĐEN

Đề tưởng nhớ Don Jésus Gonzalez
de la Riva, bá tước Torremajia; lúc
bị tác giả câu chuyện này giết chết,
ngài vẫn gọi hắn là Pascualillo và mỉm
cười với hắn.

P.D.

Thưa ngài, tôi không phải là người xấu, dù thực ra tôi có những lý do để trở thành người xấu. Chúng ta, con người, lúc sinh ra tất cả chúng ta đều trần truồng như nhau, nhưng khi chúng ta trưởng thành thì số phận lại thích làm cho chúng ta khác nhau, như thể chúng ta làm bằng sáp, và lỗi chúng ta qua nhiều ngõ ngách tới điểm tận cùng duy nhất: cái chết. Một số người đi trên con đường đầy hoa thơm cỏ lạ trong khi những người khác buộc phải theo con đường đầy chông gai. Người thì có cái nhìn thanh thản và, trong hương vị của hạnh phúc, họ mỉm cười hết sức ngây thơ; người khác thì đau đớn trong cánh đồng chói chan ánh nắng, giương lông tua tủa, như những con sâu để tự vệ. Để trang điểm thân thể mình, người thì dùng phấn son và nước hoa còn người khác thì dùng những dấu chàm mà sau đó không bao giờ xóa nhòa được...

Tôi sinh ra cách nay rất nhiều năm, ít ra là năm mươi lăm năm, trong một xã hẻo lánh của tỉnh Badajoz. Xã này cách Almendralejo độ hai dặm, nằm trên một con đường đơn điệu và dài như một ngày thiếu ăn, đơn điệu và dài như những ngày - mà, may mắn thay, ngài không thể tưởng tượng được chiều dài và sự đơn điệu - của một tên tội tử hình...

Xã đó là một xã nóng và có ánh sáng, khá giàu cây ô-liu và lợn (xin lỗi), với những ngôi nhà quét nước vôi rất trắng mà khi nhớ đến tôi thấy đôi mắt mình như lóa đi, với một quảng trường toàn trải đá cuội và một vòi nước xinh xắn có ba tia ở giữa. Nước không còn phun nữa mấy năm trước khi tôi lìa khỏi xã, tuy nhiên đối với tất cả chúng tôi cái vòi nước ấy duyên dáng và thanh lịch, tận cùng vòi nước là tượng một đứa bé trần truồng, quanh thành bồn nước trang trí những hình gòn gợn như những vỏ sò của những người hành hương. Tại quảng trường là trụ sở hành chính của xã, to và vuông vức, như một gói thuốc lá, có một cái tháp ở giữa, trong tháp là một cái đồng hồ, mặt đồng hồ trắng như bánh thánh, mấy cây kim thì lúc nào cũng dừng vào lúc chín giờ; hãn tòa nhà này không cần nó phục vụ mình, mà chỉ cần nó để trang trí thôi.

Trong xã đương nhiên có nhà đẹp nhà xấu; nhà xấu nhiều hơn nhà đẹp - chuyện rất bình thường; có một ngôi nhà hai tầng, ngôi nhà của Don Jésus, trông khá ngoạn mục, đường vào nhà trang trí gạch vuông bằng sành và bình hoa. Don Jésus vốn rất thích cây cỏ và tôi có thể đánh cuộc rằng ông ta đã ra lệnh cho bà quản gia chăm sóc đám phong lữ, vòi voi, cọ và bạc hà một cách thương mến như đối với trẻ con, vì lúc nào bà ta cũng cầm xoong chạy lăng xăng tưới những chậu cây đó, với một sự chăm sóc mà những cây ấy phải đánh giá cao, vì chúng mọc lên xanh mướt, sờn sờ. Ngôi nhà của Don Jésus cũng nằm trên quảng trường đó, nổi bật so với những ngôi nhà khác bởi ưu điểm mà tôi đã nói, nhưng cũng bởi một khuyết điểm chỉ nó bị mà thôi: dù chủ nhà giàu có và không chú ý đến việc chi tiêu, mặt tiền của ngôi nhà rất tầm thường, màu sắc là màu sắc tự nhiên của lá, không quét vôi trắng, trong khi chính ngôi nhà nghèo nàn nhất cũng quét vôi trắng; hẳn Don Jésus có lý do riêng của mình khi để như thế. Phía trên cửa cái người ta thấy những cái khiên bằng đá, người ta bảo rằng khối đá này có giá trị rất lớn, phần chòm tượng trưng cho hai cái đầu của các chiến binh thời cổ, đội mũ sắt có gắn lông; một chiến binh nhìn về phía đông, chiến binh kia nhìn về phía tây, tựa hồ như họ đang canh gác hai phía.

Phía sau quảng trường, về phía ngôi nhà của Don Jésus là nhà thờ xứ, với gác chuông bằng đá, chuông ngân nga một cách kỳ lạ không biết nói là cách gì, nhưng ngay lúc này tôi nghe như cách đây nửa thước... Tháp chuông cùng chiều cao với cái đồng hồ và, vào mùa hè, khi về tổ, một số con cò đến tháp chuông này, một số con đến tháp chuông khác, mỗi con vẫn nhớ đến một trong hai tháp chuông nó đã đậu năm trước; một chú cò què vẫn ở đó trong hai mùa đông, thuộc về cái tổ chim của nhà thờ, chú đã rời khỏi tổ khi còn bé tí tẹo, lúc bị điều hâu săn đuổi.

Nhà tôi nằm riêng một nơi, cách những ngôi nhà cuối cùng trong xã hai trăm bước đúng. Ngôi nhà chật hẹp và chỉ có một tầng: các phòng thì tù túng như tương ứng với địa vị của tôi; tuy nhiên tôi thích nó và thậm chí đôi khi tôi tự hào vì nó. Thật ra, chỉ có nhà bếp là căn phòng duy nhất thật sự thơm mát, bước vào nhà thì đọng ngay, nhà bếp lúc nào cũng sạch sẽ và quét vôi trắng tinh; sàn nhà bằng đất, nhưng nền rất kỹ, với những hòn đá cuội nhỏ lát nền trông như những bức họa, không kém gì nhiều nền nhà khác mà chủ nhà cho trát xi-măng để có vẻ hiện đại hơn. Lò sưởi rộng và sáng; xung

quanh mặt lò sưởi là một cái tủ chén đựng đồ trang trí bằng sành, những bình nhỏ với những đề từ lưu niệm sơn xanh, những cái đĩa nhỏ với những bức họa màu xanh hoặc màu cam; một số đĩa trang trí hình mặt người, một số khác hình bông hoa, một số khác một cái tên, một số khác hình cá.

Trên tường treo nhiều món đồ: trên một tấm lịch rất xinh là hình ảnh một thiếu phụ ngồi trên một chiếc xuồng, tay phe phẩy quạt, phía dưới có ghi dòng chữ như được viết bằng nhũ bạc:

“*Modesto Rodriguez. Cửa hang gia vị ngon. Mérida, tỉnh Badajoz*”; một chân dung màu của Espartero^[1] trong bộ y phục đầu bò: ba bốn bức ảnh chụp - cái nhỏ cái trung bình - của những người tôi không quen biết, vì lúc nào tôi cũng thấy ngay chỗ đó và tôi không bao giờ có ý hỏi để biết. Chúng tôi cũng thấy treo trên tường cái đồng hồ báo thức, vì chỉ có Chúa mới biết tại sao, nó vẫn chạy tốt; và một cái gối nhỏ để găm kim bằng vải lông màu, găm vào đó là những cây kim ghim xinh xắn, đầu kim nhỏ bằng thủy tinh màu.

Bàn ghế trong nhà bếp về ít oi vừa đơn giản, gồm ba chiếc ghế tựa - một chiếc rất thanh lịch, lưng ghế và chân ghế bằng gỗ uốn cong, mặt ghế bằng mây - và một cái bàn bằng gỗ thông, có ngăn kéo, hơi thấp so với những chiếc ghế nhưng còn dùng được. Bên trong nhà bếp thì ngon lành lắm; nó có chỗ thoải mái và, vào mùa hè, trước khi chúng tôi phải đốt lửa ở lò sưởi như lúc vào thu, vào cuối ngày, mở to cửa rồi ngồi trên thành đá của lò sưởi thì thật mát; vào mùa đông, lò sưởi làm chúng tôi ấm áp và lắm khi, nếu có giữ một chút than hồng, tro vẫn toát hơi nóng suốt cả đêm. Thật thú vị khi ngắm bóng mình trên tường trong lúc những ngọn lửa nhảy múa trong vỉ lò! Những cái bóng ấy đi đi lại lại, lúc chậm chạp, lúc nhảy chồm chồm như vui đùa. Tôi nhớ rằng lúc bé tôi sợ những cái bóng ấy lắm và, giờ đây khi đã lớn, tôi vẫn còn rùng mình khi nhớ đến những cơn sợ kia.

Những cái khác trong nhà không cần phải bỏ công miêu tả, vì quá thông thường. Chúng tôi có hai phòng nữa, gọi là phòng cho có gọi vì có dáng của căn phòng, và có một chuồng ngựa, mà tôi thường tự hỏi rằng tại sao chúng tôi lại gọi như vậy, vì không có con ngựa nào và để cho mục nát. Chúng tôi,

tôi và vợ tôi, ngủ trong một phòng, cha mẹ tôi ngủ trong một phòng khác cho tới khi Chúa, có thể là Diêm vương, quyết định mang ông bà đi; sau đó căn phòng ấy hầu như luôn luôn trống vắng: đầu tiên vì không có ai ở và sau đó vì người có thể ở đó đều thích ở nhà bếp hơn bởi lẽ nhà bếp sáng sủa và không bị gió mạnh lùa vào. Chẳng hạn em gái tôi luôn luôn ngủ ở đó khi nó đến thăm chúng tôi, và khi tôi có con thì nó theo con đường đó mỗi khi nó rời váy mẹ. Sự thật thì những căn phòng này không sạch lắm, xây cất cũng không tốt lắm, nhưng cũng không có gì để phàn nàn; điều chủ yếu là có thể sống ở đó, đó là nơi che chở ta tránh khỏi cơn mưa lúc Giáng sinh và có thể nói là nơi ta trú ẩn khỏi những cái nóng ngột ngạt vào dịp lễ Thăng thiên. Chỗ tệ nhất là chuồng ngựa; nó tắm tối, nhớp nháp, vách xông mùi thối hoắc của thú chết từ khe núi bốc lên vào tháng năm, khi những xác chết dưới đó bắt đầu thối rữa còn lũ quạ lại sà xuống ăn...

Có chuyện lạ là, lúc còn trẻ, lúc khỏi hít phải mùi thối đó tôi lại cảm thấy đau khổ muốn chết; tôi nhớ lại chuyện tôi lên tỉnh đăng ký nghĩa vụ quân sự; suốt cả ngày khi gió đó tôi lơ lơ lửng lửng, hít hít không khí như một con chó săn. Trở về quán trọ, lên giường ngủ, hít cái quần nhung của mình, tôi mới tỉnh ra. Máu lại sôi ầm toàn thân tôi... Tôi đẩy chiếc gối ra xa và tôi gối đầu lên chiếc quần đã xếp và đêm đó tôi ngủ say như chết.

Chúng tôi giữ một con lừa nhỏ gầy nhom, hom hem trong chuồng ngựa để giúp chúng tôi làm việc, và khi gặp vận đỏ (nói thật, không phải lúc nào cũng như vậy), chúng tôi cũng có hai ba con lợn (xin lỗi). Phía sau nhà có một cái sân; sân này nhỏ nhưng dùng được; tại đây có một cái giếng mà tôi đã lấp đi vì nước giếng không lành.

Phía sau cái sân là một dòng suối chảy qua, thường cạn nước và không bao giờ nước quá đầy, bắn thiu và hôi hám như một lũ di-gan; tại đây người ta có thể câu được những con lươn nung núc, đôi khi tôi cũng làm vậy vào buổi xế để giết thì giờ. Tính vốn khô hời, vợ tôi bảo rằng mấy con lươn đó thật béo bởi vì chúng ăn cùng thứ với Don Jésus, nhưng chỉ muộn hơn một ngày thôi. Tôi mãi câu không chú ý giờ giấc trôi qua nhanh nên khi tôi thu xếp dụng cụ thì trời gần tối; đằng kia, ở xa xa, như một con rùa béo lùn, như rắn nước cuộn tròn bám sát mặt đất sợ phải di chuyển, Almendralejo thấp sáng những ngọn đèn điện... Chắc chắn là ở Almendralejo, không ai

biết rằng tôi đi câu, rằng chính lúc ấy tôi ngắm những ngọn đèn cháy lên trong nhà họ, rằng tôi đang đoán những gì họ nói và tưởng tượng trong trí những đề tài họ nói. Người dân thành thị sống quay lưng lại sự thật, và thường thường họ không cần chú ý rằng chỉ cách đây hai dặm, giữa cánh đồng, một người dân nông thôn đang vờn vợ nghĩ tới họ, trong khi anh ta thu xếp dụng cụ câu cá và cầm lên chiếc giỏ nhỏ bằng liễu gai bên trong có sáu bảy con lươn!

Tuy nhiên, không bao giờ tôi nghĩ rằng câu cá là công việc đáng mặt đàn ông, và tôi thường thích giải trí bằng cách đi săn; trong xã tôi nổi tiếng là bắn không tệ và, không cần khiêm tốn, tôi phải thành thực nói rằng tiếng tăm đó là xứng đáng. Tôi có một con chó cái xù nhỏ tên *Tia lửa*, nửa nòi nửa lai, rất hợp ý tôi; buổi sáng tôi và nó thường đi chung với nhau ra cái đầm cách xã tôi một dặm rưỡi, phía biên giới Poóc-tu-gan, và không bao giờ chúng tôi về không. Chuyển về, con chó chạy phía trước và luôn luôn chờ tôi ở ngã tư; tại đó có một hòn đá tròn và phẳng, giống như một chiếc ghế thấp, mà tôi nhớ đến cũng vui sướng như nhớ bất cứ người nào, thực ra còn vui sướng hơn nhớ nhiều người... Hòn đá ấy rộng, hơi sâu, và khi tôi ngồi lên đó, đít tôi (xin lỗi) vừa vặn chỗ lõm nên tôi thấy rất thoải mái và không muốn bỏ về; tôi thường ngồi trên đó có một lúc, miệng huýt sáo, hai chân kẹp cây súng, mắt nhìn những gì có thể nhìn, miệng phì phèo thuốc lá. Phía trước, con chó nhỏ ngồi xồm, cái đầu ngoẹo sang bên, đôi mắt bé màu hạt dẻ rất linh lợi; tôi nói với nó và nó hơi vểnh đôi tai như để nghe tôi rõ hơn; nếu tôi im lặng, nó lợi dụng ngay cơ hội đó để chạy theo mấy con châu chấu hoặc gián dị hơn để đổi thế ngồi. Lúc nào cũng vậy, khi bước đi, không hiểu tại sao tôi quay lại nhìn hòn đá, tựa hồ như để chào tạm biệt và, một hôm, lúc tôi cất bước thì dường như hòn đá buồn lắm nên tôi phải quay lại ngồi xuống lần nữa... Con chó trở lại ngồi trước mặt tôi và nhìn tôi; giờ đây tôi hiểu rằng nó nhìn với ánh mắt của kẻ nghe xưng tội, dò xét và lạnh lùng, dường như là ánh mắt của lũ mèo linh. Bỗng nhiên tôi cảm thấy rờn rợn khắp toàn thân; dường như một dòng điện muốn thoát khỏi những cánh tay tôi. Điều thuốc của tôi đã tắt; cây súng một nòng ở giữa hai chân tôi, tôi chậm rãi vuốt vuốt cây súng. Con chó vẫn nhìn tôi đăm đăm, tựa hồ như trước đây nó chưa bao giờ thấy tôi, tựa hồ như nó sắp tố cáo tôi chuyện gì khủng khiếp lắm; cái nhìn của nó làm máu trong huyết quản tôi sôi sục và

tôi thấy sắp trở lại lúc tôi phải chịu thua; trời nóng, một cái nóng kinh hồn, mắt tôi nhắm lại, vì không chịu nổi cái nhìn của con vật, cái nhìn sắc lẹm...

Tôi chộp khẩu súng và bấm cò; tôi lên đạn và bấm cò lần nữa. Máu của con chó, đen ngòm, sền sệt, từ từ chảy dài trên mặt đất.

II

Về thời niên thiếu của tôi, tôi không có những kỷ niệm đẹp. Cha tôi tên Esteban Duarte Diniz. Ông là người Poóc-tu-gan; lúc tôi còn bé, ông đã trên bốn mươi, đối với tôi ông cao lớn, phục phịch. Da ông ngăm đen, ông có một bộ ria mép lớn, đen ngòm, chia xuống đất. Dường như lúc còn trẻ ông để ria vênh, nhưng sau một lần tù, ông mất vẻ oai vệ, bộ ria cứng rắn yếu đi và ông để nó buông xuống cho đến ngày từ trần. Tôi rất tôn kính ông và cũng rất sợ ông, nên hề có dịp là lảng đi và cố tránh mặt ông; ông nói năng cụt ngủn, tính tình hung bạo, không bao giờ chịu để ai trái ý mình dù nhỏ nhoi, một cái thói mà tôi cũng tôn trọng bởi vì như thế có lợi cho tôi. Khi nổi giận, mà tính ông lại rất hay giận, chuyện không có gì ông cũng nện mẹ tôi và tôi những trận đòn thật đau; mẹ tôi cố đánh trả để xem có thể sửa đổi tính tình ông không, còn tôi, vì còn con nít nên tôi đành chịu bị đòn. Mà vào tuổi đó thì da thịt mềm mại biết bao!

Tôi không bao giờ có gan hỏi cha tôi hoặc mẹ tôi về thời gian ông bị tù, nghĩ rằng chuyện cũ đã êm, tốt hơn không nên bới ra làm gì cho lòi thối, bởi vì không bới ra cũng đã lòi thối nhiều, thật ra, tôi không cần gì tìm hiểu, bởi vì lúc nào cũng có những người từ thiện, nhất là trong những xã nhỏ, và có những người hết sức vội vã kể ta nghe tất cả mọi chuyện. Người ta đã bắt ông vì tội buôn lậu; và lại ông làm nghề buôn lậu đã nhiều năm, nhưng đi đêm ắt có ngày gặp ma, một hôm, hẳn là ngày ông ít ngờ nhất - vì sự tự tin thường tố cáo những người can đảm - nhân viên quan thuế theo ông, phát hiện hàng hóa của ông và dẫn ông vào nhà lao. Chuyện đó xảy ra lâu lắm rồi, vì tôi không nhớ gì cả; có lẽ lúc ấy tôi chưa sinh ra.

Mẹ tôi hoàn toàn khác với cha tôi; bà không phục phịch, dù khá cao lớn; thật vậy, bà cao nghệu, gầy nhom, người trông không khỏe; thậm chí, khi nhìn thấy nước da màu tro và đôi má hóp của bà, ắt người ta sẽ ngỡ bà đang bị hoặc sắp bị bệnh lao phổi. Bà cũng nóng tính và hay nổi cáu, mở mồm thì toàn những lời lẽ mà chỉ Chúa mới tha thứ được, vì bà dùng những lời báng bổ thần thánh tệ hại nhất vào bất cứ lúc nào và vì những lý do nhỏ nhoi nhất. Bà luôn luôn mặc đồ đen tang tóc và bà không ưa nước, tất cả

những năm sống gần bà, tôi chỉ thấy bà tắm rửa một lần mà thôi, ngày mà cha tôi trách bà say sưa, bà đã cố chứng tỏ cho ông thấy rằng bà không sợ nước. Trái lại, bà không chán rượu, mỗi lần vợ được mấy đồng xu hay tìm thấy ít đồng tiền trong túi áo của ông chồng, bà sai tôi đến quán mua về một chai rượu, rồi đem giấu dưới giường để cha tôi không mò ra được. Bà có ria mép trắng, nhỏ ở mép môi; mớ tóc bờm xồm của bà được búi thành lọn, không lớn lắm, trên đỉnh đầu. Xung quanh miệng bà, người ta thấy những cái sẹo, nhỏ và hồng như lỗ đạn, mà tôi tin rằng đó là dấu vết của bệnh sưng bạch hạch bà mắc phải lúc còn trẻ; thỉnh thoảng, vào mùa hè, cuộc sống trở lại những cái sẹo này, màu chúng sậm hơn, chúng biến thành những vết mưng mủ như chàm bằng đinh ghim, sang thu mới vỡ và đến mùa đông mới xóa hẳn.

Cha mẹ tôi không hòa thuận nhau; ông bà không được giáo dục, thiếu đạo đức và không tuân theo những giới luật của Chúa - tất cả những khuyết điểm đó, tôi đều thừa kế (thật bất hạnh cho tôi) - do đó ông bà rất ít bận tâm đến việc làm theo những nguyên tắc hay kềm chế những bản năng của mình, cho nên bất cứ lúc nào, bất cứ chuyện gì dù nhỏ nhoi đến đâu cũng mang đến bão tố, cơn bão này kéo dài trong nhiều ngày và không có triển vọng chấm dứt. Thông thường, tôi không theo phe nào cả, vì thật ra đối với tôi người này hoặc người kia bị đập thì cũng như nhau; khi thì tôi vui vì mẹ tôi bị nện, khi thì vì cha tôi bị nện, nhưng không bao giờ tôi bầu phiếu cho phe nào cả.

Mẹ tôi không biết đọc cũng không biết viết; cha tôi thì biết, cha tôi rất tự hào về điều đó nên ông không bỏ lỡ cơ hội để nhắc đi nhắc lại với bà và thường gọi bà, dù đúng lúc hay không đúng lúc, là con mụ ngu dốt, lời chửi rất nặng nề đối với mẹ tôi, khiến bà nổi tam bành. Thỉnh thoảng, lúc chiều tối, cha tôi về nhà, tay cầm một tờ báo, và dù chúng tôi muốn hay không, ông cũng bắt mẹ con chúng tôi ngồi ở nhà bếp và đọc cho chúng tôi nghe tin tức; kể đó ông lên tiếng phê bình và tôi bắt đầu run rẩy, vì lúc ấy bắt đầu những cuộc cãi vã. Để trêu tức ông, mẹ tôi cho rằng báo không có đăng tin đó, cha tôi bịa ra tất cả những gì ông đọc; nghe vậy, cha tôi nổi khùng, ông rống như người điên, gọi bà ta là con mụ phù thủy, con mụ ngu dốt và cuối cùng thét rằng nếu ông biết bịa ra nội dung các bài báo đó, thì không bao giờ ông có ý nghĩ cưới hạng người như bà. Thế là xảy ra trận chiến. Đến

lượt bà, bà bảo ông là khi đột, gọi ông là quân ăn xin, quân Poóc-tu-gan; dường như ông chỉ chờ nghe tiếng đó để đánh bà, ông liền rút thắt lưng ra rượt bà quanh nhà bếp cho tới khi mệt nhoài. Lúc đầu, tôi thường bị quất trúng, nhưng với thời gian tôi hiểu rằng cách duy nhất để khỏi bị ướn là đừng đứng ngoài mưa và, lúc nào thấy sự việc không hay, tôi liền đi nơi khác, để ông bà ở lại với nhau. Mặc xác hai người.

Thật ra, cuộc sống trong gia đình tôi không có gì kỳ quặc, nhưng vì chúng ta không được chọn lựa và con đường định mệnh đã được vạch sẵn trước khi chúng ta sinh ra, nên tôi cố chấp nhận số phận của tôi, đó là cách duy nhất để khỏi thất vọng. Lúc bé con, vào cái tuổi dễ uốn nắn nhất của con người, tôi được gửi đến trường trong một thời gian ngắn; cha tôi bảo rằng đấu tranh để sống là rất khắc nghiệt và phải chuẩn bị đối phó với cuộc đấu tranh này bằng những vũ khí duy nhất khả dĩ đem lại chiến thắng, vũ khí của trí tuệ. Ông nói với tôi tất cả điều đó một mạch, như đã thuộc lòng, và lúc bấy giờ đối với tôi dường như giọng nói của ông bớt cộc cằn, hầu như khàn khàn, với những ngữ điệu dường như không phải của ông... Liền đó, ông lại bình tĩnh và cất tiếng cười hà hà và lúc nào ông cũng chấm dứt một cách âu yếm:

- Con à, con đừng chú ý đến cha... Cha lớn tuổi rồi!...

Và ông có vẻ trầm ngâm, thăm thì nhắc đi nhắc lại: “Cha lớn tuổi rồi!... Cha lớn tuổi rồi!...”

Việc học hành của tôi không được lâu. Cha tôi vốn hung bạo và độc đoán đối với một số việc, tôi đã nói điều đó, nhưng ông yếu đuối, nhút nhát đối với những việc khác; tôi đã thấy rằng nói chung thì ông áp đặt ý muốn của mình vào những việc không ý nghĩa, tầm thường, còn đối với những vấn đề quan trọng thì hiếm khi ông vững vàng, không rõ vì sợ hay vì lý do gì khác. Mẹ tôi không muốn cho tôi đi học và mỗi lần có dịp, cả khi không có dịp, bà nói với tôi rằng thân đời rách áo ôm có cần gì học hành hiểu biết. Bà nói rất đúng ý tôi, bởi vì việc tham dự các lớp học không hấp dẫn tôi mấy; cuối cùng, với thời gian, mẹ tôi và tôi thuyết phục được cha tôi, và ông quyết định là tôi phải bỏ học. Tôi đã biết đọc, biết viết, biết cộng, biết trừ; thật ra, như vậy là khá đủ để tôi xoay sở ngoài đời. Tôi được mười hai

tuổi khi tôi rời nhà trường; nhưng thôi tôi không nên đi quá nhanh trong câu chuyện của tôi, vì mọi việc sẽ tuần tự nhi tiến, dù ta có thức sớm trời cũng không sáng nhanh.

Tôi còn rất bé khi em gái tôi là Rosario sinh ra. Hồi ức của tôi vào thời kỳ đó mờ mờ lấm, và như vậy chuyện tôi kể ra có thể không trung thực. Tuy nhiên tôi cũng cố gắng vì nếu chuyện kể của tôi thiếu chính xác nó cũng luôn luôn gần thực tế hơn những gì ngài tưởng tượng hay phỏng đoán. Tôi nhớ rõ, chiều hôm ấy, khi Rosario sinh ra, trời nóng bức - tháng bảy tháng tám gì đó. Cánh đồng lằng lằng, khô nẻ; những chú ve dường như muốn dùng những tiếng kêu kèn kẹt như tiếng cưa của chúng để cưa xương của quả đất; người và vật tìm nơi trú nắng, và trên cao, mặt trời với tư cách là chúa tể của tất cả, chiếu sáng tất cả, thiêu đốt tất cả... Việc sinh đẻ của mẹ tôi lúc nào cũng rất khó khăn, rất đau đớn; bà hơi héo tàn, hơi khô khan, và cơn đau vượt quá sức mạnh của bà. Vì người phụ nữ khốn khổ này không bao giờ là mẫu mực của đạo đức, của phẩm giá, và vì bà không biết chịu đau khổ, chịu im lặng như tôi, nên kêu thét là phương cách duy nhất của bà. Bà gào rú suốt mấy giờ cho đến khi sinh ra Rosario, vì khổ hơn nữa, bà vốn sinh chậm. Một bài ca có câu: Người đàn bà có ria mép và sinh chậm thì... (Tôi không viết tiếp phần sau, vì tôn trọng vị quý phái tôi gửi những trang này)... Mẹ tôi được một bà mụ trong xã đỡ đẻ, bà Engracia; nhà ở trên đồi, vừa làm nghề thuốc, vừa làm bà mụ vườn, vừa làm bà cốt, hơi huyền bí, bà đem những thứ thuốc do bà chế đặt lên bụng mẹ tôi để làm dịu cơn đau. Nhưng có thuốc hay không có thuốc, mẹ tôi vẫn gào thét thật to, và bà Engracia không thể nghĩ gì khác hơn việc gọi mẹ tôi là quân vô thần, quân tín đồ Ki-tô giáo không ngoan đạo; lúc ấy tiếng gào thét của mẹ tôi giống như tiếng gào thét của bão tố, lại tăng thêm, và tôi tự hỏi không rõ có phải thật sự bà đã bị quỷ ám không. Sự bắn khoăn của tôi không kéo dài bao lâu, vì liền đó được chứng minh rằng nguyên nhân của những tiếng thét kỳ lạ ấy là em gái mới sinh của tôi.

Nãy giờ, cha tôi bước những bước dài, đi đi lại lại trong nhà bếp. Rosario vừa sinh ra, ông liền đến gần giường của mẹ tôi, và không chút quan tâm gì đến tình trạng sức khỏe của bà, gọi bà là đồ rác rưởi, đồ gái điếm, quát trúng khóa thắt lưng vào bà thật mạnh, đến nỗi ngày nay tôi vẫn bắn khoăn không biết tại sao bà không chết ngay lúc đó. Rồi ông bỏ đi và

vắng nhà hai ngày liền; lúc trở về, ông say bí tỉ; ông đến giường mẹ tôi đang nằm và hôn bà; mẹ tôi để ông hôn... Rồi ông ra chuồng ngựa mà ngủ.

III

Cha mẹ tôi lấy một cái thùng gỗ khá sâu, trải dưới đáy thùng một cái gối bằng xơ sợi, làm thành một cái nôi để cạnh giường của mẹ tôi và bỏ con bé vào cho nó ngủ; nó được phủ những tấm tã lót bằng vải cô-tông thật kín, nên có nhiều lúc tôi nghĩ rằng cuối cùng ắt nó sẽ ngạt thở. Tôi không biết tại sao, nhưng mãi tới lúc đó tôi đã tưởng rằng trẻ mới sinh phải trắng như sữa; tôi luôn luôn nhớ đến ấn tượng xấu xa mà em gái tôi gây cho tôi khi tôi thấy nó lầy nhầy và đỏ như tôm luộc; trên đầu nó lưa thưa mấy sợi tóc như lông chim sáo đá hay lông bồ câu con, mấy tháng sau mới rụng, những ngón tay nhỏ xíu của nó dính sát nhau, xanh mét, trông dễ sợ. Ba bốn ngày sau, khi người ta tháo tã để rửa ráy cho nó, tôi có thể mặc tình quan sát nó và tôi có thể nói rằng trông nó ít gớm hơn lần đầu; da nó sáng hơn, đôi mắt bé tí của nó, vẫn chưa mở, dường như muốn cử động; đôi bàn tay của nó có vẻ mềm mại hơn. Bà Engracia rửa ráy cho nó, rửa ráy thật kỹ, bằng nước hương thảo, dù là hạng người gì chẳng nữa, bà vẫn là kẻ hỗ trợ những người khốn khổ; bà lại quấn con bé trong những tấm tã ít bẩn hơn do bà tìm được, bà để những tấm tã bẩn riêng ra để giặt; con bé rất hài lòng và ngủ vùi suốt mấy giờ liền, đến nỗi không ai có thể đoán rằng có một đứa bé mới sinh trong ngôi nhà rất yên tĩnh như thế này. Cha tôi ngồi dưới đất, kế bên cái thùng, và để mấy tiếng đồng hồ ngắm con gái, với khuôn mặt giống như *mặt kẻ thất tình*, theo lời bà Engracia, khiến tôi hầu như quên bản chất của ông. Rồi ông đứng lên, đánh một vòng trong xã và, vào lúc chúng tôi không nghĩ đến ông nhất, vào giờ chúng tôi thường ít khi thấy ông về, chúng tôi lại thấy ông ngồi đó, bên cái thùng, gương mặt của ông hiền hậu dịu dàng, cái nhìn của ông khiêm tốn đến nỗi người nào chưa biết ông trước mà thấy ông như thế sẽ cho rằng chính Thánh Roch hiện về^[2].

Rosaio lớn dần, yếu ớt và gầy gò - đôi vú trống rỗng của mẹ tôi đâu có cho nó nhiều sinh lực - những năm đầu của nó thật khó khăn đến nỗi có lần nó suýt chết. Cha tôi điên đầu khi thấy con bé không lớn nổi và, để an ủi, ông lại nốc rượu nhiều hơn, và thế là mẹ tôi cùng tôi lại trải qua những lúc hết sức khó khăn, khiến chúng tôi ước mơ được như thời gian trước, vì

chúng tôi xem những lúc sau này quá cam go, trước kia chưa bao giờ tệ như vậy. Thái độ của con người bí ẩn biết bao, vì họ ghét điều mà họ hiện có, điều mà sau đó họ phải hối tiếc! Mẹ tôi vẫn còn yếu hơn lúc trước khi sinh em tôi, lại bị thêm mấy trận đòn khủng khiếp; về phần tôi, cha tôi không dễ tóm được, nhưng khi bắt gặp tôi trên đường, ông đá cho tôi mấy cái đôi khi chảy cả máu dít (xin lỗi), hoặc làm xương sườn tôi đỏ bầm như bị móng ngựa nung đỏ in vào.

Dần dần, con bé có da có thịt hơn và phục hồi sức lực, nhờ được nuôi bằng xúp rượu vang đỏ mà người ta chỉ cho mẹ tôi, và, vì bản chất nó vốn sống động và thời gian trôi qua đã giúp ích cho nó, tuy chậm biết đi hơn thông thường nhưng nó biết nói rất sớm, rất dễ dàng, rất nhiều, khiến tất cả chúng tôi đều vô cùng thích thú.

Thời gian mà trẻ con ngày nào cũng như ngày ấy qua nhanh. Rosario lớn lên, thành một cô gái, và khi chúng tôi chú ý đến nó chúng tôi thấy nó rất láu lỉnh. Than ôi! trong chúng tôi không ai nghĩ đến việc sử dụng trí óc của nó cho đúng chỗ: chẳng bao lâu con bé trở thành bà hoàng trong nhà, đã điều khiển chúng tôi theo ý nó. Nếu cái thiện là bản năng tự nhiên của nó, nó có thể làm những điều vĩ đại, nhưng Chúa không muốn thấy trong gia đình chúng tôi nó là người duy nhất nổi bật về đạo đức; do đó em gái tôi vận dụng sự thông minh của nó vào những mục tiêu khác và không bao lâu chúng tôi thấy rõ rằng thà nó ngu còn hơn không ngu. Điều gì nó cũng làm - nhưng không điều gì tốt cả: nó trộm cắp với sự khéo léo và trâng tráo của một mụ già di-gan, nó ghiền rượu rất sớm, nó làm môi giới cho những chèn chèn của mụ và, vì không ai lo cải tạo nó hay sử dụng trí thông minh sáng suốt của nó vào việc thiện, nó đi từ xấu đến tệ; rồi một hôm - năm mười bốn tuổi - nó “chôm” một mớ tài sản có giá trị trong nhà bỏ đi Trujillo, đến ở nhà mụ Elvira. Kết quả của sự ra đi của nó gây ra trong chúng tôi, ngài có thể tưởng tượng được: cha tôi buộc tội mẹ tôi, mẹ tôi buộc cha tôi... Nhưng người ta cảm thấy được sự vắng mặt của Rosario ở những cơn thịnh nộ của cha tôi: trước kia, khi nó còn ở nhà với chúng tôi, ông tự kiềm chế trước sự hiện diện của nó; giờ đây khi nó đi rồi và ông không trông thấy nó nữa, bất cứ giờ giấc nào và bất cứ chỗ nào ông cũng làm rùm beng. Thật kỳ lạ khi nghĩ rằng cha tôi, vốn hung bạo và bướng bỉnh không ai bằng, lại chỉ quý mến nó: chỉ cần một ánh mắt của Rosario là cơn thịnh nộ của ông dịu xuống

và nhiều lần chỉ cần sự hiện diện của nó là ông không đánh đập mẹ tôi và tôi. Ai có thể cho rằng một người khổng lồ như ông lại bị một con nhóc bé xíu thuần hóa!

Nó ở Trujillo sáu tháng, rồi bị sốt, nó trở về nhà, dở sống dở chết; nó nằm liệt giường một năm, bị bệnh sốt rét ác tính suýt chết. Dù hay rượu và hay thịnh nộ, cha tôi là một tín đồ Ki-tô giáo rất mực ngoan đạo, ông đã cho làm lễ xức dầu thánh cho nó, chuẩn bị cho chuyến đi cuối cùng của nó. Bệnh của nó hết tăng rồi lại giảm như tất cả các bệnh khác; tiếp theo những ngày dường như con bé hồi sinh là những đêm mà tất cả chúng tôi nghĩ rằng nó sẽ ra đi. Cha mẹ tôi rất âu sầu trong thời kỳ đen tối này, chỉ có những tháng đó mới bình yên thôi vì không có những tiếng đánh đá vang dội giữa những bức vách, bởi vì dường như cha mẹ tôi đang hết sức rối rắm vào chuyện đó... Tất cả các bà lối xóm ai cũng xen vào, chỉ thuốc này thuốc nọ, nhưng chúng tôi tin ở bà Engracia và chúng tôi theo lời mách bảo của bà để săn sóc em gái tôi. Cách chữa trị của bà cực kỳ phức tạp, điều đó có Chúa biết, nhưng vì tất cả chúng tôi đem hết tâm lực vào việc chữa trị nó, cho nên dường như việc chữa trị cũng có tác dụng, vì con bé bình phục dần dần từ từ. Tục ngữ có câu “Cỏ dại sống dai”, tôi nói thế không nghĩa rằng Rosario là xấu (và cũng không khẳng định rằng nó là tốt), thật vậy sau khi nó uống những món thuốc pha chế theo toa của bà Engracia, chúng tôi chỉ kiên nhẫn chờ nó tìm lại sức khỏe, và với sức khỏe là sức lực và sắc đẹp.

Vì thế, không bao lâu nó khá lại. Cha mẹ tôi cảm thấy rất vui mừng - vì ông bà chỉ thuận thảo nhau khi cùng lo lắng cho con bé giữa lúc đó, con bé quý quyết lại tái diễn trò chôm chia; nó vét sạch những số tiền dành dụm hiếm hoi của chúng tôi rồi chuồn đi, lần này nó đi Almendralejo, đến ở trọ nhà của Nieves la Madrilena. Có điều chắc chắn, ít ra tôi cũng tin như thế, là kẻ đê tiện nhất cũng giữ được một điểm tốt đẹp nào đó: Rosario không quên hẳn chúng tôi; thỉnh thoảng - vào dịp lễ của chúng tôi hoặc vào dịp lễ Giáng sinh - nó cũng gửi cho chúng tôi một món vật vĩnh gì đó dù không đáng; tuy nhiên chúng tôi đánh giá cao cử chỉ của nó, vì dù nó có tỏ vẻ bảnh bao đến đâu, thực ra nó cũng không mấy sung túc. Ở Almendralejo nó quen một người đàn ông, tay này sẽ hại nó; không phải hại tiếng tăm của nó, vì nó đã quá tồi tệ, mà hại túi tiền của nó, thứ độc nhất nó cần trông chừng, vì thứ kia đã mất. Tay này, tên Paco Lopez, biệt danh là Cao Kều; tôi không

chối cãi rằng hấn đẹp trai dù cái nhìn của hấn không ngay lắm; đúng vậy, hấn chột một mắt, có Chúa mới biết do những cuộc phiêu lưu nào, và thay cho con mắt thật là con mắt bằng thủy tinh, do đó nên cái nhìn của hấn không được ngay. Hấn to con, tóc hoe vàng, ăn mặc bảnh bao, dáng đi cao lêu nghêu nên người đầu tiên nào gọi hấn Cao Kêu^[3] là rất đúng; phương tiện kiếm ăn tốt nhất của hấn là gương mặt của hấn, vì lý do là phụ nữ vốn ngu ngốc nên nuôi hấn, hấn không chịu làm việc; tôi cho như vậy là không hay, có lẽ vì tôi không bao giờ có dịp làm như hấn. Người ta bảo rằng có lúc hấn làm *novillero*^[4] trong những đấu trường ở Andalusia; tôi không biết tôi có nên tin chuyện này không, vì dường như hấn chỉ tỏ ra dửng dưng cảm với phụ nữ, nhưng vì phụ nữ trong đó có em gái tôi rất tin tưởng điều đó, nên hấn sống phây phây, vì chính ngài cũng biết rằng phụ nữ rất khâm phục những người đấu bò. Một hôm trong khi săn gà gô dọc theo *Los Jarales* - điền trang của Don Jesús - tôi gặp hấn; từ Almendralejo hấn đi vào rừng cách đó khoảng một cây số rưỡi để hóng mát; hấn ăn mặc rất bảnh bao, với bộ com-lê màu cà phê, chiếc mũ lưỡi trai trên đầu, cây gậy bằng liễu giỏ trên tay. Hấn và tôi chào nhau, và thấy tôi không hỏi han gì về tin tức của em gái tôi, hấn muốn tôi mở mồm để hấn có dịp huênh hoang; tôi không thèm trả lời hấn và hấn phải biết rằng tôi lảng tránh hấn, vì khi đã bắt tay từ giã nhau, hấn hỏi tôi một cách dửng dưng:

- Rosario có khỏe không anh?
- Anh phải biết chứ...
- Tôi à?
- Chắc gì, nếu anh không biết thì ai biết?
- Và tại sao tôi lại phải biết?

Hấn nói bằng một giọng rất nghiêm trang, dường như trong đời hấn chưa bao giờ nói dối; điều đó khiến tôi chán không muốn với hấn về Rosario; chuyện tiếp theo như sau:

Hắn vung gậy, quất quất những khóm húng tây...

- Thôi được. Có thể anh cần biết, cô ấy khỏe... Anh không muốn biết tin của cô ấy sao?

- Coi chừng đấy, Cao Kều!.... Coi chừng đấy, Cao Kều!... Tôi không biết sợ đâu, tôi cũng chẳng muốn đôi co với anh! Anh đừng trêu tôi!... Anh đừng trêu tôi!...

- Trêu tức anh à? Tôi biết trêu tức anh bằng cách nào được nhỉ, khi anh không có gì để trêu cả? Đây, anh có muốn biết về Rosario không? Cô Rosario ấy có dây mơ rễ má gì với anh không? Cô ấy là em gái anh!... Tốt, rồi sau đó? Và cô ấy cũng là bồ của tôi nữa, nếu anh muốn nói chuyện dây mơ rễ má.

Hắn đã làm tôi mở mồm. Hắn đã thắng tôi trong trận đấu mồm, nhưng nếu hắn với tôi choảng nhau, tôi xin đem linh hồn của tổ tiên tôi mà thề rằng tôi sẽ giết hắn trước khi hắn đụng tới lông chân tôi. Tôi muốn dịu bớt, vì tôi biết tính mình, đàn ông với nhau, tôi cầm súng trong tay còn hắn không có, mà mình ra tay trước là không ngon.

- Đây, Cao Kều, tốt hơn cả hai chúng ta nên im đi! Nó là bồ của anh à? Được, mặc xác nó. Chuyện đó dính dáng gì tới tôi chứ?

Cao Kều cười hô hô, dường như hắn muốn gây sự.

- Anh nghe này...

- Gì?...

- Nếu anh lấy em gái tôi, tôi sẽ giết anh.

Chúa ơi, tới nước đó mà nín thinh thì tức chết được; nhưng tôi không muốn đập lộn, tôi không hiểu tại sao. Tôi rất ngạc nhiên nghe hắn nói với tôi cách đó; trong xã không ai dám nói với tôi chỉ phân nửa kiêu đó.

- Và nếu tôi gặp anh lớn vồn quanh tôi lần nữa, tôi sẽ giết anh tại chỗ, giữa bàn dân thiên hạ.

- Anh lớn lỏi quá!

- Bằng dao găm đây!

- Coi chừng đây, Cao Kêu!... Coi chừng đây, Cao Kêu!...

...

Ngày hôm ấy tôi lâm vào cảnh nằm gai nếm mật và giờ đây vết gai vẫn còn đau, vị mật vẫn còn đắng.

Tại sao lúc đó tôi lại chịu nhục không nhổ phắt gai đi là điều mà đến nay tôi vẫn không hiểu... Thời gian trôi qua. Em gái tôi lại bị sốt, nó trở về nhà cha mẹ tôi để trị bệnh, và nó kể tôi nghe đoạn cuối của câu chuyện: đêm đó Cao Kêu đến nhà của Nieves la Madrilena gặp Rosario và gọi nó ra ngoài.

- Cô có biết thằng anh của cô là thằng sọc dưa không?

- ...

- Hấn đứng im re như thỏ khi nghe thấy có tiếng động.

Em gái tôi muốn bênh tôi, nhưng vô ích; hấn đã thắng. Hấn đã thắng tôi trong một trận đánh duy nhất mà tôi đã thua vì tôi không chịu đập lộn.

- Thôi, cưng của anh, ta nói chuyện khác. Em kiếm cho anh bao nhiêu?

- Tám pơ-dô.

- Chỉ bấy nhiêu thôi à?

- Chỉ bấy nhiêu. Anh mong muốn gì chứ? Lúc này khó khăn lắm!...

Cao Kêu lấy gậy quất thật mạnh vào mặt em gái tôi.

Kế đó...

- Mà có biết thằng anh của mày là thằng sọc dưa không?

...

Em tôi khẩn cầu tôi hãy ở lại xã vì sức khỏe của nó.

Cái gai dường như nhúc nhích trong hông tôi. Tại sao lúc đó tôi không nhổ phắt gai đi là điều đến nay tôi vẫn không hiểu...

IV

Xin ngài thứ lỗi cho tôi vì tôi kể không thứ tự. Tôi muốn câu chuyện của mình được trung thành với những người có liên quan hơn với diễn tiến của sự việc, và tôi phải nhảy từ đầu tới cuối và từ cuối lên đầu như một con châu chấu bị săn đuổi. Làm sao tôi có thể làm khác được? Tôi viết cho ý nghĩ của tôi, nghĩ sao viết vậy chứ không định viết tiểu thuyết; vả lại, tôi không có khả năng viết tiểu thuyết và tôi có tật nói đi nói lại mãi, rồi dừng đột ngột, mệt muốn đứt hơi, không biết chấm dứt thế nào.

Năm tháng trôi qua với chúng tôi như với tất cả mọi người, cuộc sống trong gia đình chúng tôi trôi xuôi như trước nay và, nếu không bịa chuyện, tôi không thấy trong giai đoạn đó những sự việc nổi bật để kể cho ngài nghe.

Rồi đến năm Rosario mười lăm tuổi. Sự gầy gò của mẹ tôi và thời gian trôi qua khiến chúng tôi đoán đủ thứ, trừ việc chúng tôi sắp có một đứa em trai, bụng bà to tổ bố. Hãy xem ai là tác giả của sản phẩm đó! Tôi nghĩ rằng bà quan hệ với lão Rafael; dù gì chẳng nữa, chúng tôi chỉ cần chờ đến kỳ hạn thông thường để thêm một thành viên nữa trong gia đình chúng tôi. Việc sinh ra Mario tội nghiệp - Mario là tên của đứa em trai mới của chúng tôi - không khác nào một thảm họa; thực vậy, chuyện nhục nhã là mẹ tôi đẻ con hoang chưa đủ, nó lại trùng với cái chết của cha tôi. Lạnh lùng xem xét toàn bộ sự việc thì cũng đáng cười chê thật - trừ khía cạnh khủng khiếp! Hai ngày trước khi Mario chào đời, cha tôi bị nhốt trong một cái tủ chén. Ông bị chó dại cắn, và lúc đầu chúng tôi tưởng rằng ông không mắc bệnh chó dại, nhưng sau đó ông run lên, chúng tôi biết ông đã mắc bệnh. Theo lời bà Engracia, mẹ tôi sẽ bị truy thai nếu bị ông nhìn, và kể như không còn cách gì chữa chạy cho ông nữa, chúng tôi đã nhốt ông với sự giúp đỡ của bà con lối xóm và rất thận trọng, vì ông cố cắn tất cả chúng tôi, và nếu ông ngoạm trúng kẻ nào, kẻ ấy ít ra sẽ đứt tiện cả cánh tay. Giờ đây, nhớ lại những giờ phút đó, tôi vẫn cảm thấy khủng khiếp và buồn bã!... Chúa ôi! chúng tôi dùng đến sức mạnh để khuất phục ông! Ông chống trả như sư tử, thề giết tất cả chúng tôi, đôi mắt ông rực lửa tực hồ chắc chắn ông sẽ làm điều đó nếu

Chúa cho phép. Như tôi đã nói, ông bị nhốt từ hai ngày trước, miệng tru thật to, chân đá thật mạnh vào cửa tử, khiến chúng tôi phải lấy ván đóng thêm cho chắc. Tôi không ngạc nhiên khi một mặt bị những chuyện âm ỉ đó, mặt khác bị những tiếng thét của mẹ tôi kích thích, thằng Mario tội nghiệp chào đời trong hải hùng và gần như u mê. Đêm sau, cha tôi nín bật - đó là đêm Ba Vua - và, khi chúng tôi đến mang ông ta, nghĩ rằng ông đã chết, chúng tôi thấy ông nằm sòng sọc trên mặt đất với khuôn mặt hải hùng của người bị đầy xuống địa ngục. Tôi ngạc nhiên thấy mẹ tôi không khóc như tôi tưởng, mà lại cất tiếng cười, hành động của bà khiến tôi không thể làm gì khác hơn là phải nén lại hai giọt nước mắt chực trào ra của tôi khi tôi trông thấy cái thân với đôi mắt mở to đầy máu, cái miệng hé mở, cái lưỡi tím ngắt thè ra nửa chừng. Đến lúc chôn ông, cha xứ Don Manuel giảng cho tôi một bài thuyết giáo. Giờ đây tôi không còn nhớ gì về lời lẽ của cha. Cha nói với tôi về cuộc sống ở thế giới bên kia, về thiên đàng và địa ngục, về Đức Mẹ Đồng Trinh, về kỷ niệm của cha tôi; tôi nói với cha xứ rằng tốt hơn nên lãng quên tất cả những kỷ niệm về cha tôi, cha Don Manuel lấy tay vuốt ve đầu tôi, bảo rằng Tử thần mang con người từ vương quốc này sang vương quốc khác, rằng Tử thần sẽ tức giận nếu chúng tôi ghét những gì Thần mang đến Chúa để được phán xét... Nay, tất nhiên không phải cha nói với tôi đúng như vậy; cha nói bằng những lời lẽ cân nhắc và thận trọng, nhưng nội dung tựu trung như tôi vừa viết. Từ ngày hôm ấy, mỗi lần gặp Don Manuel, tôi chào cha và cúi xuống hôn bàn tay cha, nhưng sau khi tôi lập gia đình, vợ tôi bảo tôi rằng hành động kiểu đó xem không ra vẻ đàn ông, và tất nhiên tôi không thể tiếp tục nữa. Sau đó, tôi biết rằng Don Manuel đã bảo tôi như bông hoa lài cấm bãi cứt trâu, và Chúa ơi tôi muốn siết họng cha ngay lúc ấy, thế rồi chuyện đó qua đi; thông thường tôi không có tính giận lâu và cuối cùng tôi quên bẵng; vả lại, khi nghĩ kỹ, không bao giờ tôi chắc chắn rằng tôi đã hiểu đúng; có thể cha Don Manuel không nói gì hết - những gì người ta thuật lại không phải bao giờ cũng đúng - và nếu cha đã nói như vậy... Ai biết ý cha muốn nói gì? Ai biết ý cha không muốn nói những gì tôi đã hiểu?

Nếu Mario biết những gì nó đã làm khi ròi thung lũng đầy nước mắt này, chắc chắn nó sẽ bỏ đi không hối tiếc. Nó sống với chúng tôi không lâu; dường như nó đánh hơi được loại gia đình đang chờ đợi nó và nó sẵn sàng hy sinh họ để theo những đứa bé vô tội trong cũi u minh. Lạy Chúa, nó đã

hành động khôn ngoan và tránh được biết bao khổ đau khi phải sống thêm những năm tháng trên thế gian này!... Khi bỏ chúng tôi ra đi, nó chưa đầy mười tuổi, nếu với tất cả những nỗi khổ đau nó phải chịu đựng mà như vậy là ít thời gian, thì lại là quá nhiều đối với nó để nó có thể học đi, học nói, hai việc mà nó không bao giờ biết được; tội nghiệp thằng bé phải lê người như một con rắn, phát ra những tiếng nhỏ từ họng và mũi như chuột: đó là tất cả những gì nó học được. Khi nó chỉ mới vài tuổi đầu, tất cả chúng tôi đều biết rằng thằng bé khốn khổ sẽ lâm vào tình trạng dần độn và sẽ chết như thế; khi nó được một tuổi rưỡi, chiếc răng đầu tiên mọc lên nhưng không mọc đúng chỗ mà mọc chệch rất xa, bà Engracia phải lấy chỉ nhỏ để răng khỏi đâm vào lưỡi nó. Thời kỳ bấy giờ, và có lẽ vì tất cả máu nó đã nuốt do cái chuyện răng cở nói trên, nó lại bị nhọt ở đít (xin lỗi), nước tiểu hòa lẫn với mủ nhọt nhớp nháp suốt, da ở hai mông đít bé nhỏ của nó lở loét, lòi cả thịt; khi chúng tôi lấy giấm và muối chữa trị, thằng bé thét thật to, tiếng thét làm người cứng rắn cũng phải xúc động. Sau đó là một thời gian yên tĩnh tương đối. Nó chơi với một cái chai, vật duy nhất đáng cho nó quan tâm, và nằm phơi nắng ngoài sân hay trên ngưỡng cửa. Thằng bé sống như thế, lúc khá lúc tệ, nhưng càng ngày càng bình yên hơn, cho đến bốn tuổi; rồi một hôm, nó gặp phải một số phận bi thảm dù không tìm không muốn số phận đó, cũng không hại ai, cũng không thách thức Trời cao Đất dày gì cả: một con lợn (xin lỗi) ăn hai tai của nó.

Dược sĩ Don Raimundo xúc cho nó một thứ bột vàng, xêrôfoocmalin, trông thấy nó vàng khè, không có tai, thật tội, nên mấy bà lối xóm mang đồ lại an ủi nó, một hai cái bánh rán vào ngày chủ nhật, với những hạt hạnh nhân, quả ô-liu chiên dầu và một ít giò... Tội nghiệp Mario, đôi mắt bé mở to, nó cảm ơn những món quà bé nhỏ đó! Nếu trước kia nó không bao giờ gan dạ thì sau chuyện đó nó lại tệ hơn; suốt ngày suốt đêm nó khóc nhe nhệ, tru tréo như bị bỏ rơi; vì mẹ tôi không mấy kiên nhẫn vào những lúc cần kiên nhẫn, nó nằm dài xuống đất trong nhiều tháng, ăn những gì người ta ném cho nó, bần thủ đến nỗi chính tôi vốn không bao giờ tắm rửa nhiều - cần gì phải nói dối chứ? - cuối cùng tôi thấy chán nó. Khi có một con lợn (xin lỗi) xuất hiện, chuyện thường ngày ở quê, em tôi đâm ra giận dữ và như điên cuồng, nó thét to hơn thường lệ, tìm một chỗ trú ẩn, gương mặt nó và đôi mắt nó trông thật khủng khiếp khiến tôi nghĩ rằng nếu đích thân Diêm vương lên thế gian này cũng sẽ dừng chân.

Tôi nhớ một hôm - vào ngày chủ nhật - một cảnh tương tự đã khiến nó hết sức kinh hoàng và giận dữ, nó đâm đầu chạy trốn; nó bỗng gặp lão Rafael, lão thường đến nhà tôi như ngẫu nhiên (từ khi cha tôi qua đời, lão đi lại nhà chúng tôi như một vùng đất xâm chiếm). Thằng em khốn khổ của tôi không thể tưởng tượng điều gì khác hơn là cắn chân lão; lão tung chân kia đá thật mạnh vào chỗ sẹo của nó; nó dở sống dở chết, bất tỉnh và mất rất nhiều máu đến nỗi tôi nghĩ rằng nó sẽ không còn máu nữa. Cái lão nhỏ thó cười ha hả như vừa có hành động rất dũng cảm và, từ ngày đó, tôi rất căm hận lão, tôi lấy danh dự thề rằng sẽ trừng trị lão vào cơ hội đầu tiên, nếu Chúa không đưa lão thoát khỏi tay tôi.

Thằng bé nằm dài và mẹ tôi - tôi bảo đảm với ngài rằng lúc bấy giờ tôi run sợ khi thấy bà hành động xấu xa như thế - thay vì cứu nó, lại bắt chước lão Rafael và cười to; về phần tôi, có Chúa chứng tri, tôi muốn đến đỡ nó lên nhưng tôi lại không làm gì cả... Nếu lúc đó lão chế nhạo tấm lòng hiền hậu của tôi, thì Chúa ơi, tôi sẽ nghiền nát lão trước mặt mẹ tôi!

Tôi đi bên cạnh các ngôi nhà để cố quên sự việc đó; dọc đường, tôi gặp em gái tôi; lúc bấy giờ nó đã về xã. Tôi thuật cho nó nghe sự việc đó và tôi thấy rõ sự thù hận trong đôi mắt của nó vì, trong thâm tâm, tôi nghĩ rằng nó không phải là một kẻ thù rất hiền hậu. Tôi bỗng nhớ lại Cao Kêu, và tôi tự mỉm cười khi nghĩ rằng em gái tôi hẳn đã nhìn hẳn bằng đôi mắt đó vài lần...

Hai giờ sau, khi chúng tôi trở về nhà, lão Rafael đã bỏ đi; Mario vẫn nằm dài chỗ cũ, nó rên thật khẽ, miệng áp xuống đất, cái sẹo tím hơn và hết sức khốn khổ; tôi ngỡ rằng em gái tôi sẽ la lối om sòm, nhưng nó chỉ ẵm Mario lên đặt trong cái máng đựng bánh mì cho thằng bé ngủ lại... Đối với tôi, ngày hôm ấy nó đẹp hơn bao giờ hết, với chiếc rốp màu xanh da trời và với vẻ của một bà mẹ man dại, dù nó chưa bao giờ và sẽ không bao giờ làm mẹ...

Khi lão Rafael đi rồi, mẹ tôi ẵm Mario vào lòng và ru thằng bé; suốt đêm, bà liếm vết thương của nó như chó cái liếm chó con sau khi sinh; thằng bé để bà làm như vậy và mỉm cười... Nó ngủ say, giữ trên đôi môi

dấu vết của nụ cười. Chắc chắn rằng chính đêm đó là lần duy nhất trong đời nó đã mỉm cười...

V

Kể đó, trong một thời gian, Mario không gặp thêm điều bất hạnh nào, nhưng kẻ bị định mệnh truy đuổi làm sao thoát được, dù trốn chui trốn nhủi trong những hốc đá: một hôm, không thấy nó ở đâu, cả nhà tìm nó tử mở và cuối cùn thấy nó bị chết đuối trong một cái chum dầu. Chính em gái tôi, Rosario, tìm thấy Mario... Thằng bé ở trong tư thế của một con chim cú đang uống trộm dầu bị mắc bẫy; nó ngã trên miệng chum, mũi chúi vào mớ cặn ở đáy chum... Khi người ta đỡ nó lên, dầu chảy thành dây từ miệng nó, tựa hồ như một sợi chỉ vàng bị rối được tháo ra từ bụng nó; tóc của nó, lúc nó còn sống luôn luôn có màu xám tro nhờ nhờ, rực lên thật sáng khiến người ta tưởng như nó có vẻ hồi sinh từ cái chết. Đó là tất cả những gì lạ lùng khi tôi nhớ lại cái chết của Mario...

Mẹ tôi cũng không nhỏ giọt nước mắt nào trước cái chết của đứa con trai; đáng lẽ bà không con cái gì cả thì tốt hơn, vì tim bà cứng rắn quá nên bà không có giọt nước mắt nào để đánh dấu điều bất hạnh của đứa con trai... Về phần tôi, tôi không chút xấu hổ khi thú nhận rằng tôi đã khóc, cũng như em gái Rosario của tôi, và tôi cảm thấy rất căm hận mẹ tôi, một sự căm hận ngày càng tăng rất nhanh đến nỗi liền đó tôi lại sợ chính tôi. Đàn bà không khóc giống như vôi nước không chảy, không có giá trị gì, hoặc như chim trên trời không biết hót mà, nếu muốn, Chúa sẽ lấy cánh lại vì con vật nhơ nhớp ấy không cần cánh nữa.

Tôi thường tự hỏi và nói thật, đến ngày nay tôi vẫn tự hỏi lý do khiến tôi không còn tôn trọng mẹ tôi, lý do sau đó khiến tôi không còn thương bà, và cuối cùng không còn cả những nghi lễ thông thường đối với bà. Tôi đã nghĩ rất nhiều về điều đó, để ghi rõ những hồi ức của mình và để biết lúc nào bà không còn là người mẹ trong lòng tôi, và lúc nào bà trở thành kẻ thù của tôi. Kẻ tử thù, vì không có sự thù hận nào lớn lao bằng sự thù hận của những người cùng chung dòng máu; một kẻ thù đã khiến tôi hết sức căm hận, vì rất dễ thù kẻ mà ta giống, cho tới cuối cùng ta ghê tởm sự giống đó. Tôi đã nghĩ nhiều về điều đó, nhưng không sáng tỏ được gì cả. Tôi chỉ có thể nói rằng tôi không còn tôn trọng bà từ lâu, vì không tìm thấy nơi bà một phẩm

chất nào đáng bắt chước, một quà tặng nào của Chúa để noi theo; nhưng bà phải rời khỏi tim tôi, khi tôi trông thấy nơi bà quá nhiều điều xấu xa và tôi không thể yêu bà nữa. Để thù hận bà, thù hận thật sự, tôi phải mất một thời gian nữa - vì tình yêu lẫn sự thù hận không phải là chuyện ngày một ngày hai - nhưng tôi không nghĩ rằng tôi nhầm lẫn nhiều khi nói rõ rằng lúc tôi bắt đầu thù hận bà là lúc Mario chết.

Chúng tôi phải lau khô thành bé với vải lanh, để nó khỏi bị dính dầu nhiều quá lúc chịu Phán quyết cuối cùng của Chúa, và chúng tôi trang phục đẹp nhất cho nó: quần áo bằng vải péc-can mà chúng tôi tìm thấy trong nhà, giày vải đế cói đan mà tôi chạy tìm trong xã, chiếc cà-vạt nhỏ màu hoa cà có nơ ở cổ như một con bướm vô tư lự đậu lên mình người chết. Lão Rafael làm ra vẻ nhân từ đối với người mà lão đã đối xử thô bạo lúc còn sống và giúp chúng tôi chuẩn bị cái hòm. Lão đi đi lại lại khắp nơi, tắt bật và tự hào như cô dâu mới; mang lại chỗ này mấy cái đinh, chỗ kia một miếng ván, một hộp sơn trắng chì. Tôi phải tập trung tất cả sự chú ý của mình vào sự tắt bật và tự hào của lão, vì tôi rất bức - lúc bấy giờ và cả hiện nay cũng không rõ tại sao - khi thấy lão vui như chim sáo. Lão ung dung lộp đi lộp lại:

- Thề theo ý Chúa! Những tiểu thiên sứ về trời!...

Nghe lão nói thế, tôi suy nghĩ rất nhiều và cả đến bây giờ tôi cũng không thể nhớ lại điều gì đã xảy ra trong tôi. Lão cứ lặp đi lặp lại điều đó như một điệp khúc trong khi đóng đinh vào ván và khi bắt tay sơn:

- Những tiểu thiên sứ về trời! Những tiểu thiên sứ về trời!

Lời lẽ của lão vang dội trong tim tôi như một cái đồng hồ. Một cái đồng hồ cuối cùng sẽ làm vỡ ngực tôi... Một cái đồng hồ điên cuồng do những lời lẽ trịnh trọng của lão già, do những con mắt ươn ướt và xanh như mắt rắn nhìn tôi ăn mày một chút thiện cảm trong khi trong huyết quản của tôi chỉ là sự hận thù sâu đậm nhất. Tôi nhớ lại những giờ đó một cách tởm lợm.

- Những tiểu thiên sứ về trời! Những tiểu thiên sứ về trời!...

Tên chó đẻ, lão giả vờ khá đấy! Nhưng ta để lão ở đó và nói sang chuyện khác.

Không bao giờ tôi biết tiểu thiên sứ là gì vì tôi không nghĩ đến; đôi khi tôi tưởng tượng ra họ, tóc hoe vàng, mặc áo dài xanh lơ hoặc hồng; những lúc khác tôi ngỡ họ màu mây, thân hình dài hơn thân lúa. Nhưng lúc nào tôi cũng chắc chắn rằng họ không có gì giống với thằng em Mario của tôi, cho nên khi lão Rafael nói thế, tôi nghĩ lão muốn giấu giếm điều gì, và tôi tự hỏi không biết lão có ý nghĩ tinh quái gì và có ẩn ý gì - lão vốn hung bạo.

Đám tang của thằng bé, như đám tang của cha tôi những năm trước, là một đám tang khốn khổ, buồn thảm: không phải nói dối không hơn năm sáu người đi sau chiếc hòm: Don Manuel, thằng bé Santiago hét lễ trong nhà thờ, Lola, ba bốn bà cụ và tôi. Thằng Santiago cầm thánh giá đi trước, vừa đi vừa khẽ huýt sáo và nện chân trên những hòn đá cuội; kế đó là chiếc hòm và Don Manuel, trông như thợ cắt tóc khoác bộ y phục trắng trên chiếc áo dòng; các bà cụ theo sau, khóc lóc và rên rỉ đến nỗi người ta tưởng các bà là mẹ của kẻ trong chiếc hòm đang đi về lòng đất...

Lúc bấy giờ, Lola gần như là vợ chưa cưới của tôi, tôi bảo gần như vì thực ra dù tôi có thiện cảm với nàng, không bao giờ tôi dám nói với nàng một lời yêu đương, tôi sợ bị nàng khinh miệt; nàng cũng luôn luôn làm đủ cách để tôi đi tới quyết định đó, nhưng đều vô ích, lúc nào tôi cũng thẹn thùng không dám và chuyện đó kéo dài rất lâu. Tôi đã gần ba mươi tuổi, còn nàng trẻ hơn em gái tôi một chút, độ hăm một hăm hai. Nàng to lớn, nước da nâu, tóc sậm màu, đôi mắt thật sâu, đen láy, nhìn vào là cảm thấy xốn xang; thịt nàng săn chắc và như căng phồng vì sức khỏe sung mãn; nàng rất nẩy nở đến nỗi người ta ngỡ rằng nàng đã có chồng. Dù sao đi nữa, trước khi tôi đi xa hơn và để khỏi quên tôi muốn nói với ngài, nói đúng sự thật, rằng lúc bấy giờ nàng vẫn còn trinh nguyên như lúc mới sinh ra và chưa biết gì về đàn ông như một cô gái tân mồi vào nung nhờ cửa Chúa. Tôi nói dứt khoát như vậy để không ai hiểu lầm về điểm đó. Còn những gì sau đó nàng làm - chỉ có Chúa mới biết chính xác mà thôi - là những điều thuộc về lương tâm của nàng; nhưng tôi chắc chắn rằng tất cả những gì nàng làm lúc đó không có gì là đồi bại cả, và tôi sẵn sàng để quỷ sứ bắt hồn mình nếu có ai chứng minh ngược lại. Nàng tỏ ra chắc chắn, đầy sức lực,

dáng đi của nàng rất tự hào, tự do, và nàng giống như mọi thứ, trừ việc giống cô bé quê nghèo nà; mớ tóc được nàng bới thành búi to tướng dưới gáy, cho thấy một sức mạnh; khi thành chồng nàng những tháng sau, tôi thích lấy búi tóc ấy quất vào hai má tôi để thưởng thức sự êm ả và có cảm giác về hương thơm của nó: hương vị của ánh nắng và của rau húng tây, hương vị của những giọt mồ hôi lạnh long lanh ở những sợi tóc mai của nàng khi nàng hứng tình...

Hãy trở lại chuyện tôi vừa nói: đám tang của em tôi trôi qua không trở ngại gì; huyết đã đào sẵn, chỉ cần đặt em tôi xuống đó và phủ đất lên. Cha Don Manuel đọc kinh bằng tiếng la-tinh, mấy bà cụ quỳ xuống. Trong khi Lola quỳ xuống, tôi thấy đôi chân của nàng trắng muốt, sần chắc sau đôi tất đen. Tôi xấu hổ trước những gì tôi sắp nói, lạy Chúa, xin cứu rỗi linh hồn con bằng tất cả sự khổ nhục mà con nói ra: lúc bấy giờ, tôi vui vì cái chết của em trai tôi... Đôi chân của Lola óng ánh như bạc, thái dương tôi giàn giụa và tim tôi như muốn thoát khỏi lồng ngực tôi

.....

Tôi không trông thấy Don Manuel lẫn mấy bà cụ đi ra. Tôi như ngơ ngáo trở lại với cuộc sống, tôi ngồi trên mặt đất mới phủ trên tử thi của Mario; lý do khiến tôi ở đó và quãng thời gian tôi ở đó lúc bấy giờ là hai điều không bao giờ tôi biết rõ. Tôi chỉ nhớ rằng máu ở thái dương tôi cứ giàn giụa, rằng tim tôi lúc nào cũng muốn vỡ... Mặt trời xuống dần; những tia nắng cuối cùng như soi qua cành lá của một cây bách buồn bã, vật duy nhất bên cạnh tôi... Trời nóng; tôi cảm thấy run rẩy toàn thân; tôi không thể cử động; người tôi đờ ra tựa hồ như tôi bị một con chó sói nhìn vào mắt mình...

Lola đang đứng đấy, kề bên tôi; ngực nàng lên lên xuống xuống theo hơi thở...

- Em đấy à?

- Vâng, em đây!

- Em làm gì ở đây?

- Em à? Em không làm gì cả... Em chỉ đến đây...

Tôi đứng lên chụp một cánh tay nàng.

- Em làm gì ở đây?

- Em không làm gì cả! Anh thấy rõ mà. Không làm gì cả...

Lola nhìn tôi với đôi mắt kinh hãi. Tiếng của nàng dường như từ cõi xa xăm, trầm trầm, ồ ồ như hồn ma bóng quế...

- Anh giống như em trai anh!

- Anh à?

- Phải, anh đấy!

.....

Cuộc đấu tranh thật dữ dội. Tôi vật nàng xuống đất, nàng gượng dậy, đẹp hơn bao giờ hết. Ngực của nàng lên lên xuống xuống theo hơi thở của nàng, càng lúc càng nhanh hơn... Tôi nắm tóc nàng và ấn nàng xuống đất. Nàng vùng vẫy, vượt khỏi tay tôi.

Tôi cắn nàng cho đến chảy máu và đối với tôi nàng dịu dàng và ngoan ngoãn như một con lừa cái con...

.....

- Em muốn như vậy chứ?

- Vâng!

Lola mỉm cười với tôi, đôi hàm răng đều đặn... Rồi nàng vuốt tóc tôi.

- Anh không giống em trai anh!... Anh là đàn ông!...

Những tiếng này vang vang trên môi nàng...

- Anh là đàn ông!... Anh là đàn ông!...

Đất mềm nhũn, tôi nhớ rất rõ... Và trên mặt đất, sáu đóa hoa mỹ nhân dành cho em trai đã chết của tôi: sáu giọt máu.

- Anh không giống em trai anh! Anh là đàn ông!...

- Em yêu anh chứ?

- Vâng!...

VI

Đã mười lăm ngày trôi qua mà Ôn Trên không cho phép tôi viết gì thêm; thời gian này, bận bịu với những cuộc thẩm vấn, với những lần viếng thăm của luật sư biện hộ cho tôi và với việc chuyển đến trại giam mới này, tôi không lúc nào rảnh rỗi để cầm bút. Giờ đây, tôi vừa đọc lại mớ giấy má này - mớ giấy không quan trọng lắm; những ý nghĩ lộn xộn nhất trong đầu tôi với một sự dồn dập lớn lao đến nỗi dù cố gắng đến đâu tôi cũng không biết phải bắt đầu lại như thế nào. Cho tới nay, chuyện của tôi, như ngài thấy, rất buồn bã, nhưng tôi nghĩ rằng tôi không có đủ sức viết tiếp phần sau còn khốn khổ hơn nhiều. Tôi sợ phải thấy ký ức mình, chính xác đến đâu vào giờ phút này tất cả hành vi của đời tôi - những điều mà than ôi tôi không thể trở lại được! - sắp được ghi trên những tờ giấy kia rõ ràng như ghi trên bảng đen; thật vui - mà cũng thật buồn, Chúa biết rõ! - khi nghĩ rằng nếu một cố gắng tương tự của hồi ức được xúc tiến mấy năm trước, thì bây giờ tôi khỏi phải viết lại trong xà lim; vào giờ này ắt tôi đang ngồi sưởi nắng ngoài sân nhà, xuống suối câu lươn, hoặc vào núi săn thỏ... Ắt tôi sẽ làm một trong những việc đó mà phần lớn người ta vẫn làm nhưng không nghĩ đến; ắt tôi tự do như phần lớn người ta được tự do nhưng cũng không biết; ắt tôi có bao nhiêu năm của đời mình để sống (Chúa biết rõ) như phần lớn người ta có nhưng không biết rằng họ có thể tiêu phí một cách chậm rãi...

Chỗ mới này nơi họ đưa tôi đến khá hơn chỗ cũ; qua cửa sổ, tôi có thể trông thấy một khu vườn nhỏ được chăm sóc kỹ và trau chuốt như một phòng khác; xa hơn nữa, về phía ngọn núi, tôi có thể trông thấy cánh đồng, màu nâu như da người; thỉnh thoảng qua đây là những đoàn la trên đường sang Poóc-tu-gan, là những con lừa nhỏ trên đường về chuồng, là đàn bà con trẻ chỉ đi tới giếng...

Tôi hít thở không khí của tôi, không khí vào xà lim của tôi và không khí từ xà lim thoát ra, vì nó không quan trọng, không khí mà có thể ngày mai hay ngày nào khác một người dốt la đi ngang sẽ hít thở... Tôi trông thấy con bướm nhiều màu sắc bay phấp phới một cách vụng về trên những đóa hướng dương, nó vào xà lim của tôi, bay hai vòng rồi bay ra, vì nó không có

gì quan trọng; có thể cuối cùng con bướm ấy lại đáp xuống chiếc gối của ông quản đốc... Tôi lấy chiếc mũ bo-nê chụp con chuột nhắt đến gặm thức ăn thừa của tôi, tôi ngấm nó, tôi thả nó, vì nó không có gì quan trọng, rồi tôi xem nó chạy thoát nhẹ nhàng như thế nào để chui vào chỗ ẩn trú trong hang, cái hang nơi nó ra để ăn bữa ăn của người lạ vào trong xà lim một thời gian rồi ra đi, thường là xuống địa ngục...

Có lẽ ngài không tin tôi, nhưng những lúc ấy tôi cảm thấy rất buồn bã và lo sợ, khiến cho sự hối hận của tôi cũng gần như sợ hối hận của bậc thánh (tôi dám nói vậy); có lẽ ngài không tin tôi, bởi ngài biết được ở tôi quá nhiều điều xấu và theo đó mà phán xét tôi, tuy nhiên... Tôi vừa nói với ngài như thế, có lẽ chỉ nói để có nói thôi, có lẽ chỉ để hy vọng rằng ngài sẽ thông cảm và tin những gì tôi không dám lấy danh dự ra mà thề vì danh dự tôi không còn nữa... Tôi thấy đắng trong cổ họng khi nghĩ rằng hân tim tôi làm ra nhựa lô hội thay vì làm ra máu; tôi cảm thấy vị đắng ấy lên lên xuống xuống trong ngực tôi; nó để lại một vị chua ở vòm miệng tôi, vị đó thấm vào lưỡi tôi và làm khô nội tạng tôi tựa hồ như nó là hơi thở tang tóc và mốc meo của một hầm mộ...

Tôi đã ngưng viết một thời gian, có thể là hai mươi phút, có thể là một giờ, có thể là hai giờ... Máy người qua lại trên đường - từ cửa sổ tôi thấy rõ họ lắm! Hân họ không biết rằng tôi đang nhìn họ vì họ bước đi tự nhiên làm sao. Có hai người đàn ông một người đàn bà, một đứa bé; dường như họ sung sướng vì được đi trên đường... Hai người đàn ông trạc ba mươi, người đàn bà trẻ hơn một chút, đứa bé không quá sáu tuổi. Nó đi chân đất, chơi đùa vui vẻ như những con dê chạy quanh đàn, mặc chiếc áo cộc ngắn phơi bụng ra ngoài... Nó chạy lon ton mấy bước lên trước, dừng lại, ném đá vào một con chim đang bay ngang... Nó không giống thằng em trai của tôi chút nào, tuy nhiên nó gợi tôi nhớ đến Mario.

Người đàn bà hân là mẹ nó; da chị nâu như tất cả những người khác, và toàn thân chị toát ra một vẻ hân hoan khiến ta khoan khoái khi nhìn chị... Chị khác xa mẹ tôi, tuy nhiên tại sao chị khiến tôi nghĩ đến mẹ tôi!...

Xin ngài thứ lỗi cho tôi, tôi chịu không thể tiếp tục được... Những giọt lệ trào ra mắt tôi. Ngài cũng hiểu như tôi thôi, để nước mắt trào ra như đàn

bà thì không đáng mặt đàn ông.

Tôi sẽ tiếp tục câu chuyện của tôi; chuyện buồn thôi, tôi biết, nhưng dù sao vẫn không buồn bằng tư duy triết lý mà trái tim tôi không chịu đựng nổi; trái tim của tôi, cái máy sản xuất ra máu phọt chảy dưới một con dao...

VII

Quan hệ giữa tôi và Lola sang một bước ngoặt đúng như ngài tưởng tượng; thời gian trôi qua và chưa đầy năm tháng sau đám tang của em trai tôi, tôi lại ngạc nhiên - chuyện đời lại cứ như thế, ngài thấy đấy - bởi cái tin đáng lẽ không làm tôi ngạc nhiên.

Hôm ấy là ngày Thánh Charles, vào ngày mười một. Tôi đến nhà Lola, mấy tháng nay ngày nào tôi cũng đến nhà nàng; như thường lệ, mẹ nàng đã thức dậy đi công chuyện. Tôi thấy cô bạn gái của tôi rất xanh xao, kỳ kỳ mà lát sau tôi mới tự giải thích được; dường như nàng đã khóc lóc, hết sức lo âu vì một nỗi phiền muộn lớn lao... Trước nay, chúng tôi vẫn nói chuyện với nhau không mấy nồng nàn lắm, nhưng ngày hôm ấy chúng tôi cứ ngấp nga ngấp ngừ như để ngưng tiếng gáy khi nghe tiếng bước chân người hay gà gô cất cánh bay khi nghe kẻ lang thang nào đó cất tiếng hát; mỗi lần thử bắt chuyện đều tắt nghẹn trong cổ họng khô khốc của tôi.

Tôi nói:

- Tùy em... Nếu em không muốn nói thì đừng nói.

- Muốn chứ, em muốn nói chứ!

- Vậy thì nói đi... Anh có cản em đâu?

- Anh Pascual!...

- Gì?

- Anh không biết à?

- Không.

- Anh cũng không đoán được gì à?

- Không.

Giờ đây tôi bật cười khi nhớ lại tôi để cả một lúc lâu để đoán ra đó là chuyện gì.

- Anh Pascual!...

- Gì?

- Em có thai!

Trước hết, tôi không hiểu nàng nói gì. Tôi im bật vì hết sức ngạc nhiên; không bao giờ tôi nghĩ đến chuyện nàng vừa báo tôi biết, chuyện hết sức tự nhiên và có thể xảy đến cho tôi; giờ đây, tôi không biết lúc ấy tôi nghĩ gì.

Hai tai tôi nóng bừng, đỏ như than hồng; mắt tôi cay xé như bị xát xà phòng...

Tất cả đều hết sức im lặng, có lẽ trong mười phút. Thái dương tôi giàn giụa, mạch đập nhanh và ngắn; một lúc sau tôi mới nhận ra...

Hơi thở của Lola nghe như tiếng sáo.

- Em có thai à?

- Vâng!

Nàng òa lên nước nỡ. Tôi không thể nghĩ ra điều gì để an ủi nàng.

- Em đừng ngốc như vậy. Có người chết thì có người sinh ra chứ...

Có lẽ ở thế giới dưới kia Chúa sẽ giảm bớt hình phạt cho tôi vì tất cả lòng thương mến của tôi đối với nàng chiều hôm ấy.

- Chuyện đó có gì kỳ lạ đâu? Mẹ em cũng mang thai trước khi sinh ra em..., mẹ anh cũng thế...

Tôi cố hết sức để nói lên đôi điều có ý nghĩa. Đường như Lola biến đổi, đảo lộn.

- Thai nghén là chuyện muôn thuở! Có gì đâu mà em lo buồn?

Tôi nhìn cái bụng của Lola; người ta chưa thấy gì. Nàng đẹp hơn bao giờ hết, mặt nàng mét xanh, mái tóc rối bời. Tôi đến bên hôn lên má nàng; nàng lạnh ngắt như người chết... Lola để tôi hôn, đôi môi thoáng một nụ cười như nụ cười của kẻ tuần đạo thời xưa...

- Em sung sướng chứ?

- Vâng!... Em rất sung sướng!

.....

- Anh yêu em... khi em trong tình trạng này chứ?

- Ừ, anh yêu em, Lola... khi em trong tình trạng này.

Đúng vậy. Lúc bấy giờ, đó là cách tôi yêu nàng... trẻ trung, với một đứa con trong bụng; một đứa con của tôi mà - trong khoảnh khắc ấy - tôi nghĩ rằng tôi có thể nuôi dưỡng, rằng tôi muốn nó được nên người.

- Mình sẽ cưới nhau, em Lola; chỉ cần chuẩn bị giấy tờ... Mình không thể để cứ tiếp tục như vậy...

- Vâng...

Giọng của Lola nghe như gió thoảng.

- Và anh muốn chứng minh với mẹ em rằng anh biết xử sự đáng mặt đàn ông.

- Mẹ biết chuyện này rồi...

- Không, mẹ không biết đâu!

Đến lúc tôi nghĩ đến chuyện ra về, màn đêm đã buông xuống.

- Em gọi mẹ em đi.

- Gọi mẹ em à?

- Ừ.

- Chi vậy?

- Để anh nói.

- Mẹ biết rồi.

- Có thể... Nhưng anh muốn tự mình nói!

Lola đứng lên - dường như nàng to lớn quá! - và ra khỏi phòng. Lúc nàng bước qua cửa bếp, tôi thấy mình thèm muốn nàng hơn bao giờ hết...

Không bao lâu sau, mẹ nàng bước vào.

- Cậu muốn gặp tôi có chuyện gì?

- Thưa chắc bác đã hiểu.

- Cậu có thấy tình cảnh cậu gây ra cho con bé không?

- Thưa tình cảnh này đâu đến nỗi nào.

- Ô! Cậu nghĩ như vậy à?

- Thưa phải! Em Lola đã đến tuổi thành niên.

Người mẹ nín lặng; tôi không bao giờ tưởng rằng bà khoan dung đến thế.

- Cháu xin được thưa chuyện với bác.

- Về vấn đề gì?

- Về con gái của bác. Cháu sẽ cưới Lola...

- Ít ra cũng phải vậy. Cậu quyết định thực sự như vậy chứ?

- Thưa, quyết định thực sự.

- Và cậu đã cân nhắc kỹ rồi chứ?

- Thưa, kỹ.

- Trong một thời gian ngắn ngủi như vậy à?

- Thưa, còn nhiều thời gian.

- Được, cậu chờ một chút; bác sẽ gọi nó.

Bà bước ra ngoài đi một lúc lâu, ắt hai mẹ con bàn tán với nhau. Lúc trở lại, bà nắm tay dẫn Lola.

- Đây: cậu ta muốn cưới con. Còn con, con có ưng cậu ta không?

- Con ưng.

- Pascual là một cậu trai tử tế; mẹ đã biết cậu ta xử sự đúng đắn... Nào, cả hai hôn nhau đi.

- Thưa, chúng con đã hôn nhau.

- Ô này, hôn lại. Nào, để mẹ nhìn thấy.

Tôi lại gần Lola và ôm hôn nàng; tôi hôn nàng thật mạnh, với tất cả sức lực của mình, siết nàng sát vào vai tôi, không để ý sự hiện diện của người mẹ. Tuy nhiên... nụ hôn được cho phép không có mùi vị gì đối với tôi, kém xa những nụ hôn đầu tiên trong nghĩa trang, rất lâu trước kia.

- Con xin phép được nghỉ lại tại đây đêm nay.

- Ừ, cậu cứ ở lại.

- Đừng, anh Pascual, đừng nghỉ lại đêm nay, chưa đâu mà.

- Được mà con, được mà, để nó ở lại. Nó chẳng sắp sửa thành chồng con ư?

Tôi ở lại và qua đêm với nàng...

Sáng tinh mơ hôm sau, tôi đến nhà thờ của xứ đạo; tôi bước vào phòng để đồ thánh.

Cha Don Manuel sắp sửa làm lễ mi-sa cho Don Jésus, bà quản gia của ông ta và hai ba bà cụ khác. Cha ngạc nhiên khi thấy tôi đến.

- Con đến đây à, có chuyện gì thế?

- Vâng, thưa cha, con đến thưa chuyện cùng cha.

- Câu chuyện có lâu không?

- Thưa cha, lâu.

- Con có thể đợi cha làm xong lễ chứ?

- Thưa cha, được. Chuyện con không gấp.

- Vậy thì con chờ cha.

Don Manuel mở cánh cửa phòng để đồ thánh, chỉ cho tôi một chiếc ghế dài, một chiếc ghế như bất cứ chiếc ghế nào ta vẫn gặp trong bất cứ nhà thờ nào, bằng gỗ, không sơn, cứng và lạnh như đá, nhưng lại là nơi đôi khi ta trải qua những khoảnh khắc hết sức tốt đẹp...

- Con ngồi đấy. Khi con thấy Don Jésus quỳ thì con quỳ; và khi thấy ông ta ngồi thì con cũng ngồi...

- Vâng, thưa cha.

Lễ mi-sa này, như lễ mi-sa khác, kéo dài nửa giờ, nhưng đối với tôi nửa giờ này chỉ trôi qua thật nhanh.

Kế đó tôi quay lại phòng để đồ thánh. Cha Don Manuel cởi trang phục.

- Chuyện gì con cứ nói.

- Con... Con muốn kết hôn.

- Ý nghĩ này hay đấy con ạ, ý nghĩ rất hay; vì lẽ đó mà Chúa Trời đã tạo nên người đàn ông và người đàn bà, để cho loài người được trường tồn.

- Vâng, thưa cha.

- Được, được... Con muốn kết hôn với ai vậy? Phải với Lola không?

- Vâng, thưa cha!

- Con nghĩ tới việc này lâu rồi chứ?

- Không, thưa cha, mới hôm qua thôi...

- Chỉ mới hôm qua à?

- Vâng, chỉ hôm qua ạ. Hôm qua cô ấy nói cho con biết chuyện đã xảy đến cho cô ấy.

- Có chuyện gì xảy đến cho cô ấy à?

- Vâng...

- Có thai?

- Vâng, thưa cha. Có thai.

- Như vậy thì, con à, tốt nhất là hai người làm lễ thành hôn với nhau. Chúa sẽ tha thứ hết cho các con, và đối với người đời các con sẽ được quý mến. Đứa con sinh ngoại hôn là tội lỗi, là điều tui nhục. Đứa con sinh ra mà cha mẹ làm lễ thành hôn theo Ki-tô giáo là phúc lành của Chúa ban cho. Ta sẽ lo giấy tờ cho con. Hai người có phải là anh em họ không?

- Thưa cha, không.

- Được vậy càng hay. Trong vòng mười lăm ngày, con hãy đến gặp cha; cha sẽ chuẩn bị tất cả cho con.

- Thưa cha, vâng.

- Bây giờ, con đi đâu?

- Cha cũng hiểu đấy... Con đi làm việc!

- Nhưng trước khi đi làm việc, con hãy xưng tội chứ.

- Vâng...

Tôi xưng tội và sau đó tôi cảm thấy nhẹ nhàng thư thái như được tắm bằng nước nóng.

VIII

Hơn một tháng sau, ngày 12 tháng chạp năm ấy, thứ tư, ngày lễ Đức Mẹ Đồng Trinh xứ Guadalupe, Lola và tôi làm lễ thành hôn, sau khi làm đúng mọi yêu cầu về lễ đạo của nhà thờ.

Tôi lo lắng và trang nghiêm như tôi sợ cái bước mà tôi sắp đi tới - làm lễ thành hôn là một chuyện rất nghiêm trọng! - có những lúc tôi cảm thấy mình suy nhược đến nỗi tôi muốn thoái lui để mặc chuyện ra sao thì ra; tuy nhiên tôi không dám vì tôi ngại như thế sẽ gây ra tai tiếng, và tôi hiểu rằng tốt hơn là cứ im lặng mặc cho sự việc xảy ra; có thể đàn cừ bị dẫn tới lò mổ cũng nghĩ như vậy... Phần tôi, có những lúc tôi muốn phát điên khi tôi nghĩ đến ngày thành hôn gần kề. Có lẽ tôi đánh hơi biết trước điều bất hạnh đang chờ tôi... Ác mỗi tài đánh hơi này không bảo đảm cho tôi rằng liệu tôi có hạnh phúc hơn chẳng nếu tôi vẫn sống độc thân...

Tôi chi tiêu số tiền tiết kiệm tôi đã dành dụm để dùng cho ngày cưới - bởi vì miễn cưỡng lấy vợ là một chuyện còn lấy vợ theo ý mình muốn là chuyện khác - và như thế, dù lễ cưới của tôi không rực rỡ lắm, ít ra nó cũng ồn ào như bất cứ của ai khác. Tôi cho bày trong nhà thờ những đóa hoa mỹ nhân và những bó hương thảo vừa nở; nên trông nhà thờ vui tươi, niềm nở, có thể vì những chiếc ghế dài bằng gỗ linh sam và những phiến đá lát nền không còn lạnh lẽo như trước. Lola mặc chiếc rốp đen vải lanh thượng hạng bó sát thân, mang một tấm mạng đăng ten của bà mẹ đỡ đầu tặng và cầm trên tay những đóa hoa cam; nàng thật duyên dáng và đóng vai trò của mình rất đạt đến nỗi trông nàng như một nữ hoàng, tôi mặc một bộ com-lê xinh xắn màu xanh có sọc đỏ mà tôi mua tận Badajoz, đội một chiếc mũ xa-lanh đen mới diện lần đầu, mang một chiếc khăn quàng lụa quanh cổ và một sợi dây đồng hồ. Trẻ trung và oai vệ, trông chúng tôi rất đẹp đôi, tôi đảm bảo với ngài như vậy!... Hạnh phúc thay thời gian dường như ta còn tin vào hạnh phúc, còn giờ đây tất cả điều đó sao quá xa xôi!...

Người cha đỡ đầu trong lễ cưới của chúng tôi là ông Sebastian, con trai của dược sĩ Don Raimundo, và bà Aurora, em gái của cha xứ Don

Manuel^[5]. Cha Don Manuel ban phúc lành cho chúng tôi, và để chấm dứt giảng cho chúng tôi nghe một bài thuyết giáo, lâu gấp ba cuộc lễ chính thức và chán phèo - có Chúa biết rõ - mà tôi ngỡ rằng bắt buộc phải thế và cố chịu đựng. Cha lại nói với chúng tôi về sự trường tồn của nòi giống, về Giáo hoàng Leon XIII, cha cũng nói về cái gì đó mà tôi không rõ về Thánh Phao-lô với các nô lệ... Chắc chắn rằng cha đã chuẩn bị kỹ lưỡng bài thuyết giảng của mình.

Lễ đạo chấm dứt, tất cả chúng tôi đi thành đoàn trên con đường đến nhà tôi; chúng tôi không có nhiều phương tiện lắm, nhưng với thiện chí bậc nhất trên đời, chúng tôi đã chuẩn bị thức ăn thức uống khá đầy đủ để làm vui lòng tất cả khách mời thậm chí dọn gấp đôi nếu cần. Phụ nữ thì có sô-cô-la với bánh phồng tôm, bánh kẹp với hạnh nhân, bánh quy với mứt vả; đàn ông thì có *manzanilla*^[6] và những đĩa xúc-xích, dồi, ô-liu, cá trích hộp... Giờ đây tôi biết rằng lúc ấy trong xã vẫn có những người phiền trách chúng tôi không dọn cho họ một bữa ăn ra trò với tất cả các món ăn! Để làm vừa lòng họ, chắc chắn tôi cũng không phải chi tiêu thêm, nhưng tôi không chịu vì tôi muốn cho chóng xong để lĩnh đi với vợ tôi. Giờ đây tôi chắc chắn rằng mình đã làm - làm tốt nữa kia - tất cả những gì cần làm, như thế đủ cho tôi rồi; về những lời chỉ trích, tốt hơn đừng để ý.

Sau khi tiếp đãi đàn ông khách mời, và khi có thời cơ, tôi liền dắt vợ, đặt nàng lên mông con ngựa cái mà ông Vicente đã cho tôi mượn dùng trong dịp này, rồi tôi cho nó đi từng bước nhỏ như sợ làm nàng ngã; tôi đến Mérida; lưu lại đây ba ngày, có lẽ là ba ngày hạnh phúc nhất đời tôi... Dọc đường, chúng tôi dừng lại dăm sáu lần, để tay chân đỡ tê, và giờ đây khi nhớ lại, tôi kinh ngạc trước chuyện khủng khiếp là đã hái những đóa hoa cúc bỏ lên đầu nhau. Dường như cặp vợ chồng mới cưới bỗng nhiên tìm lại được sự trong trắng ngây thơ thời thơ ấu...

Cho ngựa chạy nước kiệu nhỏ, đều đều, chúng tôi qua cây cầu xây kiểu rô-manh để vào thánh phố thì gặp rủi ro; con vật nhảy tạt ngang - có lẽ trông thấy dòng sông - đụng thật mạnh vào một bà cụ vừa đi qua, bà cụ suýt bể đầu và ngã chúi xuống dòng Guadiana. Tôi nhanh chóng nhảy xuống

ngựa đến đỡ bà cụ, vì người tử tế ai lại đành bàng quan trước những chuyện như vậy; nhưng khi nhận thấy bà cụ chỉ còn phải một phen sợ hãi thôi, tôi cho bà cụ một rên - để bà cụ im cho - và vỗ vỗ mấy cái trên vai bà cụ rồi trở lại với cô vợ mới cưới của mình. Lola hãy còn cười khanh khách, và nụ cười ấy, ngài hãy tin tôi, làm tôi hết sức khó chịu; hẳn đây là một linh cảm, một kiểu báo trước điều sẽ xảy đến cho nàng. Cười khi kẻ khác gặp điều bất hạnh là không tốt, ngài hãy tin như thế, đó là ý nghĩ của một người hết sức bất hạnh suốt cả đời mình; Chúa không cần gây gộc, không cần gạch đá để trừng phạt kẻ ác vì, như ta biết, kẻ nào dùng gương thì...; vả lại, nếu không có chuyện đó, sống đẹp không bao giờ là thừa cả.

Chúng tôi đến lữ quán Chim Hét thuê một phòng rộng bên phải lối vào, hai ngày đầu chúng tôi mãi yêu nhau không buồn ló mặt ra ngoài. Phòng trọ tốt, rộng rãi, trần nhà thật cao, xà nhà bằng gỗ dễ kiên cố, sàn gạch sạch bóng, có nhiều bàn ghế thật tiện nghi, xài rất khoái. Kỷ niệm về căn phòng ấy theo tôi suốt đời như một người bạn trung thành. Chiếc giường thật sang trọng, suốt đời tôi chưa hề trông thấy, đầu giường bằng gỗ hồ đào chạm trổ, với bốn tấm trải giường bằng len chải! Nằm nghỉ trên đó thật khoái! Còn có một cái tủ com-mốt, cao, bụng phình ra như bậc mệnh phụ phu nhân, bốn ngăn kéo thật sâu, tay nắm vàng chóa, và một tủ áo đựng tới trần nhà, với một tấm gương to tưởng kèm hai cái chóc dài xinh xắn - cùng một loại gỗ với tủ áo - đặt hai bên để làm hình ảnh thêm nổi bật... Cả cái la-va-bô nơi đây - thông thường là món ít được chú ý nhất - cũng rất xinh xắn; những chân tre uốn cong và nhẹ nhàng, chậu rửa bằng sứ trắng, thành chậu vẽ mấy con chim nhỏ khiến nó thêm phần duyên dáng, thiện cảm. Phía trên chiếc giường là một bộ tranh to in thạch bản, bốn màu, diễn tích Chúa Ki-tô đang bị khổ hình, trên tường là một cái trống con có tranh màu của Tháp Giralda ở Sevilla với những nùm tua cái vàng cái đỏ; hai cặp catanhét đóng khung một bức vẽ xiếc La Mã, theo tôi thì rất tài tình vì trông hết sức chính xác. Trên chiếc tủ com-mốt còn một cái đồng hồ quả lắc, gồm một hình cầu nhỏ tượng trưng quả đất đặt trên đôi vai của một người đàn ông trần truồng, và hai cái chum xúr Talavera có hoa văn xanh lơ, hơi cũ, song vẫn bóng ngời khiến chúng khá hấp dẫn. Về ghế dựa, có sáu chiếc; hai có tay; tất cả đều có lưng cao, chân còn vững, mặt ghế bọc nệm nhung màu, ngồi rất thoải mái, tôi rất tiếc khi lên đường, và càng tiếc hơn từ khi tôi đến đây. Tôi vẫn nhớ đến chúng, dù bao năm đã trôi qua!

Vợ tôi và tôi để nhiều thì giờ riêng để hưởng thụ tất cả những thứ thoải mái trên và, như tôi đã nói, ngay từ lúc đầu con đường đó không có nét gì lôi cuốn chúng tôi. Chúng tôi chẳng đang trụ bên trong những tiện nghi mà tất cả những nơi khác của thành phố không thể cung cấp cho chúng tôi ư?

Bất hạnh là điều tệ hại, xin ngài hãy tin tôi. Hạnh phúc của hai ngày ấy kết thúc hết sức hoàn hảo khiến tôi ngạc nhiên...

Ngày thứ ba, một bữa thứ bảy, hấn do thân nhân của bà cụ bảo rằng khi đến đây chúng tôi đã tông trúng bà cụ, chúng tôi phải đối diện với cảnh sát. Hay tin có lính tới, bọn nhóc tụ thành đám trước cửa, hò reo âm ỉ, đến nỗi suốt cả tháng vẫn vang vang bên tai chúng tôi. Hay là mùi nhà lao có thể dậy lên ở bọn trẻ con một sự hung tàn không lành mạnh đó? Chúng ngấm nghĩa chúng tôi như những con thú lạ, mắt chúng sáng rực, miệng nhếch cười độc ác, tựa hồ như chúng đang nhìn người ta cắt họng cừu tại lò mổ (chúng nhúng giày vải để cỏi đan của chúng tôi vào máu của con cừu này), hay những con chó vừa bị xe cán (chúng lấy gậy khều ba con chó xem còn sống không) hay năm con mèo con mới sinh bị chìm trong chậu nước (năm con mèo con mà chúng ném đá, năm con mèo con mà chúng lại lôi lên khỏi nước để xem, để kéo dài cuộc sống một chút - chúng muốn bao điều tệ hại với mấy con vật - để mấy con vật không thoát khỏi cảnh khổ đau quá nhanh...). Lúc đầu, thấy mấy người cảnh sát đến, tôi bối rối đôi chút và dù cố gắng tôi e rằng mình không giữ được bình tĩnh. Một chàng trai khoảng hai mươi lăm tuổi đi theo hai người cảnh sát hấn là đứa cháu của bà cụ, mặt thộn, căng căng - tính chất của thanh niên trong độ tuổi đó; hấn là cứu tinh của tôi. Ngài cũng biết rằng, đối với con người không gì bằng lời nịnh hót và mấy đồng tiền rùng rinh; tôi vừa bảo là hấn dễ thương đồng thời dúi vào tay hấn sáu pơ - đô là hấn lĩnh mất, nhanh hơn chớp và vui hơn nhịp cắttanhét, và tôi chắc chắn rằng cùng lúc, hấn cầu Chúa được thấy bà của hấn bị ngựa đâm nhiều lần nữa. Hấn là tên tò vì lương tri đột ngột của bên nguyên cáo, toàn cảnh sát vuốt ria mét, gãi gãi vào họng, nói về sự nguy hiểm của việc thúc đỉnh ngựa mà không thông báo, rồi bỏ đi ngay không quấy rầy tôi nữa, thật vui.

Vụ thăm hỏi này khiến Lola chết lặng vì sợ hãi, nhưng nàng vốn không nhút nhát dù nhạy cảm, nên cơn lo ngại của nàng qua nhanh, đôi má của nàng lại hồng, tia nhìn của nàng lại sáng, đôi môi của nàng lại nở nụ cười, liền đó nàng trở nên xinh đẹp và dung dung hơn bao giờ hết.

Lúc bấy giờ, tôi còn nhớ rõ, lần đầu tiên tôi mới chú ý đến cái gì đó là lạ trong bụng nàng; và tôi cũng hết sức xúc động và yên tâm tâm lại, dù e sợ, vì tôi bắt đầu lo ngại rằng mình đã không xúc động trước ý nghĩ về đứa con đầu lòng. Bụng nàng đâu thấy gì nhiều, và ắt tôi đã không chú ý nếu không biết nàng có thai...

Chúng tôi mua ở Mérida mấy thứ đặc biệt để dùng trong nhà, nhưng tiền bạc chẳng có nhiều mà trước đó tôi đã hao hụt mất sáu pơ - đô cho thằng cháu của bà cụ, nên tôi quyết định về xã để không phải vét tới những đồng xu cuối cùng. Thắng yên con ngựa cái lần nữa, quàng cho nó đai yên và bộ dây cương chỉ dùng trong những ngày lễ của ông Vicente, tôi cuộn chăn sau cột yên rồi đỡ vợ tôi ngồi trên mông ngựa như lướt đi, và chúng tôi về lại Toreméjia. Vì nhà tôi nằm trên con đường Almendralejo, như ngài đã biết, và vì đi từ Mérida nên chúng tôi phải đi qua hết xã, và buổi chiều hôm ấy, bà con lại thấy chúng tôi về với dáng điệu kiêu hãnh - và nồng nhiệt chào mừng chúng tôi, vì lúc bấy giờ họ rất quý trọng chúng tôi. Tôi dừng lại, nhảy qua đầu ngựa xuống đất để khỏi đá trúng Lola; bè bạn lúc tôi chưa lập gia đình và bạn cùng làm chung vây quanh tôi reo hò; họ công kênh tôi đến tận quán rượu Con Gà Trống của Martinete, và chúng tôi vừa hét vừa đổ xô vào quán; ông chủ quán siết tôi vào bụng, tôi suýt ngất xỉu, phần vì ông ta siết tôi mạnh đến ngạt thở, phần vì hơi rượu ông ta phả ra. Tôi hôn má Lola bảo nàng về trước gặp bạn bè của nàng và chờ tôi; Lola lên đường, ngồi dạng chân trên con ngựa cái xinh xắn, thẳng người và kiêu hãnh như một công nương, hoàn toàn không nghi ngờ rằng con vật sắp gây ra điều bất hạnh đầu tiên của chúng tôi.

Trong quán có một cây ghi ta, nhiều rượu, bầu không khí vui vẻ, tất cả chúng tôi lao vào trận, hết sức phấn khởi, không biết gì đến thế giới bên ngoài. Con của Don Julian là Zacarias bước ra hát điệu xêghidí. Nghe hẳn ca thật thích thú, vì giọng hẳn ngọt ngào như giọng chim oanh, và khi hẳn hát, tất cả chúng tôi đều im bật - ít ra à như thế, trước khi say mềm - và

chúng tôi không lắng nghe mà há hốc mồm; nhưng không bao lâu, rượu vào lời ra, chúng tôi hứng chí, tất cả chúng tôi hát theo; chúng tôi mặc tình rống lên và chúng tôi cũng nói những điều kỳ cục mà chẳng ai phiền trách ai.

Điều quá tệ là chúng tôi không bao giờ biết những trò vui đó sẽ đưa chúng tôi đến đâu, vì nếu biết thì chúng tôi chắc chắn sẽ tránh cho mình những điều phiền lụy; thực vậy, buổi tối ở quán Con Gà Trống đã kết thúc tôi, chẳng tay nào trong bọn chúng tôi biết ngưng đúng lúc, do đó kết quả hết sức lộn xộn. Chuyện xảy ra hết sức đơn giản, đơn giản như bất cứ chuyện gì khác làm phức tạp thêm cuộc sống chúng ta.

Người ta nói rằng cá mắc câu đang miệng và kẻ nào nói nhiều thì sai nhiều còn ngậm mồm thì ruồi chẳng lọt vào trong, và tôi chắc chắn rằng nói như vậy là đúng, vì nếu Zacarias im miệng như kẻ biết điều và đừng xen vào chuyện người khác thì có lẽ hẳn sẽ tránh được một số điều phiền phức và giờ đây hẳn sẽ không tiên đoán với mấy người lối xóm lúc nào trời sẽ mưa do ba cái sẹo trên đầu hẳn báo cho hẳn biết. Rượu không phải là cố vấn tốt...

Giữa lúc chơi đùa ồn ào, Zacaras lại bày ra chuyện khôi hài, cố thuật cho cả bọn chúng tôi nghe một việc đã xảy ra, hoặc cho rằng đã xảy ra - tôi không rõ lắm - về một tay dụ dỗ gái tơ, mà lúc ấy - và cả bây giờ nữa - tôi thề rằng hẳn muốn ám chỉ tôi; tôi không hề dễ bị chạm nọc, nhưng những cú công kích quá thẳng - hay dường như quá thẳng - những cú ta không thể nào chịu đựng được khiến tôi nổi khùng và nhảy dựng lên.

Tôi hỏi hẳn:

- Tao có thấy cái gì khôi hài đâu?

- Ý, Pascual? Mọi người khác đều thấy khôi hài mà.

- Cũng có thể. Nhưng chọc cười bằng cách làm hại người khác thì không phải tay ngon.

- Đừng nổi giận chứ, Pascual; mày biết mà, tao mất ngon giận...

- Và bị nhục mạ mà đùa lại cũng không phải tay ngon.

- Mà muốn nói tao à?

- Không, tao muốn nói mấy tay tổ.

- Lại khéo dọa theo thói anh hùng rơm!

- Dọa à, thật đấy chứ.

- Thật?

- Ừ!

Tôi đứng lên.

- Mà có giỏi bước ra.

- Không cần!

- Mà đùa hả?

Lũ bạn giạt ra, vì có bao giờ đàn ông con trai lại ngăn một cuộc chơi dao...

Tôi mở con dao của mình hết sức cẩn thận; những lúc như vậy mà quá vội vàng, mà sơ suất thì tai hại lắm. Bầu không khí hết sức im ắng, người ta nghe tiếng muỗi đang bay...

Tôi lại thẳng người, tấn lên và không để hấn có thì giờ đứng vào thế, tôi tặng ngay cho hấn ba nhát dao, hấn lão đảo. Lúc người ta đưa hấn đến hiệu thuốc của Don Raimundo, máu hấn vẫn phun như nước suối...

IX

Tôi băng đường về nhà, theo sau là ba bốn thằng bạn thân, khá phiền hà về chuyện vừa xảy ra.

- Thật không may... Đám cưới mới ba ngày.

Chúng tôi bước đi, im lặng, cúi đầu ủ rũ.

- Chính nó muốn gây chuyện; lương tâm tao vẫn trong sáng. Nếu nó im cái mồm có phải hay hơn không?

- Đừng nghĩ tới chuyện đó nữa, Pascual.

- Ô! Tiếc là tao lại nghĩ đến chuyện đó! Giờ thì hết rồi!

Trời rạng sáng, tiếng gà gáy lạnh lót. Đồng nội thoáng hương thạch thảo và húng tây.

- Tao bập nó chỗ nào nhỉ?

- Ở vai.

- Máy nhất?

- Ba.

- Nó có qua khỏi không?

- Có! Tao tin rằng nó sẽ qua khỏi.

- Càng hay.

Ngôi nhà của tôi chưa bao giờ có vẻ xa xôi như đêm ấy...

- Lạnh nhỉ...

- Thế à? Tao không thấy lạnh.

- Người tao đang cóng hết đây.

- Có thể...

Bọn tôi đi ngang nghĩa trang.

- Nằm trong nghĩa trang chắc kinh tởm lắm!

- Kìa! Sao mày lại nói thế? Nghĩ gì mà bậy bạ.

- Vậy mà bậy!

Cây trắc bá như một bóng ma, cao lớn và khô khốc, như đứng gác người chết...

- Thứ đồ ôn dịch, cây trắc bá đó...

- Ừ.

Một con cú mèo, chim báo điềm gở, kêu hú hú một cách bí hiểm trong cây trắc bá.

- Thứ đồ ôn dịch, con chim đó...

- Ừ.

- Đêm nào nó cũng ở đây...

- Ừ, đêm nào nó cũng ở đây.

- Người ta bảo rằng nó ưa đánh bạn với người chết...

- Người ta bảo như vậy.

- Mà sao vậy?

- Không, có sao đâu! Mà biết mà, thần kinh hơi căng một chút thôi.

Tôi nhìn Domingo! Nó tái mét như người sắp chết.

- Mà ồm đấy à?

- Không.

- Mà sợ à?

- Sợ, tao ư? Tao sợ ai mới được chứ?

- Mà không sợ ai cả, ừ, mà không sợ ai cả; mà lại nói như thế à?

Sebastian nhỏ xen vào:

- Này, im đi, cả hai thằng; chúng mà lại định giở ngón kia ra hở?

- Không...

- Còn xa lắm không, Pascual?

- Không xa lắm, sao đấy?

- Không có gì cả...

Dường như có bàn tay bí mật nào đó rình ngôi nhà mang đi càng lúc càng xa.

- Hay mình đi xa quá rồi?

- Không đâu! Nếu đi qua thì phải thấy ánh đèn!

Chúng tôi lại im lặng. Không thể còn xa được...

- Phải ở đây không?

- Phải.

- Mà mày không chịu nói?

- Ừ, nói để làm gì? Mày không biết nhà tao sao?

Tôi ngạc nhiên trước sự im lặng bao trùm ngôi nhà. Theo lệ thường, thế nào mấy bà cô cũng có người ở lại và ngài cũng hiểu như tôi rằng đàn bà con gái mà nói chuyện thì ai cũng nghe tiếng.

- Chắc mọi người ngủ cả rồi.

- Không đâu? Có đèn kìa!

Quả thật, lúc đến gần, chúng tôi trông thấy một ánh đèn.

Bà Engaracia đứng nơi ngưỡng cửa; tôi còn nhớ tiếng nào của bà cũng có hơi gió, nghe như tiếng con cú mèo hú trong cây trắc bá; có lẽ bà ta và con vật cũng giống hệt nhau.

- Bà Engracia đây à?

- Đúng vậy, cháu à, bà đang đợi cháu đây.

- Bà đợi tôi?

- Ừ.

Tôi không thích kiểu nói chuyện bí hiểm đó chút nào.

- Bà để tôi vào!
- Cháu đừng vào!
- Sao vậy?
- Không vào thì tốt hơn!
- Nhưng đây là nhà tôi!
- Bà biết rõ là nhà cháu từ nhiều năm rồi... Nhưng cháu đừng vào.
- Nhưng tại sao tôi lại không vào nhà tôi?
- Không thể vào đâu, cháu à. Vợ cháu đang ốm.
- Ốm à?
- Phải.
- Nhà tôi bệnh gì thế?
- Bệnh gì đâu; con bé bị sảy.
- Nhà tôi sảy thai?
- Phải; con ngựa ném nó xuống đất...

Tôi hoa cả mắt, giận dữ; tôi nổi khùng, tôi không hiểu mô tê gì cả.

- Bây giờ con ngựa đâu rồi?
- Trong chuồng.

Cửa chuồng trông ra sân rất thấp... Tôi phải cúi người chui vào; bên trong, tối đen như mực...

Tôi gọi khẽ:

- Họ nà, họ!

Từ máng cỏ, con ngựa tiến đến; tôi thận trọng rút rao; lúc như vậy mà chệch một bước thì tai hại lắm...

- Họ nà, họ!

Con gà trống lại cất tiếng gáy, chào một ngày mới...

- Họ nà, họ!

Con ngựa tiến đến cuối chuồng. Tôi đến gần; tôi có thể cho nó một phát ngay mông... Con vật đứng yên, cảnh giác và có vẻ bồn chồn...

- Họ nà, họ!

Rồi chuyện nhanh thôi. Tôi lao đến nó và đâm nó; tôi đâm nó ít nhất hai mươi lần.

Da nó cứng lắm; cứng hơn da thằng Zacarios nhiều... Khi tôi ra khỏi chuồng ngựa, cánh tay tôi đau nhức, máu vấy tận khuỷu... Con vật không gãy giữa; nó chỉ thở sâu hơn, nhanh hơn, như lúc ta cho nó chịu đực.

X

Tôi xin thú nhận với ngài một chuyện mà về sau khi bình tĩnh lại tôi nghĩ khác - đó là ý nghĩ rằng Lola đã bị trụy thú trước khi làm lễ thành hôn. Ý nghĩ đã giúp tôi khỏi buồn khổ, lo âu và cay đắng!

Tiếp theo tai nạn không may ấy, tôi nhận thấy mình đầy những ý nghĩ đen tối, và suốt mười hai tháng trời tôi không thể làm gì cả; tôi lang thang trong xã hội như người điên. Rồi Lola lại mang thai, và tôi vui vẻ tìm thấy lại những e sợ, lo lắng của lần đầu; thời gian trôi qua chậm hơn ý tôi muốn nhiều, còn tôi thì để cho nỗi âu sầu của tôi theo mình khắp nơi như chiếc bóng.

Tôi trở nên dễ giận và man dại, sợ sệt và buồn bã; thế mà mẹ tôi và vợ tôi đều không thông cảm nên lúc nào chúng tôi cũng sẵn sàng nổ ra tranh cãi. Sự căng thẳng ấy gặm nhấm chúng tôi, nhưng dường như chúng tôi vui vẻ nuôi dưỡng nó; bất cứ chuyện gì chúng tôi cũng cho là ám chỉ nhau, bất cứ làm gì cũng là có ác ý, và nói gì cũng có ngụ ý hiểu ngầm... Ngài không thể tưởng tượng được rằng những ngày tháng ấy khủng khiếp với chúng tôi đến thế nào đâu!

Tôi quẫn trí với ý nghĩ rằng vợ tôi có thể sảy thai lần thứ nhì; bè bạn cho tôi là kỳ cục, còn con Tia Chóp, lúc ấy con chó cái này còn sống, cũng không có vẻ quyến luyến tôi như trước kia.

Tôi nói với nó như thường lệ:

- Màý có sao không?

Nó nhìn tôi như van nài, ngoắc đuôi thật nhanh, hầu như rên rỉ, đôi mắt nó xé nát lòng tôi. Nó cũng mất đám con, đám con này chết trong bụng nó... Có lẽ nó đã hiểu trong sự ngây thơ của mình rằng nỗi bất hạnh của nó đã khiến tôi hết sức đau xót! Ba con chó con chết lúc mới sinh ra; cả ba giống hệt nhau, lông nhầy, màu xám, ghẻ lở như chuột. Nó bới trong bụi cục

bắt tử một lỗ để vui con. Khi vào núi săn thỏ, tôi và nó dừng lại một lúc để thở; nó chạy đến hang thỏ đánh hơi, với vẻ khốn khổ của những con thú cái không con.

Lola có thai được tám tháng, mọi điều đều trôi chảy; nhờ ở lời bảo ban của bà Engracia, mọi việc đều ổn thỏa; bao nhiêu thời gian đã trôi qua, từ đây thời gian chờ đợi ắt sẽ ngắn ngủi và tất cả những sự việc nói với tôi rằng bây giờ không cần phải lo âu; tuy nhiên, tôi rất lo âu, rất bồn chồn...

Vào thời gian mà bà Engracia đã chỉ định và tựa hồ như Lola là một cái đồng hồ rất chính xác, đứa con sau của tôi - đúng ra là đứa con đầu tiên của tôi - chào đời dễ dàng và với một niềm hạnh phúc mà tôi rất ngạc nhiên, và trên chậu nước rửa tội, thằng bé được đặt tên Pascual như cha nó. Tôi muốn đặt tên nó là Eduardo vì nó sinh nhằm ngày vị thánh này và đó là tập quán miền quê; nhưng vợ tôi, lúc bấy giờ đáng yêu hơn bao giờ hết, cứ nài nỉ đặt tên con theo tên tôi, mà tôi thì lúc đó vui vẻ hết sức nên thuận theo dễ dàng. Giờ đây, điều đó dường như dối láo, nhưng tôi chắc chắn rằng bấy giờ tình yêu của vợ tôi đem đến cho tôi cảm giác hết như đôi giày ống mới đem đến cho đứa trẻ; tôi hết sức sung sướng, xin thề với ngài như thế.

Về phần nàng, vốn bản chất mạnh mẽ, cứng cáp, hai ngày sau khi sinh, nàng tươi trẻ trở lại như không việc gì xảy ra. Cảnh nàng sổ tóc quanh đôi vai trần cho đứa bé bú tạo nên một trong những cảnh đẹp nhất mà tôi trông thấy; chỉ cảnh ấy thôi cũng đủ đền bù cho tôi tất cả những lúc tồi tệ đã qua...

Tôi ngồi nhiều giờ liền ở chân giường nàng - Lola nói khẽ với tôi, như xấu hổ:

- Em đã tặng anh một đứa con...

- Ừ.

- Và bụ chứ...

- Tạ ơn Chúa.

- Bây giờ mình phải trông nom nó.
- Ừ, bây giờ mình phải trông nom nó.
- Coi chừng lộn...

Ký ức về thằng em tội nghiệp của tôi vẫn đeo đẳng tôi; nhớ con gặp phải điều chẳng lành như Mario, ắt tôi phải bóp mũi nó để nó khỏi phải đau khổ...

- Ừ, coi chừng lộn...
- Và coi chừng bệnh sốt...
- Ừ...
- Coi chừng nó bị say nắng...
- Ừ, coi chừng nó bị say nắng nữa.

Nghĩ đến mớ xương thịt mềm mại kia là thằng bé nhà tôi lại có thể chuốc lấy bao hiểm họa như thế khiến tôi sờn da gà.

- Mình sẽ tiêm chủng cho nó.
- Để nó lớn một chút nữa...
- Mình phải mua giày cho nó, để nó khỏi đứt chân.
- Khi nó lên bảy, mình sẽ gửi nó vào trường...
- Và anh sẽ dạy nó đi săn...

Lola mỉm cười, nàng hạnh phúc biết mấy? Tôi cũng cảm thấy hạnh phúc
- việc gì phải giấu giếm? - khi trông thấy nàng quá đẹp như thế, bé con

trong tay hệt Đức Mẹ Maria.

- Mình sẽ nuôi dạy con nên người!

Cả hai chúng tôi quả chẳng ngờ rằng Chúa - đáng định đoạt tất cả mọi điều trên vũ trụ - đã giật nó khỏi chúng tôi! Đứa bé đã là niềm vui, là tất cả tài sản, là toàn bộ cơ đồ của chúng tôi, chúng tôi sắp mất nó ngay trước khi chúng tôi kịp dẫn dắt nó vào đời. Huyền bí làm sao, những người chúng ta yêu thương lại xa chúng ta khi chúng ta cần họ nhất!

Không biết tại sao tất cả niềm vui của tôi khi ngắm nhìn đứa bé đều bị xói mòn bởi một sự lo âu. Tôi luôn luôn chú ý từng li từng tí đến điều bất hạnh - tôi không rõ đó là tốt hay xấu cho tôi -; và như tất cả những linh cảm khác, linh cảm này được xác định với thời gian như để tăng thêm sự bất hạnh của tôi, sự bất hạnh không bao giờ ngừng tăng thêm.

Vợ tôi tiếp tục trò chuyện với tôi về đứa con.

- Nó mạnh lắm... Trông như búp bê ấy.

Và cái việc nói đi nói lại mãi về thằng bé dần dần khiến tôi thấy nó đáng ghét; nó sắp xa lìa chúng tôi, làm chúng tôi chìm đắm trong nỗi tuyệt vọng kinh hoàng nhất, bỏ chúng tôi ra đi như những ngôi nhà hoang phế mặc cho bụi rậm, tầm ma, ếch nhái và thằn lằn xâm chiếm; và tôi biết chuyện đó, tôi chắc chắn như thế, tôi bị ám ảnh bởi điều không thể tránh né được, không chóng thì chầy, bởi vì điều ấy sẽ phải xảy ra; điều khẳng định là không thể xóa bỏ điều bất hạnh đè nặng tôi.

Đôi lúc, tôi ngắm nhìn Pascualillo như kẻ mất hồn và liền đó tôi nói với nó:

- Pascual con ơi...

Nó nhìn tôi, đôi mắt tròn xoe, và nó nở nụ cười.

Vợ tôi lại nói với tôi:

- Thằng bé chòi khá đấy anh nhỉ!
- Ủ, em nhỉ... Miễn là nó cứ tiếp tục như vậy!
- Sao anh lại nói thế?
- Chẳng sao cả. Trẻ con vốn hết sức mong manh!...
- Ô! Anh đừng có ý nghĩ đen tối như thế.
- Không, không phải ý nghĩ đen tối... Phải đề phòng!
- Vâng.
- Tránh đừng để con bị cảm lạnh.
- Vâng!... Nó cảm lạnh thì chết được đấy!
- Trẻ con cảm lạnh thì có thể chết đấy.
- Khi gặp luồng gió độc...

Cuộc đối thoại tàn dần, như chim chóc, như bông hoa, với sự dịu dàng và chậm chạp mà trẻ con bắt đầu chết, những đứa trẻ gặp phải một cơn gió độc, ác hiểm.

- Em sợ, anh Pascual.
- Sợ gì?
- Nhỡ mất nó!
- Em sao nghĩ vậy bạ quá!
- Ở tuổi chúng, trẻ con yếu ớt lắm!...

- Con mình bị lắm, da dẻ hồng hào, miệng lúc nào cũng cười.

- Đúng vậy, anh. Em điên lên mất!

Và nàng bật cười, xiết chặt đứa bé vào lòng.

- Này em!

- Gì đấy anh?

- Con trai chị Carmen chết vì bệnh gì vậy?

- Việc gì đến anh mà hỏi?

- Chẳng việc gì cả! Chỉ để biết...

- Chắc bị cúm.

- Bị gió độc à?

- Đường như vậy.

- Tội nghiệp chị Carmen, có được thằng bé chị ấy vui sướng lắm! Chị ấy bảo mặt nó như mặt tiểu thiên sứ, hết cha nó, em nhớ không?

- Dạ nhớ...

- Kẻ nào càng nuôi ảo tưởng thì càng nhanh chóng bị mất...

- Vâng.

- Đáng lẽ người ta phải biết trước thời gian mà họ giữ được con họ, điều ấy lẽ ra phải được ghi trên trán chúng...

- Im đi anh!

- Sao thế?

- Im đi anh!

Một nhát thuổng bổ lên đầu tôi cũng chưa làm tôi choáng váng bằng lời lẽ của Lola.

- Anh có nghe không?

- Gì?

- Cánh cửa sổ.

- Cánh cửa sổ à?

- Vâng, cửa sổ rít kèn kẹt, dường như gió muốn mở cửa...

Tiếng rít của cánh cửa sổ bị gió lay nghe

- Con ngủ rồi à?

- Vâng.

- Dường như nó đang mở.

- Em không nghe.

- Nó khóc như nó đang khó chịu...

- Anh cứ nghĩ vớ vẩn!

- Cầu xin Chúa được như em tưởng! Tuy nhiên anh khẳng định rằng mình đúng.

Trong phòng, tiếng rên của thằng bé giống như tiếng thông reo trong gió.

- Con khóc!...

Lola chạy xem thằng bé có chuyện gì. Tôi ở lại trong bếp hút một điếu thuốc lá, như mỗi khi chuyện không may xảy ra tôi vẫn hút.

....

Nó chỉ sống thêm một vài ngày. Khi chúng tôi trả nó lại vào lòng đất, thằng bé được mười một tháng; mười một tháng của cuộc đời và của những chăm sóc mà một cơn gió độc, tai ác biến thành số không...

XI

Biết đâu Chúa chẳng trừng phạt tôi về tất cả những tội lỗi tôi đã phạm và tất cả những tội lỗi tôi sắp gây nên? Biết đâu trong Sổ Thiên đình chẳng chép rằng bất hạnh là con đường duy nhất của tôi, lỗi mòn duy nhất mà những ngày buồn bã của tôi phải qua!...

Ngài hãy tin tôi, không ai quen với điều bất hạnh, chúng ta luôn luôn có ảo tưởng rằng cái không may hiện tại là cái chót, rồi, với thời gian, cuối cùng ta hiểu - buồn bã biết mấy! - rằng ta phải còn chịu điều tệ hơn. Giờ đây tôi nghĩ đến việc Lola hư thai và những nhát dao tôi đâm Zacarias đã đè nặng lên tôi lúc bấy giờ, nên tôi đã tưởng rằng lúc ấy tôi suy yếu đi bởi vì tôi không nghi ngờ những gì phải xảy ra tiếp theo.

Ba người đàn bà vây lấy tôi lúc thằng bé Pascual bỏ chúng tôi mà đi; ba người đàn bà gần gũi với tôi nhưng đôi khi tôi cảm thấy họ xa lạ như kẻ không quen đi qua đường, cũng xa cách như những người khác trên đời; trong ba người này, xin ngài hãy tin tôi, không người nào bằng tình cảm hay sự ân cần của mình giảm nhẹ sự mất mát của thằng bé; ngược lại, dường như họ liên minh với nhau để làm cho đời tôi thêm cay đắng. Ba người đàn bà ấy là vợ tôi, mẹ tôi và em gái tôi.

Ai ngờ được chuyện đó? Tôi trông cậy vào sự có mặt của họ biết bao!

Phụ nữ như chim giẻ, khó chịu và độc ác... Lúc nào họ cũng nói:

- Vị tiểu thiên sứ mà một cơn gió độc đã mang đi!...

- Về chốn âm phủ, giạt khỏi chúng ta!...

- Thằng bé là ánh thái dương thật sự!

- Và lúc lâm chung!

- Và nó thở hổn hển trong những cánh tay tôi!

Nghe như bài kinh cầu nguyện, uể oải và nặng nề như những điệu say sưa, chậm chạp và buồn chán như bước đi của một con lừa.

Và cứ thế, ngày nối ngày, tuần qua tuần... Thật là kinh khủng; một hình phạt chốn Thiên đình, đúng vậy, một sự nguyên rửa của Chúa!...

Tôi tự kiểm chế.

Tôi nghĩ: “Vì yêu thằng bé nên họ hóa ra độc ác mà họ không biết...”

Và tôi cố không nghe, quên bẵng họ hoàn toàn, đứng dưng nhìn họ như những bóng ma, xem nhẹ lời lẽ của họ... Tôi để cho nỗi buồn phiền của mình tàn tạ với thời gian như những đóa hoa hông bị cắt, gói ghém sự im lặng của tôi như của bấu để đau khổ càng ít càng tốt. Tất cả là ảo tưởng vô ích! Nhờ ảo tưởng này, càng ngày càng khiến tôi ngạc nhiên hơn về hạnh phúc của những người sinh ra để được đi trên những con đường dễ dãi. Tại sao Chúa lại để những ảo tưởng ấy khiến tâm trí tôi điêu đứng?

Tôi sợ lúc mặt trời lặn như sợ bệnh đại và hỏa hoạn; hành động đau khổ nhất của tôi là thấp đèn ở nhà bếp vào khoảng bảy giờ tối. Tất cả những cái bóng gợi tôi nhớ đến thằng bé đã chết, tất cả những ánh đèn khi mờ khi tỏ, tất cả những âm thanh của đêm tối, những âm thanh rất khó vang trong tôi tựa hồ những nhát búa nện xuống đe...

Ba người đàn bà đang ở đây, mặc đồ tang đen tuyền như lũ quạ, lặng im như những người chết; ghê tởm và nghiêm khắc như nhân viên hải quan. Thỉnh thoảng tôi trò chuyện với họ để xua tan băng giá.

- Thời tiết này xấu quá!

- Vâng...

Rồi chúng tôi lại rơi vào im lặng.

Tôi lại bắt chuyện:

- Người ta bảo ông Grégorio không muốn bán con lừa cái nữa... Chắc ông ta cần nó.

- Vâng...

- Các người vừa mới ra sông đấy à?

- Không...

- Hay ra nghĩa trang?

- Cũng không nốt...

Không cách gì lôi họ ra khỏi nguồn cơn ấy. Tôi chưa bao giờ và sẽ không bao giờ tỏ ra nhẫn nại với ai như đối với họ. Tôi ra về không thấy họ kỳ cục để không thúc đẩy nhanh sự đoạn tuyệt sẽ xảy ra, một điều không thể tránh như bệnh tật hay hỏa hoạn, như bình minh, như cái chết; bởi vì không ai có thể ngăn cản điều ấy nổi.

Bi kịch đến với con người vào lúc ta không ngờ được, gần như sê lén; và bỗng chốc chúng ta cảm thấy bi kịch làm chúng ta thật đau, như bị bò cạp chích...

Tôi có thể vẽ đúng họ, tựa hồ như vẫn trông thấy họ, với những nụ cười cay đắng của họ, nụ cười hiểm độc của những phụ nữ đã lạnh giá, với cái nhìn xa xôi trong đôi mắt. Những giây phút đó trôi qua một cách độc ác, những lời lẽ đó nghe như lời lẽ của những hồn ma bóng quế...

- Giờ đây đêm đã xuống.

- Chúng tôi thấy rõ...

Con cú mèo hắt đang ở trên cây trắc bá.

- Đêm đó cũng như đêm nay.

- Vâng.

- Muộn hơn một chút...

- Vâng.

- Lúc ấy cơn gió độc còn thổi bên ngoài...

- ...

- Mất hút trong rừng ô-liu...

- Vâng.

Sự im lặng lại tràn ngập căn phòng như dư âm của tiếng chuông.

- Lúc này ngọn gió ấy đến đâu rồi nhỉ?

- ...

- Ngọn gió độc ấy?

Một lúc sau Lola mới trả lời:

- Em không biết.

- Đã ra đến biển cũng nên!

- Đồng thời quật ngã bọn trẻ con...

Một cơn sấm sét cũng không như vợ tôi lúc ấy.

- Sao phụ nữ lại phải nứt như quả lựu thế kia!... Sinh con để rồi gió lại mang con cái của ta đi. Phần thưởng tốt đẹp nhỉ!...

- Cầu xin nước nhỏ từng giọt xuống vũng có thể nhấn chìm ngọn gió độc ác kia!...

XII

- Tôi ốm lắm khi nhìn thân xác anh!

- ...

- Nhìn cái bị thối đàn ông của anh không chịu nổi thời tiết!

- ...

- Không chịu nổi mùa hè nóng bức!

- ...

- Không chịu nổi tháng chạp lạnh lẽo!

- ...

- Phải chăng vì thế mà vú tôi rắn như đá!

- ...

- Đàn ông như mày chẳng dùng được vào việc gì cả...

- Dùng được vào tất cả mọi việc chứ!

Bà không hiểu; mẹ tôi không hiểu. Bà nhìn tôi chăm chăm, bà nói với tôi... Chao ôi! Giá mà bà đừng nhìn tôi chăm chăm!

- Mày thấy lũ sói đang chạy trong núi, con đại bàng đang bay tới mây cao, con rắn độc đang chờ đợi dưới những tảng đá chứ?

- ...

- Này! Đàn ông còn tệ hơn tất cả những con thú ấy gồm lại!

- Vì sao bà nói với tôi như vậy?

- Chẳng vì sao cả!...

Tôi định nói: “Vì tôi sẽ giết bà chứ gì!...”, nhưng lưỡi tôi như lú lại...

....

Và tôi ở lại một mình với em gái tôi, đưa em gái tôi nghiệp vô phúc của tôi mà mấy người phụ nữ đứng đảnh không muốn ngó ngang đến...

- Em có nghe chứ?

- Có.

- Không bao giờ anh tin rằng có thể như vậy!

- Em cũng không...

- Không bao giờ anh nghĩ rằng anh cũng bị Trời Đất nguyên rủa.

- Anh không như vậy đâu...

Gió nổi lên trên núi, cơn gió độc ấy thổi qua rừng ô-liu để ra biển đông thời quật ngã những trẻ con... Cơn gió ấy rên rỉ ngoài cửa sổ.

Rosario sắp khóc.

- Tại sao anh nói rằng anh là kẻ bị nguyên rủa?

- Không phải anh nói thế.

-...

- Hai người đàn bà kia...

Ngọn đèn phụt lên rồi chao xuống như hít thở; nhà bếp bốc mùi axêtyl, một mùi cay cay dễ chịu thấm đến thần kinh, kích thích da thịt, thứ da thịt tội nghiệp bị nguyên rửa của tôi lúc bấy giờ cần được kích thích biết mấy.

Em gái tôi trông rất xanh; cuộc đời của nó ghi dấu rõ rệt dưới quầng mắt nó. Tôi rất thương nó, cũng như nó rất thương tôi.

- Em Rosario...

- Anh Pascual...

- Trước mắt chúng ta là một thời gian buồn bã!

- Rồi đâu sẽ lại vào đây!

- Cầu xin Chúa ban cho như thế!

Mẹ tôi lại xen vào:

- Tao thấy không được tốt vậy đâu!

Còn vợ tôi, độc ác như rắn, mỉm cười tinh quái:

- Chờ đến Chúa định đoạt đâu vào đây thì thật buồn!

Chúa ở xa quá, Người nhìn xuống như đại bàng; không chi tiết nào thoát khỏi Người.

- Và giá Chúa định đoạt!

- Người không thích chúng ta được như thế đâu.

...

Người ta giết người mà không suy nghĩ, kinh nghiệm cho tôi biết điều đó; thậm chí đôi khi cũng không muốn giết. Người ta thù ghét, thù ghét vô cùng, một cách hung bạo, rồi mở dao ra; con dao trong tay, đi chân không, người ta đến gần chiếc giường nơi kẻ thù đang ngủ. Trời về đêm, nhưng ánh trăng lọt qua cửa sổ; người ta thấy rất rõ. Trên giường, người chết đang nằm dài, người sắp là người chết. Người ta nhìn hấn, người ta lắng nghe hấn thở; hấn không cử động, tựa hồ như không gì sắp xảy ra. Gian phòng cũ kĩ bàn ghế rít kèn kẹt có thể sẽ đánh thức người đang ngủ, nhưng điều này chỉ khiến hấn bị nhanh. Người đang ngủ hơi tung chăn, trở mình; hấn vẫn ngủ. Thân hấn quá to; tiếng chăn có thể gây ảo tưởng đó. Người ta thận trọng đến gần; người ta giơ tay sờ nhẹ thân hấn. Hấn vẫn ngủ, ngủ say hấn hấn không thấy gì...

Nhưng người ta không thích giết người như thế, như kẻ sát nhân. Người ta định bước lui, trở lại quãng đường vừa đi qua. Không, không thể như vậy được. Tất cả đã được suy nghĩ kỹ; một phút, chỉ một phút thôi và sau đó...

Cũng không thể bước lui. Ngày mới sẽ rạng; và với ánh bình minh người ta không thể chịu nổi ánh mắt đó, ánh mắt nhìn chăm chăm vào ta không ngừng vục gì.

Phải bỏ trốn, trốn xa làng xã, đi đến bất cứ nơi nào không ai biết ta, nơi ta có thể bắt đầu nuôi những hận thù mới. Cần nhiều năm, hận thù mới đâm chồi bén rễ; bấy giờ ta không còn trẻ trung nữa, và, khi hận thù lại lớn lên và làm ta ngọt ngào, thì chính cuộc đời của ta sẽ ra đi. Con tim không còn nọc độc nữa, và những cánh tay này không còn sức nữa, sẽ buông xuống...

XIII

Đã gần một tháng nay tôi ngưng viết lách; nằm dài trên tấm đệm rơm, tôi nhìn giờ giấc trôi qua, những giờ khi thì dường như mọc cánh bay đi, khi thì lại rũ liệt, tôi để mặc cho trí tưởng tượng tự do biểu lộ, vì đó là sự tự do duy nhất của tôi, tôi ngắm nhìn những kẻ nứt trên trần để tìm nơi đó những hình ảnh, và đằng đằng suốt tháng nay, tôi đã vui hưởng cuộc đời theo cách của mình như chưa bao giờ vui hưởng trong những năm trước, dù hết sức lo lắng và e ngại...

Sự yên bình trong những linh hồn tội lỗi có tác dụng như nước trên những vùng đất hoang, nó làm cho sa mạc thành phì nhiêu và khiến cho đất bỏ hoang đơm bông kết trái. Tôi nói điều này vì tôi chờ đợi đã lâu, lâu hơn cần thiết, để nghiệm thấy rằng sự thanh thản là một ân huệ Trời ban, ân huệ quý báu nhất mà ta có thể chờ đợi, ta - những kẻ khốn khổ và những kẻ truân chuyên; giờ đây tôi hiểu điều đó, tôi có được sự bình yên, tôi yêu sự bình yên ấy, và tôi tận dụng sự bình yên ấy bằng nhiệt tình và sự vui sướng mà tôi rất sợ sẽ hủy hoại nó trước giờ hành quyết, dù thời gian ít ỏi mà tôi còn sống. Giá tôi biết được sự bình yên đó những năm trước, nhiệt tình của tôi hẳn đã xui tôi trở thành kẻ tu hành, ít ra phải như vậy; tôi được trông thấy vô vàn ánh sáng trong đó, vô vàn hạnh phúc đến nỗi chắc chắn nó sẽ thôi miên tôi, lúc bấy giờ như hôm nay. Chúa đã không muốn điều đó và giờ đây tôi ở trong nhà lao với cái án tử hình lơ lửng trên đầu. Tôi không biết liệu án này được thi hành ngay hay thời gian chờ chết này kéo dài thì tốt hơn, nhưng tôi có thể nói rằng những ngày tàn này rất thân thương đối với tôi, có thể thân thương hơn một cuộc sống êm đềm. Ngài hẳn hiểu rất rõ những ý nghĩ tôi muốn nói.

Suốt cả tháng dài suy nghĩ này, tôi đã cảm nhận tất cả; nỗi buồn và niềm vui, sự hạnh phúc và sự cô chiếc tuyệt vọng, lòng tin, cơn điên, sự tuyệt vọng... Lạy Chúa, Ngài đã chọn thứ nhục thể yếu ớt để thử nghiệm! Tôi run rẩy như lên cơn sốt mỗi khi một tâm trạng này thay cho một tâm trạng khác, và mắt tôi trào những giọt lệ sơ sệt. Suốt ba mươi ngày là một thời gian dài để nghĩ đến chỉ một điều, để tập trung những hồi hận sâu đậm nhất, bị ám

ảnh bởi ý nghĩ rằng tất cả cái xấu đã qua sẽ đưa chúng ta đến địa ngục... Tôi thèm được thành một ẩn sĩ với gương mặt hết sức phúc hậu, thành một cánh chim trên trời cao, thành một con cá nơi biển cả, và thậm chí thành con sâu cái kiến chui rúc trong bụi rậm, vì lương tâm tất cả đều bình yên. Xấu xa biết mấy một quá khứ chất chồng tội lỗi!

Tôi đã xưng tội hôm qua, chính tôi đã yêu cầu linh mục đến. Đó là một vị cha sở già, không một cọng râu, cha Santiago Luruena, nhân từ, biết thương hại, từ thiện, nghèo mạt.

Người là cha tuyên úy vẫn làm lễ mi-sa ngày chủ nhật cho khoảng một trăm tên sát nhân, nửa tá lính gác cùng bốn nữ tu sĩ.

Tôi đứng lên để tiếp ông.

- Xin chào cha.

- Chào con của ta; dường như con muốn gặp cha thì phải?

- Vâng, thưa cha, con đã yêu cầu cha đến.

Cha đến gần và hôn trán tôi. Nhiều năm rồi không ai hôn tôi nữa.

- Con muốn xưng tội?

- Vâng, thưa cha.

- Con làm cha rất vui sướng.

- Con cũng vui sướng.

- Chúa tha thứ tất cả tội lỗi của chúng ta; Chúa rất quảng đại...

- Vâng, thưa cha.

- Và Ngài sung sướng thấy con chiêm lạc quay về.

- Vâng, thưa cha.

- Thấy đứa con đi hoang trở về ngôi nhà tổ phụ.

Cha thương mến cầm tay tôi đặt trên tấm áo chùng của mình và nhìn chăm chăm vào mắt tôi, như cố làm tôi hiểu cha.

- Đức tin là ánh sáng dẫn dắt linh hồn ta xuyên qua những tăm tối của cuộc đời.

- Vâng.

- Là thần dược cho những tâm hồn thương đau...

Cha Santiago xúc động; tiếng cha run run như tiếng của một trẻ thơ rụt rè. Cha tươi cười nhìn tôi, một nụ cười dịu hiền như nụ cười của một vị thánh.

- Con có biết xưng tội là gì không?

Tôi sợ phải trả lời. Nhưng tôi phải thú nhận, giọng thật khẽ;

- Con không biết rõ lắm.

- Không sao đâu con, có ai mới sinh ra mà biết đâu.

Cha giải thích cho tôi nghe những điều mà tôi không hiểu rõ lắm; tuy nhiên những điều ấy nghe như chân lí và hẳn là chân lí. Cha và tôi trò chuyện trong một lúc lâu, gần suốt buổi chiều; khi chúng tôi hàn huyên xong, mặt trời đã khuất sau đường chân trời...

- Con hãy dọn mình đón nhận sự tha thứ, sự khoan dung mà ta ban cho con nhân danh Chúa của chúng ta... Con hãy cầu nguyện cùng ta...

Khi cha Santiago ban phúc lành cho tôi, tôi phải cố gắng phi thường để xua đuổi khỏi đầu óc mình những ý nghĩ ác hại; tôi xin thề với ngài tôi đã cố hết mình để nhận phúc lành ấy một cách tốt đẹp. Tôi cảm thấy rất xấu hổ, hết sức xấu hổ, nhưng không xấu hổ như tôi đã chờ đợi.

Suốt đêm qua tôi không thể nhắm mắt, và giờ đây tôi mệt mỏi, đau nhức mình mẩy như bị đánh đập. Tuy nhiên đây là tất cả những tờ giấy mà tôi đã xin ông quản đốc; tôi sắp nguệch ngoạc vào đấy, vì khi tôi không tìm được phương thuốc khác để chữa nỗi âu sầu của mình, tôi sắp bắt đầu trở lại câu chuyện, nối lại câu chuyện, đưa những hồi kí của tôi đến đoạn kết. Chỉ còn chờ xem liệu tôi có nghị lực cần thiết không. Đôi khi tôi nghĩ rằng các biến cố có thể đến nhanh, câu chuyện của tôi đành dang dở nửa chừng, và tôi cảm thấy lòng mình se thắt, điều đó giục giã tôi viết nhanh và tôi phải cố gắng tự chủ. Thực vậy, cần gì phải hối hả? Ngay khi tôi viết chậm với ý thức rõ ràng, câu chuyện còn không rõ lắm; nếu tôi viết liền một mạch, câu chuyện sẽ ra sao? Trường hợp này, câu chuyện sẽ rời bời, rời rạc mà người cha đẻ nó là tôi cũng không nhận ra đứa con của mình. Kí ức đóng một vai trò quan trọng, nhưng trường hợp này thì phải rất dè dặt; vì chỉ cần trình bày sự kiện lộn xộn một chút là tất cả sẽ đi tong, lúc ấy không thể sửa chữa gì, chỉ có thể xé bỏ tất cả, điều tôi hết sức tránh vì không bao giờ viết lại lần thứ nhì lại tốt bằng lần thứ nhất. Có thể ngài cho rằng những bận tâm nói rõ những điều phụ thuộc của tôi là kiêu kỳ trong khi những điều quan trọng nhất lại quá tệ; có thể ngài sẽ mỉm cười khi thấy tôi tự hào khi rề rà kể về tôi, khi bất cứ người có học nào cũng làm điều đó rất tự nhiên và hết sức dễ dàng; tuy nhiên ngài sẽ thông cảm cho tôi khi xét rằng sự cố gắng của tôi trong việc viết gần liên tục suốt bốn tháng qua là chưa từng có trong đời tôi.

Sự việc không bao giờ giống như chúng ta tưởng tượng lúc đầu; đôi khi chúng ta chỉ cần nhìn gần hơn, khởi sự bắt tay vào là khám phá những sắc thái kỳ lạ, chưa biết, khiến chúng ta mất hẳn cả những kí ức của ý nghĩ ban đầu điều này giống như những gương mặt hay những thành thị người ta tưởng tượng ra trước khi được biết, chúng ta hình dung chúng như thế này như thế kia, những hình dáng tưởng tượng sẽ bị xóa thật nhanh khi tiếp xúc với hiện thực. Điều đó giống hệt những tờ giấy này; tôi đã ngỡ rằng trong tám ngày sẽ giải quyết xong, thế mà hôm nay - sau một trăm hai mươi ngày - tôi bật cười khi nghĩ đến sự ngây thơ của mình.

Tôi không tin rằng kể lại những tội ác mình đang ăn năn hối hận là tội lỗi. Cha Santiago đã cho phép tôi làm việc này nếu tôi tìm thấy ở nó niềm an ủi; vì tôi tìm thấy như vậy và vì cha phải biết rõ cha nghĩ gì khi nói về những điều ấy để tôi không thấy rằng Chúa bị lãng mạ nếu tôi tiếp tục. Đôi khi tôi đau khổ khi kể lại chi tiết của những sự kiện, dù quan trọng hay không, của cuộc đời buồn bã của tôi; bù lại, có những lúc tôi cảm thấy niềm vui lành mạnh nhất khi thuật lại quá khứ của mình - dường như tôi trông thấy quá khứ lùi xa, cái quá khứ mà tôi mừng rỡ như của kẻ không quen biết. Và sẽ có một sự khác biệt giữa quá khứ thực và quá khứ tôi muốn có nếu tôi có thể bắt đầu lại! Nhưng phải chấp nhận điều không thể tránh, điều không còn sắp xếp được nữa; điều đã xảy ra vẫn là sự thực, nếu cần thay đổi thì phải thay đổi chính hiện tại và tôi đã cố gắng làm điều này, nhờ ở hoàn cảnh bị giam cầm này. Vào giờ phút cuối cùng này của đời tôi, tôi không muốn tỏ ra tốt hơn bản chất của mình; dường như tôi đã nghe ngài nói “Lúc trẻ không biết tính thì già làm sao được” mà tôi nghĩ rằng tốt hơn ngài đừng nói; tuy nhiên tôi muốn sắp xếp sự việc đúng chỗ; sự hiện hữu của tôi có thể dùng làm ví dụ, nếu trước kia tôi mãi mãi biết được những con đường bình yên mà hôm nay tôi đang bước.

Tôi sẽ tiếp tục câu chuyện của tôi. Một tháng không viết lách là thời gian nghỉ ngơi cho một người mà nhịp đập của con tim được tính, và cũng quá yên tĩnh cho một người chưa bao giờ được nghỉ ngơi yên tĩnh.

XIV

Tôi nhanh chóng chuẩn bị chạy trốn; loại chuyện này không thể trì hoãn. Tôi trút sạch tiền trong hộp tiền vào túi, mọi thức ăn vào bao dầy, cố ném những ý nghĩ đen tối xuống tận đáy giếng, rồi lợi dụng màn đêm như kẻ trộm, tôi chuồn nhanh trên con đường nhỏ, không biết mình sẽ đi về đâu, cứ thẳng tới trước; tôi bước không ngừng và đến rạng sáng hôm sau, khi tôi bắt đầu cảm thấy mệt, xã nhà đã cách đúng ba dặm đường phía sau. Tôi không thích chần chừ, vì trong vùng này người ta có thể còn nhận ra tôi; rồi tôi vào một vườn ô-liu bên đường chợp mắt một lúc, lấy thức ăn ra ăn qua loa và tiếp tục lên đường, định đáp xe lửa càng sớm càng tốt. Người ta nhìn tôi ngạc nhiên, có lẽ vì tôi trông như dân bụi đời, còn lũ trẻ con các xã tò mò chạy theo tôi như bám theo những người di-gan và những kẻ tật nguyền; thay vì làm phiền tôi với những đôi mắt tinh nhanh linh hoạt và cử chỉ ngây thơ của chúng, chúng kết bạn với tôi, và nếu lúc bấy giờ tôi không sợ phụ nữ - những bà mẹ - như ôn dịch, ắt tôi đã tặng chúng chút ít thức ăn của mình.

Tôi đến trạm đường sắt Trujillo lấy vé đi Madrid, nhưng không định lưu lại thủ đô; từ Madrid, tôi sẽ đến một bến cảng, để rồi từ nơi sau này tôi sẽ đáp tàu sang châu Mỹ. Cuộc hành trình khá thích thú; vì toa xe khá tiện nghi, và lần đầu tiên tôi trông thấy phong cảnh lướt qua như một tấm bạt được một bàn tay vô hình kéo đi. Khi mọi người xuống xe lửa, tôi mới nhận thấy đã đến Madrid, trong trí tôi vẫn ngỡ là mình còn xa thủ đô lắm nên tim tôi đập mạnh, như mỗi khi ta phát hiện rằng ta đứng trước sự thật, rằng điều mà ta không thể cứu vãn được đang hết sức gần gũi chứ không xa xôi như ta nghĩ.

Vì tôi biết rất rõ rằng Madrid vốn đầy dẫy lưu manh và vì xe lửa đến đây ban đêm, thời cơ thuận tiện của bọn vô lại, nên tôi nghĩ rằng tốt hơn là chờ đến sáng hãy tìm một chỗ trọ, còn lúc ấy cứ ngủ tạm trên một trong những chiếc ghế dài ở nhà ga. Và tôi đã làm như mình nghĩ; tôi tìm thấy một chiếc ghế dài ở cuối hành lang, đặt mình thoải mái, rồi, dưới sự che chở của vị thần hộ mệnh, tôi thiếp đi dù tôi đã định là phải tỉnh ngủ một chút.

Tôi ngủ một giấc cho đến sáng hôm sau, và lúc thức dậy tôi lạnh buốt tận xương, ướt át toàn thân; cảm thấy rằng nằm nướng mãi ở đó thì không tốt, tôi rời nhà ga và thoáng thấy một toán công nhân quây quần bên một đồng lửa bên đường; tôi đến bên họ; họ chào đón tôi tử tế và tôi có thể sưởi ấm bên đồng lửa. Thoạt đầu, câu chuyện khá tẻ nhạt, nhưng rồi cũng nhanh chóng sôi động và vì họ có vẻ tử tế và vì tôi cần có bạn ở Madrid, nên tôi gọi thằng nhóc đi ngang bảo nó mua giúp một lít rượu vang; tuy nhiên lít rượu ấy cả tôi và những người bạn mới của tôi đều không nếm một giọt; vì thằng nhóc láu lỉnh đã cầm tiền và không trở lại nữa. Họ cười cợt trước chuyện xui xẻo của tôi; tuy nhiên tôi vẫn muốn kết bạn với họ, tôi chờ đến lúc mặt trời lên, cùng họ đến một quán cà phê mời mỗi người một cốc cà phê sữa, cử chỉ này khiến họ thân thiện với tôi ngay. Tôi nói rằng mình muốn tìm chỗ trọ và một người trong bọn họ, tên Angel Estévez, chịu cho tôi trọ nhờ tại nhà anh, mỗi ngày hai bữa ăn với giá mười rê-an; lúc đó, giá ấy không cao lắm với tôi, nhưng sau đó tôi hiểu rằng mỗi ngày trọ ở nhà anh tại Madrid tôi phải chi thêm mười rê-an khác, lí do là đêm nào tôi cũng thua bài vợ chồng anh vì cả hai chơi bài rất cừ.

Tôi ở Madrid không lâu, tất cả không đầy mười lăm hôm, thời gian ấy tôi cố chi tiêu thật ít, tôi mua sắm một ít thứ cần thiết tại Calle de Postas và Plaza Mayor; chiều chiều, lúc mặt trời lặn, tôi bách bộ đến quán cà phê nhạc Eden Concert bên trong Calle de la Aduana, bỏ ra một pơ-dô gọi một cốc cà phê rồi ngồi đó ngắm các cô gái trình diễn cho đến giờ ăn tối rồi quay về tầng hầm mái của Estévez trong Cala de la Ternera. Thông thường, lúc tôi về đến, anh có mặt ở nhà; vợ anh dọn xúp, chúng tôi cùng ăn, rồi chúng tôi gảy sòng, trong sòng bài có thêm hai người lảng giếng đêm nào cũng đến ngồi với chúng tôi quanh bếp lò, chân hong ấm trên than hồng mãi đến rạng sáng hôm sau. Tôi thích cuộc sống đó và nếu tôi không quyết định là sẽ ra đi, ắt tôi đã ở lại Madrid cho đến đồng xu cuối cùng.

Ngôi nhà tôi trọ trông như một chuồng bò câu, ở trên một mái nhà; cả khi người ta gõ cửa họ vẫn không mở, suốt ngày đốt một chiếc bếp lò nên ở đây rất khá khi ngồi quanh chiếc bàn nhỏ, chân thả dưới những nếp xếp của tấm vải trải bàn, những ngón chân để gần bếp lò. Phòng họ dành cho tôi thuê có trần sát mái ngay trên tấm đệm rom của tôi và, trước khi quen chỗ, hơn một lần tôi đã va đầu vào một xà nhà, cây xà này nhô ra nhưng lúc nào

tôi cũng quên. Về sau, khi đã quen với cấu trúc đó và biết mọi xó xỉnh trong phòng, tôi có thể nhắm mắt đi đến giường mình. Chỉ là chuyện quen mà thôi.

Vợ của Estévez tên Concepcion Castillo Lopez (chính chị cho tôi biết tên chị), còn trẻ, nhỏ người, gương mặt nhỏ tinh ranh, dễ có cảm tình, tự tin, lanh lợi như tất cả phụ nữ Madrid; chị bạo dạn nhìn tôi, nói với tôi bất kỳ đề tài gì, nhanh chóng chứng tỏ - cũng nhanh như cơ hội tạo cho chị - rằng tôi chẳng có gì đáng giá với chị, chẳng có gì hi vọng. Chị rất yêu chồng, ngoài anh, chị không để ý đến anh đàn ông nào khác cả. Tiếc quá, vì chị xinh và dễ mến, dù khác hẳn phụ nữ xứ tôi, nhưng vì chị không bao giờ mở miệng đưa đẩy trước với tôi, còn phần tôi cũng không thạo chuyện tán gái, chị sống tự do trước mắt tôi cho đến ngày chị trở nên xa lạ với tôi, đến nỗi tôi không nghĩ gì đến chị nữa. Anh chồng hết sức ghen tuông và chắc không tin vợ, vì anh cấm cả vợ đứng trên cầu thang nhìn xuống một buổi chiều chủ nhật, Estévez rủ tôi đi với vợ chồng anh đến công viên Retiro; anh rầy rả vợ suốt vì chị nhìn người nọ người kia, còn chị thỏa mãn ra mặt với những lời rầy rả đó, thậm chí mỉm cười rất tình tứ, tôi rất ngạc nhiên trước kiểu trả lời của chị. Chúng tôi đi vòng quanh bờ hồ Retiro nhiều lần, rồi bỗng nhiên anh Estévez lớn tiếng gây gổ với một người đi qua, nhưng rất nhanh và với những lời rất kỳ lạ khiến tôi không hiểu được mấy; hẳn họ cãi vã với nhau vì người kia nhìn chị Concepcion, nhưng tôi còn ngạc nhiên hơn vì chửi nhau chí chóe như vậy mà họ không có vẻ gì đánh đá nhau. Họ lôi mẹ họ của nhau vào, chửi nhau là quân ma cô, là đồ mọt sừng, họ đòi moi gan ruột nhau, nhưng có một điều lạ là không động tới một sợi lông của nhau. Tôi thật sự nóng lòng chờ những chuyện này xảy ra, nhưng tất nhiên là tôi không can thiệp, dù chuẩn bị tiếp cứu bạn mình khi cần. Chửi nhau chán, họ quay đi, mỗi người một ngã, không gây chuyện nữa.

Hay thật! Nếu cổ dân quê bọn tôi cũng to như cổ dân thành thị và biết nuốt những điều tương tự như dân thành thị, nhà tù sẽ trở thành đảo hoang...

Hai tuần lễ không đủ cho tôi để biết Madrid, vì Madrid không phải là một thành phố để quan sát kiểu cưỡi ngựa xem hoa, tuy nhiên tôi quyết định tiếp tục cuộc hành trình của mình để đi tới đích. Tôi mua một chiếc va-li

nhỏ đựng đồ đạc ít ỏi của mình, tôi lấy vé và ra ga, anh Estévez tiễn chân tôi như anh vẫn kè kè bên tôi đến phút chót; ga này không phải ga tôi đã biết, nhưng tôi đến đây để đón xe lửa đi La Coruana, nơi tàu bè sang châu Mỹ ghé qua, như lời người ta bảo tôi. Chuyến đi này lâu hơn chuyến đi trước một chút, vì quãng đường này xa hơn quãng đường từ xã tôi tới Madrid, nhưng vì xe lửa chạy ban đêm và vì tôi không phải là hạng người không ngủ được trong khi xe lắc lư, kêu ầm ầm, nên nó chạy nhanh hơn tôi tưởng, theo lời của những người bạn đồng hành; mấy giờ sau, khi thức giấc, tôi trông thấy biển cả, điều khiến tôi ngạc nhiên chưa từng có, hình như biển mênh mông quá, sâu thẳm quá.

Từ những bước đầu lại thành phố cảng này, tôi nhận thấy mình đã ngây thơ biết mấy khi nghĩ rằng chỉ với mấy đồng pơ-dô tôi có thể sang châu Mỹ! Mãi đến lúc ấy tôi chưa hề biết giá tiền một chuyến đi biển... Tôi đến đại lí tàu biển, tới một quầy bán vé, người ta chỉ sang một quầy khác, xếp hàng chờ đợi mất ít nhất ba giờ, và khi tôi lại gần ông nhân viên định hỏi thăm ông ta tàu chạy tới đâu và giá vé bao nhiêu thì ông ta chẳng nói chẳng rằng quay lưng đi, lát sau trở lại với một mẫu giấy trong tay.

“Lộ trình... Giá biểu... Khởi hành tại La Coruena ngày 5 và 20”.

Tôi cố làm ông ta nói chuyện với tôi về chuyến đi, nhưng vô ích. Ông ta ngắt lời tôi, giọng cộc lốc nghe phát chán:

- Anh dài dòng quá.

Tôi bước đi cùng với lộ trình và giá biểu, ra sức ghi nhớ những ngày tàu chạy. Tôi biết làm gì được?

Trợ cùng ngôi nhà với tôi là một trung sĩ pháo binh, bác sẵn lòng giải mã mọi giấy tờ của đại lí tàu biển cho tôi. Lúc bác đề cập đến giá tiền và điều kiện thanh toán, tôi ngỡ như hụt hẫng vì tôi không có được phân nửa số tiền cần thiết. Vấn đề này thật quan trọng, và vì tôi không có giải pháp nào khác, bác trung sĩ Adrian Nogueira động viên tôi rất nhiều - bác đã từng ở bên Mỹ - và không ngớt nói với tôi về Havana, cả New York. Còn tôi - tại sao phải giấu giếm?- tôi há hốc mồm lắng nghe và khao khát hơn bao giờ

hết; rồi tôi thấy rằng tôi chẳng được gì ngoài nước dãi trong miệng; do đó một hôm tôi yêu cầu bác đừng nói thêm, vì tôi nhất quyết ở lại quê hương, không đi nữa; bác rất ngạc nhiên, nhưng vốn kín đáo và ý tứ như tất cả người dân Galicia, bác không nói về chuyện đó nữa.

Tôi nhúc cả đầu để nghĩ xem mình phải làm gì. Đường như giải pháp nào tránh cho tôi khỏi quay về xã cũng tốt, nghĩ ra giải nào tôi cũng thực hiện, tôi làm phu khuôn vác ở nhà ga, phu bốc dỡ ở bến tàu, phụ bếp ở khách sạn Trạm Cuối, làm gác đêm cho xí nghiệp; nói chung là việc gì cũng làm, trước khi trụ ở quán bà Apacha trên phố Con Két, tại đây tôi làm đủ thứ, dù nghề nghiệp chính của tôi là tống cổ những tay đến nơi chỉ để quậy.

Tôi ở đấy một năm rưỡi, cộng với sáu tháng trôi lêu bêu thành gần hai năm, rồi tôi mới nghĩ lại - nhiều hơn tôi tưởng - rằng đừng để lại gì trên cõi đời. Ban đầu, tôi chỉ nghĩ lúc ban đêm khi tôi đã nằm trên chiếc giường họ dành cho tôi ở nhà bếp; nhưng sau tôi nghĩ trong những giờ liền, rồi một hôm nổi nhớ nhà tăng thêm và tôi vội vã trở lại ngôi nhà bên con đường thôn của mình. Tôi hình dung rằng mình sẽ được gia đình đón tiếp niềm nở - thời gian vẫn hàn gắn mọi vết thương - và ước muốn ấy lớn lên trong tôi như nấm gặp đất ẩm. Tôi vay tiền, chuyện chẳng phải dễ, nhưng bao giờ cũng vậy, chịu khó năn nỉ một chút, rốt cuộc tôi cũng vay được, và một ngày đẹp trời sau khi từ giã các ân nhân của mình, trước hết là bà Apacha, tôi lại lên đường về quê, con đường dẫn tôi đến vô vàn hạnh phúc, nếu Quỷ Sa Tăng không nhân lúc vắng mặt tôi mà tác quái ở nhà với vợ tôi, điều tôi không hay biết. Thật ra, cũng tự nhiên thôi việc làm lỡ của vợ tôi, một phụ nữ trẻ đẹp, không tin tức gì của tôi, buồn khổ nhiều về cảnh vắng chồng và việc tôi bỏ đi, tội lỗi lớn nhất của tôi, tội lỗi mà lẽ ra tôi không bao giờ phạm, tội lỗi mà Chúa sẽ trừng phạt, có thể quá độc địa.

XV

Tôi trở về nhà đã bảy ngày; vợ tôi đối xử rất mực thương yêu, ít ra là ở bên ngoài; hôm ấy, nàng bỗng đánh thức tôi trong cơn mơ.

- Em nghĩ rằng em đã đón anh rất lạnh nhạt.

- Không đâu em!

- Anh thấy rõ đấy! Em không chờ đợi anh, việc anh về nhà làm em ngạc nhiên.

- Nhưng giờ đây em vui sướng chứ?

- Vâng. Em vui sướng...

Lola có vẻ âu sầu; có một sự thay đổi lớn lao nơi nàng.

- Anh vẫn luôn luôn nhớ đến em chứ?

- Luôn luôn. Nếu không, tại sao anh quay về?

Một lần nữa, vợ tôi lại nín bật,

- Hai năm trời, lâu quá...

- Ừ, lâu quá.

- Trong hai năm, trái đất đã quay bao nhiêu vòng...

- Hai vòng thôi, một bác thủy thủ bảo anh như thế ở La Coruna.

- Anh đừng nói với em về La Coruna.

- Sao vậy?

- Vì em không muốn. Phải chi đừng có La Coruna!

Giọng nàng trầm xuống, ánh mắt tăm tối như một khu rừng âm u với những bóng cây.

- Bao nhiêu vật đổi sao dời!...

- Ừ.

- Và người vợ nghĩ rằng đã hai năm chồng mình không về, hẳn anh ta đã chết!

- Em định nói gì vậy?

- Em không định nói gì cả.

Lola bật khóc một cách chua xót và thú tội khe khẽ:

- Em lại sắp có con.

- Một đứa khác?

- Vâng.

Tôi bỗng thấy sợ hãi.

- Con của ai?

- Xin anh đừng hỏi!

- Sao không hỏi? Tôi muốn biết! Tôi là chồng cô!

Nàng tru tréo:

- Chồng tôi muốn giết tôi! Ông chồng đã bỏ bê tôi hai năm ròng! Ông chồng trốn chạy tôi như thể tôi mắc bệnh hủi! Ông chồng...

- Đủ rồi!

Phải, tốt nhất là chấm dứt ở đây, lương tâm tôi bảo thế. Tốt nhất là cứ để thời gian trôi qua, đứa bé sẽ ra đời... Láng giềng sẽ chê bai vợ tôi, họ sẽ nhìn tôi qua đuôi mắt, thì thào mỗi lúc tôi đi ngang.

- Cô có muốn tôi gọi bà Engracia không?

- Bà ta đã gặp em.

- Bà ta nói sao?

- Bà ta nói tất cả đều ổn.

- Không phải vậy... không phải vậy...

- Thế anh muốn gì?

- Không muốn gì hết... Chỉ có điều câu chuyện có thể thu xếp giữa cô và tôi...

Vợ tôi phác một cử chỉ cầu xin

- Anh Pascual, anh không làm chuyện đó chứ?

- Không, Lola, phải làm chứ! Tôi đâu phải là người đàn ông đầu tiên làm chuyện đó!

- Anh Pascual! Em cảm thấy nó mạnh hơn mấy đứa trước, em cảm thấy nó phải được sống...

- Để bêu rêu tôi!

- Hay để đem lại hạnh phúc cho anh. Người khác biết thế nào được?

- Người khác à? Họ biết tất cả, chắc chắn vậy!

Lola mỉm cười, nụ cười khốn khổ của một đứa bé bị xử tệ, nụ cười đau đớn.

- Mình có thể thu xếp cho không ai được biết...

- Nhưng tất cả sẽ biết!

Tôi không muốn cứng rắn - Chúa biết rõ điều đó - nhưng con người bị ràng buộc với những phong tục tập quán như con lừa mắc vào sợi dây cương...

Nếu thân phận con người có thể cho phép tôi tha thứ, hẳn tôi đã tha thứ nàng, nhưng đời vẫn thế và chẳng ích lợi gì mà tiến ngược dòng.

- Tốt nhất hãy gọi bà ấy!

- Bà Engracia à?

- Ừ.

- Lạy Chúa, không! Tôi lại phá thai à? Có thai luôn mà lại không thể nuôi con sao, chỉ để nuôi phàn ư?

Nàng gieo mình xuống sàn nhà ôm hai bàn chân tôi.

- Em xin trao cả mạng sống của em cho nếu anh muốn.

- Tôi không cần mạng sống của cô.

- Thôi thì mắt em đây, máu em đây, vì em đã làm nhục anh!

- Cũng chẳng ích lợi gì!

- Ngực em, tóc em, răng em! Anh muốn thứ gì, em cũng trao cho anh, chỉ xin anh đừng tước đoạt nó, nó là lẽ sống của em.

Tốt nhất là cứ để nàng khóc lóc, khóc lóc theo ý muốn của nàng, đến lúc nàng mệt nhoài, đến lúc không còn cân não, đến lúc nàng bình tĩnh hơn, biết điều hơn...

Không nghi ngờ gì nữa, hẳn mẹ tôi là mối lái cho tất cả câu chuyện xấu xa này, bà trốn tôi, không lảng vảng trước mắt tôi. Sự thật đó nung nấu tôi! Bà chuyện trò với tôi thật ít, tôi vào cửa này thì bà ra cửa kia, bà dọn ăn cho tôi thật đúng giờ - việc trước kia và sau này bà không hề làm. Thật buồn khi nghĩ rằng muốn được yên, phải được khiếp sợ. Bà tỏ ra rất quy lụy tôi, khiến cuối cùng tôi phải thay đổi ý định. Tôi không bao giờ muốn nói với bà về Lola; bài toán đặt ra cho hai chúng tôi, riêng hai chúng tôi phải giải quyết.

Một hôm, tôi gọi Lola đến thuyết phục nàng.

- Em có thể yên lòng.

- Sao vậy anh?

- Anh không gọi bà Engracia nữa.

Lola trầm ngâm một lúc.

- Anh tốt quá, anh Pascual.

- Ủ, tốt hơn em tưởng.

- Và tốt hơn em nhiều.

- Ta đừng nói chuyện đó nữa. Em lỡ làm với ai vậy?

- Anh đừng hỏi em về hẳn.

- Lola, anh muốn biết.
- Nhưng em sợ nói cho anh biết.
- Em sợ?
- Phải. Em sợ anh giết hấn!
- Thế, em yêu hấn?
- Không, em không yêu hấn.
- Nhưng sao không nói?
- Đường như lúc nào anh cũng muốn nhúng tay vào máu...

Những tiếng này khắc vào đầu tôi như những tiếng bằng lửa, những tiếng bằng lửa mà tôi sẽ mang theo xuống mồ.

- Và nếu anh thề với em rằng sẽ không có gì xảy ra thì sao?
- Em không tin anh.
- Sao vậy?
- Vì không thể được, anh Pascual; đàn ông ai lại không ghen?
- Tính trời cho mà; nhưng anh nói thì anh giữ lời.

Lola lao vào vòng tay tôi.

- Em sẽ trao cả những năm tháng còn lại của đời em cho anh nếu không có chuyện gì xảy ra.
- Anh tin em.

- Và anh tha thứ cho em...

- Anh tha thứ cho em, Lola ạ. Nhưng em phải nói cho anh biết...

- Vâng...

Nàng tái mét hơn bao giờ hết, gương mặt co rúm, khiến tôi sợ hãi, một nỗi sợ khủng khiếp rằng sự bất hạnh đã theo đuổi tôi mãi đến quê nhà; tôi ôm nàng trong tay tôi, tôi mong trốn nàng, tôi nói với nàng bằng lời lẽ yêu đương hơn người chồng yêu đương thắm thiết và chung thủy nhất; tôi ôm nàng vào vai mình, cảm thông trọn vẹn tất cả những gì nàng đau khổ, sợ nàng sẽ ngã quỵ trước câu hỏi của tôi:

- Ai thế?

- Cao Kều!

- Cao Kều à?

Lola không trả lời.

Nàng đã chết, đầu gục xuống ngực, tóc rũ trên mặt... Nàng bất động trong một lúc, vẫn ngồi đấy, rồi ngã xuống sàn nhà bằng đá cuội mòn lẳng...

XVI

Ngực tôi rần rật, trong mỗi giọt máu của tôi như có một con rắn lục cắn thịt tôi...

Tôi ra khỏi nhà tìm tên sát nhân đã giết vợ tôi, kẻ đã làm hại em gái tôi, kẻ đã làm cuộc đời tôi hết sức cay đắng; thật khó gặp hắn vì hắn trốn tôi. Hắn biết tôi về quê và hắn bỏ xã trốn đi, suốt bốn tháng trời không dám lộ mặt ở Almendralejo; tôi đi tìm hắn, tôi đến nhà của Nieves la Madrilena, tôi gặp Rosario... Em gái tôi thay đổi quá! Nó già quá, mặt nhăn nheo trước tuổi, mắt có quầng, mái tóc xẹp xuống; thật đau lòng khi nhìn nó và nhớ trước kia nó xinh đẹp biết bao...

- Anh đến có chuyện gì không?

- Anh tìm một người đàn ông!

- Người chạy mặt kẻ thù đâu đáng mặt đàn ông.

- Phải, không đáng...

- Người không chờ đợi các cuộc thăm viếng mà mình đoán trước cũng không đáng mặt đàn ông.

- Phải... Hắn đâu?

- Em không biết; anh ta đi hôm qua...

- Đi lối nào?

- Em không biết.

- Em không biết à?

- Vâng.

- Em chắc chắn vậy chứ?

- Chắc chắn như lúc này là ban ngày.

Dường như nó nói thật, rồi sau đó Rosario tỏ lòng thương yêu tôi bằng cách quay về nhà để phục dịch tôi và bỏ Cao Kều...

- Em biết hắn đi xa chưa?

- Anh ta không nói gì với em.

Tôi không còn cách gì khác hơn là nén giận; thật không xứng đáng nếu trút vào những người khốn khổ nỗi căm thù đáng lẽ dành cho bọn độc ác.

- Em biết chuyện gì xảy ra rồi chứ?

- Dạ, có biết.

- Vậy mà em không nói gì sao?

- Em biết nói với ai chứ?

- Ô, tất nhiên, đừng nói với ai cả...

Phải, đúng vậy, nó đâu còn ai để nói nữa; có những việc không phải ai cũng quan tâm như nhau, những việc chỉ một người chịu đựng như chịu đựng cây thánh giá, và nín thinh với những người khác, không thể nói cho họ nghe tất cả những gì đang xảy ra trong nội tâm chúng ta; vả lại, thường thì họ cũng không thể hiểu được những gì chúng ta nói.

Rosario đi với tôi.

- Em không muốn lưu lại đây thêm một ngày nào nữa; em mệt quá.

Nó quay trở lại nhà, rụt rè, dường như sợ hãi, nhún nhường và siêng năng tôi chưa bao giờ thấy; nó sẵn sàng tôi với sự quan tâm mà tôi đã không bao giờ và - than ôi, tệ quá - sẽ không bao giờ cảm tạ lại cho xứng đáng. Nó luôn luôn chuẩn bị cho tôi một chiếc áo sơ mi sạch, quản lý tiền bạc của tôi một cách hết sức tiết kiệm, hâm nóng bữa ăn của tôi nếu tôi về muộn... Sống như thế vui biết mấy! Ngày trôi qua nhẹ nhàng như những lông măng, đêm yên tĩnh như trong nhà tu kín và những ý tưởng bi thảm đeo đẳng tôi trước kia dường như thôi không xuất hiện nữa. Những ngày sống tạm bợ ở La Coruna xa xôi biết mấy đối với tôi! Và những trận chọi dao đôi khi chìm trong ký ức... Ngay vết thương rất sâu của Lola để lại trong tim tôi đã khép miệng và dĩ vãng dần dần rơi vào quên lãng; bỗng nhiên ngôi sao xấu của tôi, ngôi sao xấu dường như cứ dính vào tôi ấy, làm sống lại tất cả những chuyện đó để đem lại điều tai hại cho tôi.

Hôm ấy tôi đang ngồi trong quán rượu của Martinete thì Sebastian nhỏ bảo tôi:

- Anh có gặp Cao Kêu không?
- Không, sao chú hỏi vậy?
- Không gì cả, người ta bảo hắn đã về xã.
- Hắn đã về?
- Dường như vậy.
- Chú không nói dối chứ?
- Kìa anh, anh đừng nổi nóng như vậy! Tôi chỉ lặp lại lời người ta nói thôi. Tôi nói dối với anh làm gì chứ?

Tôi không chờ đợi để xác minh lời của Sebastian. Tôi chạy về nhà; tôi lao nhanh như chớp, không cần để ý đến mặt đất chỗ cao chỗ thấp. Mẹ tôi đứng ở ngưỡng cửa.

- Rosario đâu mẹ?

- Nó ở trong nhà.

- Một mình á?

- Ừ, sao hỏi thế?

Tôi không trả lời; tôi đi tuốt xuống nhà bếp và gặp nó ở đó, đang khuấy gì trên bếp lửa.

- Cao Kều đâu?

Rosario giật nảy người; nó ngẩng đầu, và bình tĩnh, hoặc tỏ ra bình tĩnh bên ngoài, trả lời tôi:

- Sao anh hỏi em như vậy?

- Vì nó đã về.

- Về rồi à?

- Người ta nói với anh như vậy?

- Nhưng chẳng thấy bóng dáng anh ta ở đây.

- Em nói chắc vậy chứ?

- Em thề là em nói thật.

Nó không cần phải thề với tôi, đó là sự thật, hấn chưa đến, nhưng liên đó hấn đến, hết sức kiêu hãnh, hết sức trắng trẻo.

Hấn xuất hiện ngoài cửa, gặp mẹ tôi đang canh cửa.

- Anh Pascual có trong nhà không?

- Cậu muốn gì ở nó?
- Có chuyện riêng thôi.
- Chuyện riêng à?
- Vâng, chuyện giữa anh ấy với tôi.
- Vào đi. Nó đang ở dưới bếp.

Cao Kều bước vào, mũ vẫn để trên đầu, vừa đi vừa huýt sáo.

- Chào anh Pascual!
- Chào Paco! Vào nhà sao không giở mũ ra?

Hắn giở mũ.

- Nếu anh muốn!

Hắn cố làm ra vẻ điềm tĩnh và bình thản nhưng không thành công; hắn có vẻ hơi bồn chồn, dường như sợ hãi.

- Chào em Rosario!
- Chào anh Paco!

Em gái tôi cười với hắn, một nụ cười sợ sệt khiến tôi ghê tởm; hắn cũng cười với nó, nhưng môi hắn dường như không còn màu sắc.

- Anh biết tại sao tôi đến chứ?
- Nói nghe xem.
- Để đưa Rosario đi!

- Đúng như tôi nghĩ. Cao Kêu, anh không đưa Rosario đi đâu cả.

- Tôi lại không đưa cô ấy đi được à?

- Không đưa được.

- Ai ngăn cản tôi!

- Tao.

- Anh à?

- Ừ, tao; mày không xem tao ra gì sao?

- Có ra gì đâu...

Tới đó, máu trong người tôi lạnh ngắt, tôi biết khá rõ rằng tôi sẽ làm gì và tôi sẽ đi đến đâu. Tôi vượt lại quần áo, tính toán cự ly giữa hắn và tôi, và không cho hắn nói thêm một lời - sợ lại tái diễn như lần đầu - tôi chộp lấy chiếc ghế đầu giáng thật mạnh vào giữa mặt hắn; hắn ngã ngửa, nằm như chết trên thành lò sưởi. Lát sau, hắn gượng đứng lên, rút dao khỏi bao; mắt hắn rợn lên những nét đáng sợ, nhưng sườn hắn đã bị gãy, hắn không động đậy nổi. Tôi chộp hắn lôi hắn ra vệ đường ấn hắn ngồi xuống.

- Cao Kêu, mày đã giết vợ tao.

- Nó là con đĩ!

- Dù cô ta là đĩ, nhưng mày đã giết cô ta, mày đã phá trinh em gái tao...

- Nó đã bị mất khi tao lấy nó!

- Có thể thế, nhưng chính mày đã làm hại đời nó! Mày căm hòng chứ? Mày tìm tao, và mày đã gặp tao; tao không muốn làm mày bị thương, không muốn đánh gãy xương sườn mày...

- Xương sườn tao rồi cũng lành, và đến ngày ấy...

- Ngày ấy thì sao?

- Tao sẽ bắn gục mày như bắn một con chó dại.

- Nên nhớ là ngay bây giờ tao đang tóm được mày

- Mày không đủ sức giết tao!

- Tao không đủ sức giết mày à.

- Ừ

- Tại sao mày nghĩ vậy? Mày tự tin quá.

- Thằng đủ sức giết tao hãy còn chưa ra đời!

Hắn khá dũng cảm.

- Giờ thì rút đi!

- Tao sẽ đi khi tao muốn!

- Ngay bây giờ!

- Trả Rosario cho tao.

- Không.

- Trả cho tao, bằng không tao giết mày!

- Đừng lớn lối như vậy! Mày biết thân mày hiện ra sao chứ?

- Mày không muốn trao Rosario cho tao à?

- Không.

Cao Kêu cố hết sức xô tôi.

Tôi chop cổ hắn ném xuống đất

- Cút!

- Không.

Chúng tôi ôm ghì lấy nhau, tôi lật hắn ngửa ra, ấn đầu gối lên ngực hắn, nói với hắn sự thật.

- Tao không giết mày vì tao đã hứa...

- Mày hứa với ai?

- Với Lola.

- Như vậy, nó đã yêu tao!

Hắn xác lảo quá. Tôi ấn đầu gối mạnh hơn một chút...Ngực hắn phát ra một tiếng như tiếng thịt nứt trên vỉ lò. Máu trong miệng hắn ộc ra. Tôi đứng lên, đầu hắn gục sang bên, bất động, mềm nhũn...

XVII

Tôi bị ba năm tù, ba năm dài đầy cay đắng mà lúc đầu tôi ngỡ không bao giờ chấm dứt, rồi sau đó tôi xem như một giấc mộng; ba năm lao động, ngày nay qua ngày khác trong hiệu giày của trại giam, ba năm sưởi mình trong ánh nắng ngoài sân, ánh nắng mà tôi rất mực thân thương, ba năm ngược nhìn giờ giấc của một tâm hồn lo sợ trôi qua, những giờ giấc được rút ngắn nhờ ở hạnh kiểm tốt của tôi, cho sự bất hạnh của tôi.

Thật buồn khi nghĩ rằng vào một vài dịp ít ỏi mà tôi hành động tốt đẹp trong đời mình, thì số phận, cái ngôi sao xấu kia, như tôi đã nói với ngài, làm hại tôi khiến cho nghị lực tốt đẹp của tôi thành vô dụng. Hơn nữa, không những làm sai lệch và xuyên tạc hành động tốt của tôi, ngôi sao ấy còn luôn luôn đưa tôi đến một bất hạnh khác to lớn hơn. Nếu có hạnh kiểm xấu, ắt tôi sẽ ở lại nhà lao Chinchilla, suốt hai mươi tám năm của cái án tù của mình, ắt tôi sẽ mực ruồng như những tù nhân khác, ắt tôi sẽ nhàm chán đến điên cuồng, tuyệt vọng, hận trời trách đất, cuối cùng ắt đời tôi sẽ hoàng toàn băng hoại, nhưng tôi sẽ vẫn ở đây để đền đáp những tội lỗi cũ của mình, những không mắc phải những tội lỗi đầm máu mới, chịu cảnh giam cầm bắt bớ, hằn vẩy, nhưng đầu tôi vẫn chắc chắn trên cổ tôi như lúc tôi mới sinh ra, lúc mà tôi không mắc phải tội lỗi gì ngoài tội tổ tông. Nếu tôi ăn ở không quá tốt cũng không quá xấu như phần đông phạm nhân, hai mươi tám năm tù sẽ còn mười bốn, mười lăm năm, mẹ tôi sẽ chết một cái chết tự nhiên trước khi tôi được tự do; Rosario, em gái tôi, sẽ không còn tươi trẻ, không còn nhan sắc, không còn tất cả sự nguy hiểm; còn tôi, cái con người khốn nạn, cái ví dụ này của kẻ thua cuộc, con người rất ít được thương hại của ngài và xã hội, tôi sẽ bước ra, hiền như cừu, mềm như tấm chăn và xa hẳn nguy cơ ngã lần nữa. Giờ phút này, tôi có thể sống lạng lẽ ở một nơi nào đó, làm một nghề nào đó để nuôi sống lấy mình, cố quên đi dĩ vãng để chỉ nghĩ đến tương lai mà thôi... Nhưng, tôi cứ cố có hạnh kiểm thật tốt, không có mấy cơ hội tôi cũng tỏ ra thật tốt, tôi luôn sốt sắng vâng lời, tôi làm cho công lý phải động lòng, tôi thu hoạch được những bản phúc trình tốt của viên quản đốc nhà lao... và tôi được tha; họ mở cổng nhà lao, họ thả tôi ra mà không cho tôi thứ gì để tự vệ giữa cái ác bao la, họ bảo tôi:

- Anh Pascual, án phạt của anh đã mãn, anh hãy trở về với cuộc đấu tranh, trở về với cuộc đời, hãy đi đi để chung đụng với người đời; để nói năng với họ, để lại chạm trán với họ...

Và, tưởng mang ân huệ cho tôi, họ đã mất tôi vĩnh viễn...

Những suy tư triết lý này của tôi không đến với tôi khi tôi viết chương này và hai chương kế lần đầu; nhưng người ta đã ăn cắp hết giấy tờ của tôi (đến bây giờ tôi vẫn không hiểu tại sao), chuyện ăn cắp này có vẻ không thật chút nào, và tuy rất buồn trước sự độc ác vô cớ như thế, và cũng rất mất phương hướng, bởi việc phải lặp lại những gì tôi đã viết; nhớ lại các ký ức, làm sáng tỏ những ý tưởng của mình, tôi mới viết những suy tư trên. Tôi không muốn chuyển dòng ý tưởng của mình sang một lối khác, vì tôi đã hối hận quá nhiều đối với sự yếu kém của trí óc mình, nếu không phải là đối với tội lỗi đầy đầy của tôi. Do đó tôi suy gẫm thế nào tôi viết thế ấy; tùy ngài muốn hiểu sao cũng được.

Khi tôi ra khỏi tù, tôi thấy cánh đồng bên ngoài buồn hơn, buồn hơn tôi tưởng nhiều. Tôi đã tưởng tượng nó trong những giấc mơ tù tội - xin ngài đừng hỏi tại sao! - những đồng cỏ xanh lục rậm rì, những đồng lúa mì phì nhiêu, những nông dân chăm chỉ với công việc, vui sướng từ sáng đến chiều và ca hát bên chai rượu vang, đầu óc không vướng bận những ý nghĩ xấu xa. Thế mà, khi ra khỏi tù, tôi bắt gặp cánh đồng ấy cằn cỗi, khô úa như những nghĩa trang, hoang vắng và trơ trụi như nơi ở của một ẩn sĩ sau ngày hành hương... Chinchilla là một xã tàn tệ như tất cả xã ở La Manche, bị nghiền nát bởi một nỗi đau buồn lớn lao, xám xịt và nhờ nhờ như tất cả các xã mà người dân cứ ru rú ở quê nhà. Tôi chỉ lưu lại đây một thời gian cần thiết để đón xe lửa, chuyển xe lửa trả tôi về xã tôi, nhà tôi, gia đình tôi; về xã tôi nơi tôi luôn luôn thấy nó ở chỗ cũ, về nhà tôi vẫn rạng rỡ trong nắng như một món trang sức, về gia đình tôi vốn không chờ đợi tôi về sớm như vậy và không ngờ điều gì, về bà mẹ mà Chúa có thể làm cho dịu dàng hơn sau ba năm, về em gái tôi, về đứa em gái thân thương của tôi, về cô gái thánh thiện em của tôi, có lẽ nó sẽ nhảy cẫng lên, mừng rỡ được gặp tôi...

Tôi đợi xe lửa rất lâu, rất nhiều giờ. Thật đáng ngạc nhiên khi một người đã có quá nhiều sự chờ đợi thành hình trong thân thể và trí óc mình lại không chịu đựng thêm một giờ chờ đợi nữa. Tôi sốt ruột, tôi bức dọc như có chuyện gì quan trọng hồi thúc. Tôi đi đi lại lại ở nhà ga, tôi đến cửa hàng ăn uống, tôi đánh một vòng đến một cánh đồng lân cận... Không có gì!... Xe lửa không đến, xe lửa không bao giờ đến. Càng đến muộn, nó càng có vẻ xa xôi hơn bao giờ hết. Tôi nhớ tới nhà lao vẫn còn trông thấy đằng kia, phía sau nhà ga; nó có vẻ hoang vắng, thế mà nó đông nghẹt, canh giữ cả đồng con người khốn nạn mà cuộc đời sẽ choán đầy cả mấy trăm trang giấy. Tôi nhớ tới ông quản đốc, tới lần gặp gỡ sau cùng giữa hai chúng tôi... Một ông già nhỏ thó, đầu hói, bộ ria mép bạc trắng, đôi mắt xanh da trời, tên gọi là Don Corado. Tôi thương ông như người cha, cảm tạ tất cả những lời tử tế ân cần ông có dịp nói với tôi. Tôi gặp ông lần sau cùng trong văn phòng nơi ông cho gọi.

- Xin phép đến trình diện ông.

- Vào đây, con trai.

Giọng ông khản đục với năm tháng và những khốn cùng của tuổi tác, nhưng khi ông gọi chúng tôi là con trai, dường như nó vẫn còn êm dịu và rung động trên môi ông. Ông bảo tôi ngồi bên kia bàn, đẩy bọc thuốc đến tôi, một cái bọc to bằng da dê, và lấy một tập giấy hút thuốc đưa cho tôi...

- Hút một điếu?

- Cảm ơn ông.

Don Canrado cười:

- Để nói chuyện với chú, tốt nhất phải tốn nhiều khói... Như vậy khó thấy bộ mặt hăm tằm của chú hơn!

Ông cười phá lên, chuỗi cười chấm dứt bằng một cơn ho sù sụ khiến ông ngạt thở, khò khè, đỏ như quả cà chua. Ông kéo một ngăn tủ lấy hai

chiếc cốc và một chai cô-nhắc. Tôi rất ngạc nhiên; ông luôn hậu đãi tôi, hẳn rồi, nhưng chưa bao giờ như hôm ấy.

- Có việc gì thế, thưa ông?

- Gì đâu, con trai, có gì đâu... Nào, chú hãy uống mừng... sự tự do của chú!

Cơn ho lại chặn lấy ông. Tôi sắp hỏi: "Tự do của tôi à?" nhưng ông đã vẫy tay ra hiệu tôi đừng nói năng gì. Lần này cơn ho lại chấm dứt bằng một chuỗi cười.

- Ủ! Vận may chỉ dành cho bọn lưu manh!

Rồi ông cười, sung sướng vì có thể báo cho tôi tin đó, sung sướng vì có thể thả tôi ra. Tội nghiệp Don Conrado, ông tốt biết bao! Giá ông hiểu rằng điều tốt hơn đối với tôi là chẳng bao giờ được phóng thích!... Lúc tôi trở lại Chinchilla, cũng tại ngôi nhà này, ông đã thú nhận với tôi điều đó với những giọt lệ trong đôi mắt, trong đôi mắt hơi xanh hơn những giọt lệ một chút ấy.

- Nào, bây giờ chúng ta nói chuyện nghiêm chỉnh! Chú đọc đi...

Ông đưa cho tôi lệnh phóng thích. Tôi không tin vào mắt mình. Một lúc sau, ông hỏi:

- Chú đọc rồi chứ!

- Rồi, thưa ông.

Ông mở một cặp hồ sơ, rút hai tờ giấy tương tự, đó là giấy trả tự do cho tôi.

- Cầm lấy, tờ giấy này là để cho chú; với tờ giấy này chú có thể đi đến nơi nào tùy chú muốn... Ký vào đây! Đừng làm bẩn...

Tôi gấp tờ giấy lại nhét vào ví... Tôi được tự do! Những gì diễn ra trong tôi lúc ấy, tôi không thể giải thích được... Don Conrado trở nên trang nghiêm; ông thuyết giảng cho tôi về sự lương thiện và thuần phong mỹ tục, ông đưa ra một số lời khuyên tránh nổi cơn bốc đồng; nếu tôi theo lời của ông, ắt tôi sẽ tránh được những điều bất hạnh; kế đó, khi dứt lời, để bề mặt buổi lễ, ông chuyển cho tôi hai mươi lăm pơ-dô nhân danh "Hội Phụ nữ tái tạo tù nhân", một cơ quan từ thiện thành lập ở Madrid nhằm cứu trợ chúng tôi.

Don Conrado nhấn chuông gọi một viên chức của nhà lao, và chìa tay cho tôi.

- Vĩnh biệt, con trai. Cầu Chúa trông nom con!

Tôi không cảm thấy vui mừng. Ông ta quay sang người nhân viên.

- Chú Munoz, chú tiền anh chàng này ra cổng. Trước hết, đưa anh ta đến phòng hành chính để người ta cấp cho anh ta tiền trợ cấp dùng trong tám ngày.

Tôi sẽ không bao giờ gặp lại Munoz, nhưng tôi đã gặp lại Don Conrad - ba năm rưỡi sau...

Cuối cùng, xe lửa cũng đến; sớm hay muộn gì mọi điều sẽ xảy đến trong đời này, trừ sự tha thứ từ những tội lỗi, sự tha thứ này đôi khi dường như cố tình xa lánh. Tôi lên một toa xe, tìm được một chỗ ngồi, và sau một ngày rưỡi tôi về đến ga xã nhà mà tôi biết rất rõ, không ngừng bị lắc lư và không ngừng tưởng tượng trong trí suốt cuộc hành trình. Không một ai, tuyệt không một ai, nếu có thì chỉ có Chúa trên trời, chờ đợi lúc trở về của tôi; tuy nhiên không biết ý nghĩ kỳ lạ gì đã khiến tôi tưởng tượng ra cảnh sân ga đông nghẹt những người hân hoan vung tay chào đón tôi, vẫy những chiếc mũ-soa và réo gọi tên tôi trước gió lộng bốn phương...

Lúc tôi bước xuống, tim tôi như bị cầm một thanh kiếm mỏng lạnh buốt. Không một ai ở sân ga... Lúc ấy về đêm, ông Gregorio trưởng ga cầm chiếc

đèn lồng, một bên xanh lục một bên đỏ, và một lá cờ cuộn trong bao làm hiệu cho xe lửa khởi hành...

Rồi quay về hướng tôi, ông nhận ra tôi và chào đón tôi...

- Mẹ kiếp, Pascual! Chú đây à!

- Phải, thưa ông Gregorio. Tự do rồi!

- Tốt, tốt!

Rồi ông quay người, không buồn chú ý đến tôi nữa. Ông bước luôn vào gian nhà nhỏ. Tôi muốn kêu với theo ông: “Tự do rồi, thưa ông Gregorio!... Tôi được trả tự do rồi!” vì tôi nghĩ rằng ông không hiểu. Nhưng tôi ngần ngại, rồi tôi không gọi ông... Máu ù ù trong tai tôi, lệ dâng lên mắt tôi. Sự tự do của tôi có liên quan gì đến ông Gregorio đâu!

Tôi bước khỏi sân ga, bọc quần áo trên vai, không đi dài theo xã mà đi một con đường tắt dẫn đến nhà tôi. Tôi bước đi, lòng buồn rười rượi. Tất cả những niềm vui của tôi đã bị ông Gregorio xóa tiêu với những lời lẽ khốn nạn của ông; cả một dòng thác những ý nghĩ bi thảm, những điều thảm khốc mà tôi cố xua đuổi một cách vô ích tràn ngập trí óc tôi. Đêm sáng không một gợn mây, vàng trắng như một chiếc bánh thánh đóng đinh giữa trời. Tôi cố tránh không nghĩ ngợi gì đến cái lạnh khủng khiếp đang thấm vào người tôi...

Dưới kia, bên phải con đường mòn, quãng giữa đường đến nhà tôi, là nghĩa trang, vẫn ngay tại chỗ mà tôi đã để lại, với bức tường gạch đen đen, với cây trắc bá cao không thay đổi, với con cú mèo rúc trong những cành cây... Nghĩa trang nơi an nghỉ của cha tôi vì con thịnh nộ của ông, của Mario vì sự ngây thơ của nó, của vợ tôi vì cảnh bơ vơ của nàng, và của Cao Kêu vì sự trâng tráo quá đời của hắn... Nghĩa trang, nơi thói ruồng thân xác của hai đứa con tôi, đứa đầu lòng vì truy thai và thằng Pascualillo mười một tháng tuổi là con yêu con quý của chúng tôi... Tôi lo sợ vì phải về xã như thế, một mình, trong đêm tối, và trước hết phải đi gần nghĩa trang! Đường như Ông Trên khoải trá khi đặt nghĩa trang trước mặt tôi, một cách cố ý, để

buộc tôi phải suy gẫm rằng con người không là gì cả! Chiếc bóng của thân tôi đi trước tôi, dài, thật dài như một bóng ma vờn trên mặt đất, ngoan ngoãn theo thế đất; chiếc bóng thật thẳng trên con đường hoặc trèo lên tường nghĩa trang rồi nghiêng qua đó. Tôi vụt chạy, bóng cũng chạy. Tôi dừng, bóng cũng dừng. Tôi nhìn bầu trời: không một áng mây. Bóng theo tôi, từng bước, đến nhà... Tôi đã sợ, một nỗi sợ không thể giải thích; tôi tưởng tượng những người chết trong hình dáng những bộ xương đến nhìn tôi đi qua. Tôi không dám ngẩng đầu nhìn lên, tôi bước nhanh; thân tôi dường như không còn trọng lượng, cái bọc quần áo cũng vậy... Dường như tôi mạnh mẽ hơn bao giờ hết... Và bỗng nhiên tôi chạy thật nhanh như chó chạy trốn; tôi chạy, tôi chạy như điên, như bị quỷ ám. Lúc về đến nhà, tôi mệt nhoài, tôi không thể bước thêm một bước...

Tôi để hành lý xuống đất, ngồi lên trên. Không một tiếng động. Chắc Rosario và mẹ tôi đã ngủ say, không hay biết đến sự hiện diện của tôi, đã tự do, cách cả hai chỉ mấy bước. Có thể em gái tôi đã đọc ngay trước khi đi ngủ kinh *Đức Mẹ Hằng Cứu Giúp*, bài kinh nó ưa thích nhất, để cầu nguyện cho tôi được giải thoát. Có lẽ giờ đây nó đang buồn bã nghĩ đến nỗi bất hạnh của tôi, nó đang thấy tôi nằm dài trên những tấm ván của xà lim và nghĩ đến nó, người duy nhất mà tôi chân thành thương yêu trong đời tôi! Có lẽ nó đang hải hùng vật vã trong một cơn ác mộng... Còn tôi, từ giờ trở đi, tôi ở đây, được tự do, lành lặn, sẵn sàng lập lại cuộc đời mới, sẵn sàng an ủi nó, nuông chiều nó, trông thấy nó mỉm cười...

Tôi không biết phải làm gì; tôi có ý nghĩ gọi mẹ tôi và em gái tôi. Cả hai ắt sẽ sợ hãi; không ai gọi vào giờ này. Chắc cả hai sẽ không dám mở cửa... Nhưng tôi không thể ở mãi tại đây ngồi trên quần áo mình, cũng không thể chờ đến sáng...

Hai người đàn ông đi trên đường trò chuyện lớn tiếng; họ có vẻ vui tươi, sung sướng; họ từ Almendralejo đến, có lẽ họ đã gặp bạn gái của họ. Tôi nhận ngay ra Léon, anh của Martinete, và Sebastian nhỏ. Tôi phải nấp, không hiểu tại sao, tôi phải nấp nhanh. Họ đi ngang thật gần ngôi nhà, suýt đụng tôi; tôi nghe họ nói:

- Nào, hãy xem chuyện đã xảy ra cho anh Pascual...

- Anh ta có làm gì khác việc mà ở vào hoàn cảnh anh ta ai cũng làm đâu...

- Bảo vệ danh dự của vợ anh ta.

- Đúng vậy.

- Rồi anh ta bị giam ở Chinchilla, chỉ cách đây hơn một ngày xe lửa, thế mà đã ba năm rồi...

Tôi cảm thấy một niềm vui sâu đậm; trong đầu tôi ý nghĩ là nhảy ra khỏi chỗ nấp, chạy đến trước mặt họ để ôm hôn họ... Tuy nhiên, tôi lại quyết định không làm gì cả; trong nhà tù tôi đã học được tính điềm tĩnh, học được cách ngăn chặn những tình cảm bùng bột của mình...

Tôi chờ cho họ đi xa. Khi tôi chắc chắn rằng họ đã khá xa, tôi nhảy ra khỏi hố và đi về phía cửa. Cái bọc của tôi vẫn ở đấy, họ đã không trông thấy; bằng không, họ đã đến gần; tôi đã phải xuất đầu lộ diện, giải thích cho họ hiểu; ắt họ sẽ tin rằng tôi đang trốn tránh, tôi lánh mặt họ...

Tôi không buồn nghĩ thêm về chuyện đó; tôi đến bên cửa, tôi gõ hai tiếng. Không ai trả lời... Tôi chờ mấy phút. Không có gì cả. Tôi lại gõ, lần này mạnh hơn. Bên trong thắp lên một ngọn đèn.

- Ai đấy?

- Tôi đây!

- Tôi là ai?

Giọng của mẹ tôi. Tôi vui thích được nghe tiếng bà, tại sao tôi phải nói dối?

- Con, Pascual đây!

- Pascual à?

- Phải, mẹ ời. Pascual!

Bà mở cửa. Trong ánh đèn, trông bà như một mũ phù thủy.

- Màý muốn gì?

- Sao, con muốn gì à?

- Ừ.

- Con muốn vào chứ muốn gì, sao mẹ hỏi thế?

Bà ngạc nhiên. Vì sao bà lại đối xử với tôi thế kia?

- Có việc gì đấy, mẹ?

- Gì đâu, sao thế?

- Mẹ có vẻ kinh hoàng!

Tôi chắc chắn rằng bà không thích gặp tôi. Tất cả những thù hận cũ trở lại tràn ngập lấy tôi. Tôi cố tự chủ.

- Còn em Rosario đâu mẹ?

- Nó đi rồi.

- Đi rồi à?

- Ừ.

- Nó đi đâu?

- Đi Almendralejo.

- Lại đi tới đó nữa à?

- Ừ.

- Nó đi với người ta à?

- Ừ.

- Ai thế?

- Việc gì đến mày?

Thế giới đổ sụp xuống đầu tôi. Tôi không trông thấy rõ; tôi tự hỏi liệu mình có nằm mơ không. Mẹ tôi và tôi im lặng trong một lúc.

- Sao nó lại đi?

- Mày thấy đấy...

- Nó không thể chờ con à?

- Nó không biết mày sẽ trở về. Nó cứ nhắc mày luôn...

Tội nghiệp Rosario, cuộc đời của nó buồn bã biết mấy, mà nó vẫn tốt biết bao!

- Nhà đã không có cái ăn ư?

- Thỉnh thoảng.

- Và do đó nó phải bỏ đi?

- Biết đâu.

Chúng tôi lại im lặng.

- Mẹ có gặp nó không?

- Có, nó thường về nhà... Vì thằng kia cũng ở cùng xã!

- Thằng kia?

- Ừ.

- Ai thế?

- Sebastian nhỏ.

Tôi tưởng tôi ngã xuống chết. Tôi muốn trả giá đắt để trở lại nhà tù...

XVIII

Rosario đến thăm tôi ngay khi được tin tôi về.

- Hôm qua, em được tin anh trở về. Anh không thể tưởng tượng em vui đến đâu!

Nghe nó nói như thế, tôi sung sướng biết bao!

- Biết chứ, anh biết chứ, Rosario, anh có thể tưởng tượng ra điều đó. Anh cũng vậy, anh rất nóng lòng gặp lại em!

Anh em chúng tôi dường như đang nói xã giao, dường như chỉ mới gặp nhau trước đây mười phút. Cả hai đều hết sức cố gắng tỏ ra tự nhiên. Sau một lúc, tôi hỏi cho có hỏi:

- Làm thế nào em lại có thể đi lần nữa?

- Anh thấy đấy...

- Tình thế bức bách lắm à?

- Khá bức bách.

- Và em không chờ được à?

- Em đâu có muốn...

Giọng nó chua chát.

- Em đâu có muốn gặp những điều bất hạnh mới.

Tôi hiểu con bé tội nghiệp đã chịu đựng khá nhiều...

- Ta đừng nói chuyện đó nữa, anh Pascual!

Rosario mỉm cười như nó vẫn mỉm cười, nụ cười thiếu nảo và mệt mỏi của tất cả những kẻ bất hạnh mà bản chất hãy còn tốt lành.

- Mình hãy nói chuyện khác... Anh có biết em đã tìm được cho anh một phụ nữ rồi không?

- Cho anh à?

- Vâng.

- Một phụ nữ à?

- Vâng. Chuyện đó làm anh ngạc nhiên sao?

- Không... Nhưng kỳ cục. Ai có thể yêu anh chứ?

- Người nào cũng được. Chứ không phải em cũng thương anh sao.

Tôi đã biết tình thương của em gái tôi, nhưng tôi thích nghe nói như thế; cũng như thích nghe chuyện nó tìm cho tôi một cô vợ. Ý nghĩ hay quá đi chứ!

- Mà ai vậy?

- Cháu gái bà Engracia.

- Cô Espérance?

- Vâng.

- Cô ấy đẹp thật!

- Chị ấy yêu anh lâu lắm rồi, trước khi anh cưới vợ.

- Cô ấy kín tiếng quá nhỉ!
- Anh còn muốn gì nữa! Mỗi người một tính!
- Và em, em đã nói gì với cô ấy?
- Nói gì đâu; chỉ nói rằng sẽ có ngày anh trở về.
- Và giờ đây anh đã trở về...
- Tạ ơn Chúa!

Người phụ nữ Rosario chọn cho tôi đúng là một cô gái đẹp. Nàng không phải là hạng người như Lola, nhưng là hạng giữa Lola và vợ của anh Esterez, và nếu nhìn gần thì hao hao giống em gái tôi. Năm ấy, nàng ba mươi, ba mươi một gì đó, nhưng trông còn rất trẻ. Nàng rất sùng đạo, đến mức sùng tín, chuyện hiếm có trong vùng tôi, nàng cứ để mặc cuộc đời đưa đẩy, như những người di-gan mặc cho định mệnh, lúc nào cũng nhắc đi nhắc lại:

- Sao lại thay đổi? Phần số đã vậy rồi!

Nàng sống chung trên đồi với người cô, bà Engracia, em một cha khác mẹ của cha nàng; nàng mồ côi cả cha lẫn mẹ từ tấm bé; bản chất nàng ngoan ngoãn, hơi e thẹn, và không ai nghe thấy nàng cãi vã với người khác, hướng hồ với người cô mà nàng hết sức tôn kính. Về sạch sẽ, ít người bằng nàng; đôi má nàng đỏ hồng; và một thời gian sau khi trở thành vợ tôi - người vợ thứ nhì - nàng thu xếp nhà cửa của tôi khéo léo từng chút một.

Lần đầu được gặp lại nhau, cả hai chúng tôi đều lúng túng; chúng tôi đều biết mình sắp nói gì, chúng tôi thẹn thùng liếc nhìn nhau như rình rập nhau để cố bắt gặp những cử chỉ nhỏ nhặt của nhau... Chỉ có hai chúng tôi nhưng tình trạng vẫn thế; chúng tôi chỉ có một mình đã một tiếng đồng hồ, và dường như mỗi lần chúng tôi muốn mở đầu câu chuyện thì cuộc đối thoại lại càng khó khăn hơn. Mãi sau, chính nàng phá tan sự im lặng.

- Anh béo tròn ra.
- Có thể...
- Mặt anh trông sáng hơn.
- Có thể...

Tôi cố tỏ ra nhã nhặn và niềm nở nhưng vô ích, tôi cứ ngó ra, rũ xuống dưới một sức nặng khiến tôi ngạt thở; cảm giác ấy là một trong những cảm giác dễ chịu nhất của đời tôi, một trong những cảm giác để lại trong tôi nhiều luyến tiếc nhất.

- Ở nhà lao anh sống thế nào?
- Tệ lắm.

Nàng trở nên tư lự ... Nàng nghĩ gì nhỉ?

- Anh có nghĩ nhiều về chị Lola không?
- Đôi lúc thôi. Việc gì phải nói dối? Vì anh chẳng còn chuyện nào khác để làm nên anh nghĩ đến mọi người. Cả đến Cao Kều, em thấy đấy.

Espérance dường như mệt hơn.

- Em rất sung sướng khi anh trở về.
- Phải đấy, Espérance, còn anh rất sung sướng vì em chờ anh.
- Em chờ anh à?
- Phải, em không chờ anh sao?
- Ai nói anh chuyện ấy?

- Em thấy đấy! Chuyện đó ai lại không biết.

Giọng nàng run run; và tôi cũng suýt run theo.

- Rosario nói à?

- Phải. Nói thế có gì hại sao?

- Không có gì hại cả ...

Những giọt lệ dâng lên đôi mắt nàng.

- Em nghĩ như thế nào về anh?

- Anh muốn em nghĩ gì chứ? Em không nghĩ gì cả!

Tôi từ từ đến gần nàng và hôn hai tay nàng. Nàng để tôi hôn.

- Esperanza, anh cũng như em đều tự do.

- ...

- Tự do như lúc anh hai mươi tuổi.

Espérance rụt rè nhìn tôi.

- Anh đã già đâu, anh phải nghĩ đến chuyện tiếp tục sống.

- Vâng.

- Nghĩ đến chuyện gây dựng lại trong công việc của anh, nhà cửa của anh, cuộc đời của anh. Có đúng là em vẫn còn chờ anh không?

- Dạ vâng.

- Và tại sao em lại không nói với anh

- Em đã nói với anh rồi.

Đúng vậy; nàng đã nói với tôi, nhưng tôi thích nghe nữa.

- Nói lại với anh lời ấy đi.

Mặt Esperanza đỏ như gấc. Tiếng nàng đứt quãng; môi nàng, cánh mũi nàng run run như những chiếc lá lay động trong cơn gió thoảng.

- Em đã chờ anh, anh Pascual. Ngày ngày em cầu nguyện cho anh sớm trở về! Chúa đã nghe lời của em ...

- Đúng vậy.

Tôi lại hôn hai bàn tay của nàng. Tôi rất dịu dàng. Tôi không dám hôn mặt nàng...

- Em muốn ... Em muốn ...

- Vâng.

- Em biết anh định nói gì không?

- Biết. Anh đừng nói tiếp.

Rồi nàng chột hờn hờ như buổi rạng đông.

- Hôn em đi anh...

Giọng nàng bỗng khác đi, trầm hơn, tắt nghẹn.

- Em chờ anh khá lâu rồi!

Tôi hôn nàng nồng nàn, sâu đậm, với một sự thương yêu và tôn trọng mà tôi chưa bao giờ cảm thấy đối với người đàn bà nào khác, tôi ghì chặt

nàng, thật lâu, thật lâu đến nỗi lúc tôi rời miệng nàng, tình yêu chung thủy nhất vừa thành hình trong tôi.

XIX

Chúng tôi cưới nhau gần hai tháng thì tôi hiểu rằng mẹ tôi vẫn dùng lại những kiểu cách và những thủ đoạn nham hiểm ngày xưa. Tôi phát cáu trước sự ngờ vực và khinh thường của bà, trước những lời châm chích bóng gió, trước giọng kim lúc bà nói với tôi, cái giọng trả giá như chính bà. Vợ tôi nhân nhượng bà, vì đâu còn cách nào khác. Bà rất ghét vợ tôi và không thể che giấu sự khinh miệt của bà đến nỗi một hôm vợ tôi không chịu đựng được nữa; nàng trình bày câu chuyện với tôi bằng những lời lẽ mà tôi hiểu rằng chỉ còn một giải pháp duy nhất là hai đứa tôi và bà phải xa nhau, mang đất xây giữa bà và chúng tôi. Ở xứ tôi, thành ngữ “mang đất xây giữa hai người” có nghĩa là hai người thu xếp sống trong những xã khác, nhưng nghĩa đen là xây đất giữa căn phòng nơi người này đi và căn phòng những người khác ngủ, chỉ có sáu thước chiều cao...

Tôi nghĩ tới tính lui về việc ra đi, xét đủ mọi khía cạnh; tôi nghĩ đến La Coruna, đến Madrid, hoặc gần hơn tỉnh ly ^[7]; nhưng tôi vẫn không quyết định, có lẽ do tính hèn nhát hoặc tính thiếu kiên quyết nên tôi cứ chẻ sợi tóc ra mà xem xét. Nếu lúc ấy tôi ra đi thì chính tôi trốn chạy hình hài của tôi, chính những kỷ niệm của tôi và mớ đất ấy đâu đủ dài đủ rộng để che lấp tiếng la ó của lương tâm tôi... Ra đi như vậy là tôi muốn mang đất xây giữa chiếc bóng của tôi và tôi, giữa tên tôi, dĩ vãng tôi và tôi, giữa da tôi và tôi; cái thẳng tôi mà nếu không có bóng, không có dĩ vãng, không có tên và không có da, thì hầu như không có gì...

Có những dịp mà tốt nhất là ta biệt dạng như người chết, vụt biến mất như bị đất nuốt chửng, tản mát trong không khí như một cuộn khói... Những dịp mà nếu ta không lợi dụng, nếu ta không phải là thiên thần, ta sẽ thôi không ngụp lặn trong vũng lầy của tội ác và tội lỗi, ta sẽ thoát khỏi sức nặng của nhục thể hoại rữa của ta... Sự lãng quên sẽ đến, tôi chắc chắn với ngài như vậy, vì như thế nỗi kinh tởm chúng ta giữ lại rất to lớn, nếu không có người thường xuyên khơi dậy trong ký ức của ta và thôi ra những lớp xỉ để làm ngạt thở tâm hồn ta... Không gì hồi thôi bằng bệnh hủi mà cái ác để

lại trong tâm hồn bằng nỗi đau đớn bị chìm đắm mãi mãi trong cái ác để rồi tan rã dưới nhà chứa hài cốt của những hy vọng đã chết mà cuộc đời buồn bã của ta đã chông chênh hầu như từ lúc ta mới chào đời...

Giống như tất cả những ý nghĩ xấu xa, ý nghĩ giết chóc chậm chạp đến dần, trườn như rắn nước. Không bao giờ các ý nghĩ quật ngã ta lại đột nhiên xông đến; những khởi đầu bất chợt làm ta ngạt thở trong một lúc, rồi đi luôn, chúng ta lại sống nhiều năm trường. Những ý tưởng khiến ta bị chứng điên tệ hại nhất, chứng điên vì buồn bã làm ta tổn thương dần dần, hầu như ta không hay biết, như sương mù xâm chiếm những cánh đồng hoặc như bệnh lao xâm chiếm hai buồng phổi... Chúng cứ tiến, nhẹ nhàng và đều đặn như mạch đập của con tim - nhưng hết sức tai hại, không mệt mỏi. Hôm nay không dấu vết gì, ngày mai có lẽ cũng không, ngày kia cũng không, không suốt một tháng trời. Tuy nhiên, tháng ấy trôi qua, ta bắt đầu thấy thức ăn đắng đắng, ký ức ta đau đớn; thế là ta đã bị. Những ngày, những đêm trôi qua, ta trở nên rụt rè, đơn độc; trong đầu ta, âm ỉ những ý nghĩ, những ý nghĩ sẽ cắt lia đầu ta nơi chúng đã âm ỉ, có lẽ chỉ để chấm dứt công việc khốc hại kia. Có thể những tuần lễ trôi qua trong tình trạng đó, không thay đổi; những người xung quanh ta giờ đây đã quen với tính khí man dại của ta và không ngạc nhiên nữa trước những kiểu cách kỳ cục của ta. Nhưng, một hôm, cái ác lớn lên như cây cối, nó to ra, và giờ đây ta thôi không chào hỏi mọi người nữa; họ lại bắt đầu thấy ta kỳ lạ như kẻ thất tình. Ta sẽ gầy gò, ngày càng gầy gò thêm, và mớ râu trước kia xồm xoàm của ta ngày càng trở nên xác xơ. Giờ đây, ta cảm thấy sự hận thù giết hại ta, ta trốn tránh những cái nhìn; lương tâm ta làm chúng ta đau đớn, mặc! Tốt hơn lương tâm ta cứ làm ta đau đớn! Mắt ta đầy một thứ nước đục và thiêu đốt ta mỗi khi ta nhìn quanh. Kẻ thù chú ý sự lo sợ của ta, nhưng hấn tin tưởng; bản năng không nhầm lẫn. Điều bất hạnh như dễ chịu, như vầy gọi mời mọc, và ta cảm thấy niềm vui dịu dàng trao cho nó cái chỗ bao la và mong manh, cái từ giờ trở đi là tâm hồn ta... Ta bỏ chạy như dê ư? Tiếng động quấy rầy những cơn mộng của ta ư? Ta đã bị cái ác gặm mòn. Không còn tìm ra giải pháp nào nữa, không còn cách thu xếp nào nữa. Ta lại bắt đầu ngã, ngã thật nhanh, và không bao giờ ta có thể ngẩng đầu lên trong cuộc sống nữa. Nếu không ngẩng đầu lên, vào giờ cuối cùng, trước khi trượt cằm đầu xuống địa ngục... Chuyện xấu xa.

Mẹ tôi vui thích một cách tai ác khi hành hạ bộ óc tôi, nơi xuất phát các ác như xác chết quên lũ ruồi. Toàn bộ mặt đắng tôi nuốt đầu độc tim tôi, đem trong tôi biết bao ý tưởng xấu xa, đến nỗi tôi sợ chính tôi. Tôi không muốn trông thấy bà; ngày qua ngày, ngày này giống hết ngày khác, và cơn đau quặn trong ruột tôi không thay đổi, khác nào những điềm báo bão kia làm mờ tầm nhìn của ta cũng không thay đổi.

Ngày tôi quyết định sử dụng con dao của mình, tôi rất chán ngán nó, rất chắc chắn rằng chỉ có máu chảy là phương thuốc chữa trị, rằng ý nghĩ về cái chết của bà sẽ không làm con tim tôi xao động. Chuyện đó là tiền định, chuyện đó phải đến và sẽ đến, đó là điều tôi phải gây ra, tôi không thể tránh né đâu rằng tôi rất muốn. Thật vậy, tôi không thể đổi ý, lùi về phía sau tránh điều bất hạnh mà giờ đây ắt tôi sẽ góp một tay để khởi xảy ra, nhưng lúc bấy giờ tôi khoái trá thực hiện chuyện đó, tính toán trước chuyện đó, như một nông dân đánh giá vụ thu hoạch của mình...

Mọi việc đã chuẩn bị chu đáo; nhiều đêm ròng tôi nghĩ đến cùng một chuyện đó, để bạo dạn hơn, để có can đảm hơn; tôi mài con dao đi núi; con dao lưỡi dài của tôi, rộng bản như lá ngô nhưng có rãnh, chuôi cầm xà cừ trông có vẻ thách thức... Chỉ còn việc ấn định ngày hành sự. Và lúc ấy, không phép chần chờ nữa, không thoái thác nữa, mà chỉ cần bình tĩnh... để rồi ra tay, ra tay cho nhanh - không cần giữ gìn ý tứ, rồi bỏ trốn, trốn thật xa, đến La Coruna, trốn một nơi không ai biết, nơi có thể sống bình yên đợi sự quên lãng của người đời, sự quên lãng cho phép ta trở về và tiếp tục sống... Tôi sẽ không hối hận, vì không có lý do để hối hận. Lương tâm chỉ cắn rứt ta một khi ta phạm những bất công như đánh một đứa bé, giết hại một con chim én... Nhưng hành động do thù oán, hành động do một ám ảnh, không bao giờ ta hối hận, không bao giờ lương tâm ta phiền trách ta.

Hôm ấy là ngày 12 tháng 2 năm 1922. Năm ấy, ngày 12 tháng 2 nhằm thứ sáu. Trời quang đãng như thường lệ, mặt trời như to hơn, tôi tin mình nhớ rằng ngày ấy có nhiều trẻ con hơn lúc nào hết đang chơi bi và chơi đánh khăng. Cảnh ấy ám ảnh tôi, nhưng tôi cố chiến thắng mình và tôi thành công; trở lại sau là bất khả, là chết, là tự sát. Cuối cùng họ sẽ tìm thấy tôi dưới dòng Guadiana, dưới những bánh xe lửa... Không, tôi không thể

lui; tôi phải tiến tới trước, luôn luôn tiến tới trước, tiến đến cùng. Chuyện đó đã trở thành vấn đề sĩ diện cá nhân.

Vợ tôi hẳn đoán được điều gì đó.

- Anh định làm gì đấy?

- Gì đâu, sao em hỏi vậy?

- Em không rõ; em thấy anh kỳ cục lắm.

- Em sao cứ tưởng tượng!

Tôi hôn nàng để trấn an nàng; đó là nụ hôn cuối cùng tôi trao cho nàng. Lúc bấy giờ tôi đâu biết như vậy! Nếu biết, ắt tôi đã rùng mình!

- Sao anh hôn em như vậy?

Tôi nín thinh.

- Sao em không hôn anh?

Lời lẽ của nàng khiến tôi suy nghĩ nhiều. Dường như nàng đã đoán được những gì sắp xảy ra, dường như nàng đã đi suốt con đường đó.

Mặt trời lặn cùng một chỗ như mọi ngày. Đêm đến... chúng tôi ăn tối... hai người phụ nữ đi ngủ... Tôi, tôi ở lại như trước nay, cời tro trong lò sưởi. Lâu lắm rồi tôi không đi đến quán rượu của Martinele nữa.

Thời cơ đang đến, thời cơ mà tôi chờ đợi bấy lâu. Tôi phải cố can đảm, ra tay nhanh, càng nhanh càng tốt. Đêm thì ngắn; tất cả phải tiến hành trong đêm; sáng hôm sau tôi phải cách thật xa khỏi xã.

Tôi lắng tai nghe một lúc lâu. Tôi không nghe gì. Tôi đến tận phòng vợ tôi; nàng đã ngủ, tôi để nàng ngủ. Mẹ tôi chắc cũng đã ngủ. Tôi trở lại nhà

bếp; tôi cởi giày; sàn nhà lạnh lẽo, đá cắm vào lòng bàn chân tôi. Tôi rút dao khỏi bao, con dao lấp lánh trong ánh lửa như những tia nắng...

Bà ta kia, nằm dài dưới tấm chăn, mặt áp vào gối. Tôi chỉ cần lao lên thân thể của bà, ra tay. Bà sẽ không nhúc nhích, bà sẽ không thốt một tiếng; tôi không để bà có thì giờ... Bà ta kia, trong tầm tay của tôi, vẫn ngủ say, không nghi ngại gì. Chúa ơi, sao những người ta muốn giết hại lại ít nghi ngại về số phận của họ đến thế! Tôi muốn quyết định, nhưng tôi không thể quyết định; đã nhiều lần tôi giơ tay lên rồi lại buông xuống dài theo thân tôi.

Tôi nghĩ là hãy nhắm mắt và ra tay. Nhưng không thể được. Ra tay mà nhắm mắt thì giống như không ra tay, vì có nguy cơ không trúng... Tôi phải ra tay, mắt mở thật to, với tất cả sức lực của mình. Tôi phải giữ điềm tĩnh, phải lấy sự điềm tĩnh dường như đã mất khi tôi trông thấy thân hình của mẹ tôi... Thời gian trôi qua và tôi vẫn ở đấy, bất động, đứng sững như một bức tượng, không thể xúc tiến công việc đó. Tôi không dám; dẫu sao, đó là mẹ tôi, người đàn bà đã sinh ra tôi và do đó đáng được tha thứ... Không, tôi không thể tha thứ bà bởi vì bà đã sinh ra tôi. Sinh ra tôi, bà không ban cho tôi một ân huệ nào cả, hoàn toàn không... Không có thời gian để mất. Phải quyết định một lần cho dứt khoát... Tôi đứng đấy một lúc lâu như người mộng du, con dao trong tay, hình ảnh của tội ác... Tôi cố tự chủ, cố lấy lại sức, cố tập trung sức. Người tôi nóng bừng với ước muốn ra tay nhanh, thật nhanh, và chạy ra khỏi đấy, chạy đến lúc tôi quỵ xuống vì mệt nhoài ở một nơi nào đó, bất cứ nơi nào cũng được. Nhưng cứ đứng đấy nên tôi mòn mỏi; tôi đã đứng bên bà cả giờ, đứng như hộ vệ bà, canh giữ giấc ngủ của bà. Thế mà tôi đến để giết bà, để thủ tiêu bà, để tước mạng sống của bà bằng những nhát dao!...

Có lẽ một giờ nữa sắp trôi qua. Không, dứt khoát không. Tôi không thể ra tay; vụ này quá sức tôi, làm máu tôi chảy ngược chiều. Tôi nghĩ rằng mình sẽ chạy trốn. Nhưng có thể tôi sẽ gây tiếng động khi bỏ đi! Bà sẽ thức giấc, sẽ nhận ra tôi. Không, tôi cũng không thể trốn; dù sao đi nữa, thì tôi cũng tiêu đời. Tôi không còn giải pháp nào khác hơn là ra tay, xuống tay không thương hại, thật nhanh, hoàn tất càng nhanh càng tốt. Nhưng tôi cũng không thể ra tay được... Dường như tôi đang sa vào một bãi lầy, tôi đang

chìm từ từ, không phương cứu vãn, không lối thoát nào nữa. Sinh lầy siết lấy cổ tôi. Tôi sắp chết đuối như một con mèo... Tôi không thể ra tay, tôi như tê dại..

Tôi quay người ra sau định bỏ đi. Ván sàn nghiêng kèn kẹt. Mẹ tôi trở mình trên giường.

- Ai đấy?

Giờ đây không còn giải pháp nào khác. Tôi lao đến, bầu lấy bà. Bà vùng vẫy, tuột khỏi tay tôi... Bà có thể nắm cổ tôi. Bà rít the the như kẻ bị đẩy xuống địa ngục. Bà và tôi đánh nhau; đó là một cuộc đấu tranh khủng khiếp ngài không thể tưởng tượng được. Chúng tôi găm gù như thú dữ, nước dãi sủi bọt ở khoe môi... Trong một lúc quay người, tôi thấy vợ tôi trắng bệch như xác chết, thập thò đứng ngoài cửa không dám vào. Nàng cầm trên tay một cây đèn, và qua ánh đèn tôi thấy được gương mặt của mẹ tôi, tím ngắt như chiếc áo của tu sĩ dòng Sám hối... Mẹ con tôi vẫn đánh nhau; quần áo tôi rách toạc phơi ngực ra ngoài. Mụ chết tiệt khỏe hơn quý. Tôi phải dùng tất cả sức đàn ông để chế ngự bà. Mỗi lần tôi giằn bà xuống, bà lại vuột khỏi tay tôi. Bà cào, bà đá, bà đấm, bà cắn. Bỗng bà ngoạm lấy một đầu vú của tôi - đầu vú bên trái - cắn sứt ra. Cùng lúc, tôi cầm con dao của mình vào hòng bà...

Máu phụt ra, tóe vào mặt tôi. Máu nóng như thịt bưng, có mùi máu cừu...

Tôi buông bà, bỏ chạy. Ra tới cửa, tôi vấp phải vợ tôi; đèn tắt. Tôi chạy ra đồng, tôi chạy, chạy không nghỉ, suốt mấy tiếng đồng hồ. Cánh đồng mát rượi, một cảm giác yên ả chảy trong mạch máu của tôi...

Tôi thở được rồi...

CHÚ THÍCH KHÁC CỦA NGƯỜI GHI LẠI

Bản thảo của Pascual Duarte chấm dứt tại đây. Hắn bị treo cổ vào lúc hắn thuật lại câu chuyện của hắn hay hắn vẫn còn thời gian để thuật những cuộc phiêu lưu khác trên những trang giấy giờ đây đã mất, là điều tôi không thể làm sáng tỏ dù hết sức cố gắng.

Don Benigno Bonilla, cử nhân dược khoa, có ở Almendralejo một hiệu thuốc tại đây tôi phát hiện, như tôi đã nói ở trước, những giấy tờ mà tôi vừa ghi lại, giúp tôi tắt cả các loại phương tiện để tiếp tục việc sưu tầm của tôi. Tôi bới tung hiệu thuốc của ông ta, tôi lục soát tất cả những keo sành, tìm kiếm phía sau những chai lọ, phía trên phía dưới các ngăn kéo, gói bicacbonát natri... Tôi học được nhiều tên đẹp: thuốc cao của con trai Zacarias, của người chăn bò và người đánh xe ngựa, thuốc cao bằng nhựa cây hoặc nhựa dính, bằng mỡ lợn, bằng lá nguyệt quế, của Hội từ thiện thuốc cao trị chứng trĩ lông của cừu, vv... Mù tạt làm tôi ho, rễ cây nữ hoàng làm tôi nôn ọe, ammôniac làm tôi chảy nước mắt, nhưng tôi vẫn bới lợn từng phèo tắt cả; và dấu rằng tôi đã đọc không biết bao nhiêu kinh Lạy Cha dâng cho Thánh Ân toan^[8], tôi không bao giờ phát hiện được những gì tôi tìm vì hắn không có gì để phát hiện.

Tôi không cảm thấy quá buồn nản vì hoàn toàn thiếu những dữ kiện về những năm cuối cùng của Pascual Duarte. Chỉ một bài tính đơn giản cũng đủ chứng tỏ rằng hắn đã phải trở lại nhà lao Chinchilla, theo chính lời lẽ của hắn. Dù sao chẳng nữa, dường như hắn không thể ra khỏi nhà lao này trước khi cuộc nội chiến khởi sự^[9]. Vì không có cách gì thẩm định các sự kiện xảy ra, người ta không thể thêm điều gì vào hoạt động của hắn trong mười lăm ngày biến động cách mạng xảy ra tại xã hắn; ngoài việc hắn giết ông Gonzalez de la Riva, hành động mà hắn tự thú và do đó bị truy tố, người ta không biết gì cả, tuyệt đối không biết gì cả trong giai đoạn sau: cả về tội ác này- mà chúng ta biết rõ là việc hiển nhiên, không thể chối cãi được, người ta không biết gì về những lý lẽ, động cơ thúc đẩy hắn đến hành

động đó, bởi Pascual im thin thít và hắn chỉ nói khi hắn muốn, mà điều này lại rất hiếm hoi. Nếu việc hành quyết hắn được dời lại, có lẽ hắn sẽ có thời gian đề cập đến vấn đề này trong hồi ký của hắn và hắn sẽ kể lể dài dòng; nhưng không có tình huống đó, và giờ đây cách duy nhất người ta có thể lấp khoảng trống về những ngày cuối cùng của đời hắn là bịa ra như trong tiểu thuyết, một giải pháp không thích hợp với tính xác thực của cuốn sách này.

Thư của Pascual gửi cho Don Joaquin Barrera mà tôi đã để ở đầu sách hầu như được xét cùng với các chương có thể được đánh số là chương XII và chương XIII, nếu tôi có đánh số, những chương duy nhất được viết bằng mực tím như mực dùng trong bức thư gửi ông ấy. Điều đó tỏ rõ rằng Pascual không ngưng viết vĩnh viễn như hắn nói, câu chuyện của hắn, nhưng hắn cố tình viết bức thư trên nhằm đạt một hiệu quả tối đa, trong một thời điểm rõ rệt, phương cách này chứng tỏ rằng hắn ít lơ đãng, ít ử rữ như chúng ta thoát tưởng lúc mới gặp hắn. Một việc rất rõ ràng, đã được kiểm chứng bởi hạ sĩ Césaréo Martin của Lực lượng bảo an, người từng được Pascual Duarte lúc bị giam ở đây yêu cầu chuyển bản thảo của hắn từ nhà lao Badajoz đến nhà ông Barrera ở Mérida.

Hòng làm sáng tỏ đến mức độ cao nhất những giờ phút cuối cùng của Pascual, tôi đã viết thư hỏi Don Santiago Luruena, trước kia là cha tuyên úy của nhà lao đó và hiện nay là cha xứ Magacela thuộc tỉnh Badajoz, và Don Césaréo Martin, trước kia là binh sĩ Lực lượng bảo an đồn trú tại nhà lao Badajoz và hiện nay là hạ sĩ chỉ huy đồn La Vécilla thuộc tỉnh Léon; do công tác của mình, hai ông ấy có thể tiếp cận tên sát nhân vào lúc hắn phải trả món nợ của hắn đối với công lý.

Sau đây là thư trả lời của họ...

BỨC THƯ THỨ NHẤT

Magacela (tỉnh Badajoz),

Thưa ông,

Tôi vừa nhận được bức thư đề ngày 18-12 vừa qua của ông cùng với 359 trang đánh máy gồm hồi ký của anh chàng bất hạnh Duarte, thư này đến khá muộn. Tồn bộ bưu kiện trên đã được cha David Freire Angulo chuyển cho tôi, ông ta hiện là cha tuyên úy nhà lao Badajoz và vốn là bạn đồng song của tôi thời trẻ ở chủng viện Salamanca. Liên sau khi mở phong bì, trước hết theo yêu cầu của lương tâm mình, tôi xin viết ngay những dòng xác nhận rằng đã nhận được bưu kiện, và để ngày mai sẽ viết tiếp, khi đã đọc xong, như lời ông dặn dò và cũng để thỏa mãn sự tò mò của chính mình, bản thảo tôi có trước mặt tôi.

Ngày 10.

Tôi vừa đọc một mạch, dẫn rằng theo Heredote^[10] đó không phải là cách đọc tốt, những lời thú tội của Duarte; và ông không thể nghĩ ra được ấn tượng sâu đậm mà những lời thú tội đó để lại trong trí tôi và sự đảo lộn mà nó đem lại trong tâm hồn tôi. Tôi, người đã nhận những lời sám hối cuối cùng của Duarte; và ông không thể nghĩ ra được ấn tượng sâu đậm mà những lời thú tội đó để lại trong trí tôi và sự đảo lộn mà nó đem lại trong tâm hồn tôi. Tôi, người đã nhận những lời sám hối cuối cùng của Duarte với niềm vui của người nông dân thu hoạch được một vụ mùa bội thu lớn nhất, tôi hoàn toàn xúc động bởi câu chuyện của một con người mà hầu hết người ta xem như bệnh hủi (như chính tôi cũng đã tưởng tượng về hắn lần đầu tiên tôi bước vào xà lim của hắn), nhưng khi ta đã thăm dò được chiều sâu của tâm hồn hắn, hắn không khác một con cừu hiền hậu, bị cuộc đời săn đuổi tới cùng và làm hoảng sợ.

Hắn chuẩn bị cái chết của mình một cách mầu mịch; chỉ vào phút chót, con người khốn khổ ấy mới dao động vì thiếu can đảm, hắn đau khổ về tinh thần mà nếu can đảm hơn một chút hắn sẽ tránh được.

Hắn giải quyết trước vấn đề linh hồn của hắn với một quyết định và một sự thanh thản khiến tôi ngạc nhiên; trước mắt tất cả mọi người, lúc bị dẫn ra sân, hắn kêu lên: “Ý Chúa phải được thực hiện”, làm ngạc nhiên tất cả chúng tôi và cảm hóa chúng tôi bởi sự nhẫn nhục của hắn. Quả là điều bất hạnh khi Diêm vương thù địch đã lấy lại sự vinh quang của những giây phút cuối cùng của hắn. Bằng không, cái chết của hắn chắc chắn sẽ được xem như cái chết của một vị nữ thánh! Hắn nêu gương tốt cho tất cả những ai có mặt ở những giây phút cuối cùng của hắn (tới lúc hắn có thể tự chủ được, như tôi đã nói) và từ hình ảnh tôi chứng kiến, tôi rút ra những lời chỉ dạy có lợi cho chức vụ giáo huấn dịu dàng của tôi về cứu rỗi các tâm hồn: Cầu xin Chúa nhận hắn vào nước Thiên đàng của Người!

Xin ông nhận nơi đây lòng thương mến thành thực và lời chào của kẻ hèn mọn này.

S.Luruena, tu sĩ

T.B. - Tôi tiếc rằng không thể làm hài lòng ông về vụ bức ảnh và tôi cũng không biết chỉ ông điều gì khác về vấn đề này.

BỨC THƯ THỨ HAI

La Vécilla (tỉnh León),

Thưa ông,

Tôi nhận được bức thư đề ngày 18-12 của ông, và hy vọng rằng lúc nhận được bức thư này ông vẫn được mạnh khỏe. Về phần tôi, tôi vẫn an khương - xin cảm tạ Chúa - dầu rằng người cứng đờ với khí hậu này, khí hậu không ước ao gì đối với tên sát nhân lớn nhất. Giờ đây, tôi xin lần lượt trả lời tất cả những câu hỏi của ông, bởi tôi không thấy có gì trở ngại trong quy tắc công vụ; ngược lại nếu có thì tôi sẽ không hờ môi và xin ông tha thứ cho. Ông muốn biết tôi có nhớ đến Pascual Duarte không ư? Tôi tin rằng tôi nhớ hẳn rất rõ, vì hẳn là tù nhân nổi tiếng nhất mà chúng tôi giữ trong nhiều ngày. Tôi không thể cho rằng trí óc hẳn là lành mạnh, cả khi ông cho tôi Eldorado^[11], vì hẳn đã làm những chuyện hết sức bệnh hoạn. Tất cả đều ổn cho tới khi hẳn thú tội lần đầu; liền sau đó, dường như hẳn bỗng hết sức ray rứt, hết sức hối hận, hẳn quyết định gột rửa bằng cách ăn năn sám hối. Những ngày thứ hai vì hẳn giết mẹ hẳn vào ngày thứ hai, những ngày thứ ba vì hẳn giết ông bá tước Torremejia vào ngày đó, những ngày thứ tư vì vào ngày ấy hẳn giết người nào đó, và như thế suốt cả nửa tuần, cái con người khốn khổ ấy nhin không ăn một món nào, hẳn gầy rất nhanh đến nỗi tôi tự hỏi liệu kẻ hành quyết có khó khăn gì trong việc đưa nẹp vào cổ hẳn không. Con người khốn khổ ấy cứ viết và viết hết ngày này sang ngày khác như lên cơn sốt; nhưng vì hẳn không làm phiền ai và vì ông quản đốc nhân từ đã ra lệnh cho chúng tôi cung cấp tất cả những gì hẳn cần để viết, chúng tôi không để hẳn thiếu thôn gì, và hẳn cứ viết, không một phút ngơi nghỉ. Một hôm, hẳn gọi tôi, chỉ cho tôi một bức thư để trong một phong bì không niêm (hắn bảo rằng như vậy, nếu tôi muốn thì cứ đọc) gửi cho Don Joaquin Barrera Lopez ở Mérida, và hẳn nói với tôi bằng một giọng mà không bao giờ tôi biết rằng hẳn cầu xin tôi hay ra lệnh cho tôi:

- Khi nào người ta dẫn tôi đi, ông lấy bức thư này, ông xếp lại đóng giấy tờ này một chút, và gửi tất cả cho ngài Lopez. Ông hiểu chứ?

Rồi hắn nói thêm nhìn sâu vào mắt tôi với một vẻ huyền bí khiến tôi thực sự bối rối:

- Chúa sẽ trả công cho ông... bởi vì tôi sẽ cầu xin Người.

Tôi làm theo lời hắn, vì tôi thấy việc đó không có gì sai quấy và vì tôi luôn luôn tôn trọng ý muốn của người chết.

Về lúc cuối cùng của hắn, tôi chỉ có thể nói với ông rằng đó là cái chết không xứng đáng nhất, thảm hại nhất. Nếu lúc đầu hắn vênh váo, gặp ai cũng nói câu “Ý Chúa phải được thực hiện!” khiến chúng tôi hết sức bàng hoàng, thì bây giờ hắn quên hẳn thái độ đó. Trông thấy giá treo cổ, hắn ngất xỉu, và khi tỉnh lại, hắn gào thét to rằng hắn không muốn chết, rằng người ta không có quyền hành động như thế đối với hắn, đến nỗi phải lôi hắn đi tới chiếc ghế hành hình. Tại đó, hắn hôn lần cuối cùng cây thánh giá cha Santiago giờ trước mặt hắn, cha là tuyên úy của nhà lao, một vị thánh đích thực, rồi hắn khạc nhổ, hắn chòì đập và chấm dứt đời hắn, không quan tâm chút nào đến những người quanh hắn, đến cách thức hết sức nhục nhã và hết sức hèn hạ mà một con người có thể chết, cho tất cả mọi người đều thấy rằng hắn sợ chết.

Khi sách in ra, tôi xin ông gửi cho tôi hai cuốn thay vì một, nếu có thể. Cuốn thứ hai dành cho ông trung úy, ông ta bảo rằng ông ta sẽ gửi tiền chuyển trả qua bưu điện, nếu ông đồng ý như vậy.

Tôi hy vọng rằng thư trả lời của tôi sẽ làm ông hài lòng và tôi xin gửi đến ông những lời chào tốt đẹp nhất.

Césaréo Martin

Thư của ông mãi lâu mới đến tôi và do đó tôi không thể viết thư cho ông trước. Bức thư được chuyển từ Badajoz đến tôi, tôi nhận tại đây ngày thứ bảy, 10 tây, nghĩa là ngày hôm kia. Xin chào tạm biệt.

Tôi có thể viết gì thêm vào lời lẽ của hai ông ấy?

[1] Một tay đấu bò nổi tiếng. (Tất cả chú thích trong quyển này là của người dịch)

[2] Một trong ba thánh của phương Đông khi đứng nhìn Chúa Hài đồng nằm trong máng cỏ.

[3] Nguyên văn «El Estrico» - kéo giãn

[4] Người đấu bò loại *novillo* (bò tót hai tuổi)

[5] Ở Tây Ban Nha, khi làm lễ cưới, thường có người cha đỡ đầu và người mẹ đỡ đầu.

[6] Rượu trắng ở Dudslosuia, độ cồn cao

[7] Tức Mérida, tỉnh lỵ của tỉnh Badajoz

[8] Để tìm lại những món đã mất (như người Việt Nam vái cúng Ông Địa).

[9] Cuộc nội chiến Tây Ban Nha xảy ra từ tháng 6-1936 đến năm 1939, do tướng Franco phát động với sự ủng hộ của phe quốc gia, chống những lực lượng tiến bộ của Mặt trận nhân dân Tây Ban Nha sau khi Mặt trận thắng cử trong các cuộc bầu cử tháng 2-1936; sau khi thắng lợi của Franco, đất nước Tây Ban Nha đặt dưới chế độ độc tài Franco, ngã theo phe trục phát-xít.

[10] Sử gia Hy Lạp thế kỷ thứ 5 trước C.N., “người cha của môn sử”.

[11] Xứ sở huyền thoại có rất nhiều mỏ vàng